

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỂN TÁM

Thiên thứ tám
CHÁNH QUYẾT VÃNG SINH

Trong giáo lý Tịnh độ, một môn vãng sinh được ghi chép đầy đủ nơi các kinh điển, sáng tỏ như mặt trời. Thật là phương pháp vào đạo của kẻ tu hành, là nơi gửi tinh thần của người niệm Phật.

Niệm mà vô niệm, niệm ấy tức niệm Di-đà; sinh mà vô sinh, sinh ấy tức sinh Tịnh độ. Thế nên, các hàng Bồ-tát đạo hạnh thâm sâu, các bậc Đại sư gương mẫu bao đời, công khanh nho sĩ, thường dân phụ nữ, đều dốc lòng tin tưởng đạo này, những người

thệ nguyện tiến tu không thể tính kể. Ý họ là gì? Chỉ muốn vãng sinh Tịnh độ, thấy Phật Di-đà mà thôi.

Nên biết, Phật vốn không thân, cũng không cõi nước, đó đều là do tâm chúng sinh thanh tịnh mà cảm nên. Trong kinh có nói: *“Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biển Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng mà phát sinh”*. Đại sư Trí Giả giải thích rằng: “Phật vốn là không, do tâm tịnh nên có. Bởi vì tâm chúng sinh thanh tịnh thì pháp thể hiện tiền, tâm chúng sinh ô nhiễm thì lưu chuyển trong đường đau khổ. Đó là lẽ thường, sao lại nghi ngờ? Từ nơi giáo lý chân thật trọn vẹn luận bàn về duy tâm vốn đầy đủ, hoặc đây hoặc kia, hoặc nhiễm hoặc tịnh, đều chẳng vượt ra một tâm niệm của ta. Tâm là cội nguồn tạo ra tội lỗi, cũng là căn bản của sự thành Phật. Bảo rằng, vừa có tâm nhỏ nhiệm đã đầy đủ ba ngàn Đại thiên thế giới¹¹⁰. Song, các pháp trong ba ngàn thế giới đã

¹¹⁰ **Tam thiên đại thiên thế giới:** thế giới Tam thiên đại thiên, vũ trụ quan của người Ấn Độ thời xưa. Lấy núi Tu-di làm trung tâm, chung quanh có bốn đại châu và chín lớp núi, tám lớp biển gọi là một tiểu thế giới, là từ cõi trời Sơ thiên của cõi Sắc, đến lớp phong luân dưới đáy mặt đất. Trong đó bao gồm: mặt trời, mặt trăng, núi Tu-di, Tứ thiên vương, Tam thập Tam thiên, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thế... 1000 tiểu thế giới này, hình thành một tiểu thiên thế giới, 1000 tiểu thiên thế giới hợp thành trung thiên thế giới,

đầy đủ mười Pháp giới¹¹¹, mười Như thị¹¹², ba loại thế gian¹¹³, hỗ trợ lẫn nhau, hiển bày đầy đủ. Thế thì bỏ nơi đây để tìm cầu cõi An Dưỡng nào nữa?

1000 trung thiên thế giới hợp thành đại thiên thế giới, nên gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

¹¹¹ **Mười pháp giới:** tức Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A-tu-la, Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Sáu hạng trước gọi là lục phàm, bốn hạng sau gọi tứ Thánh.

¹¹² **Mười như thị:** tức mười như vậy, xuất phát từ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*. Theo *Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa* của Đại sư Trí Giả, không khác gọi là Như, không sai gọi là Thị. Bảo rằng mười pháp giới từ Địa ngục đến pháp giới Phật, đều đủ mười như vậy, là pháp nhân quả.

1. Tướng như vậy: tướng là tướng mạo, căn cứ ở bên ngoài mà có thể phân biệt được, nghĩa là từ Địa ngục đến pháp giới Phật, mỗi tướng mạo chẳng đồng.

2. Tánh như vậy: tánh là tánh phần, căn cứ ở bên trong tự phần chẳng đổi, nghĩa là từ Địa ngục cho đến pháp giới Phật, tánh đều chẳng đồng nhau.

3. Thể như vậy: thể tức thể chất, nghĩa là từ Địa ngục cho đến pháp giới Phật đều lấy sắc thân làm thể chất.

4. Lực như vậy: lực là lực dụng, nghĩa là từ Địa ngục đến pháp giới Phật đều có lực dụng công năng.

5. Tác như vậy: tác là tạo tác, nghĩa là từ Địa ngục đến pháp giới Phật đều có thể vận hành tạo tác.

6. Nhân như vậy: nhân là tập nhân, nghĩa là từ Địa ngục đến pháp giới Phật, nghiệp nhân thiện ác đều tự mình gieo trồng mà sinh, tập hợp tiếp nối chẳng dứt.

7. Duyên như vậy: duyên là duyên trợ giúp, nghĩa là từ Địa ngục đến pháp giới Phật, đều có pháp duyên khởi trợ giúp thành tập nhân.

8. Quả như vậy: quả là tập quả, nghĩa là từ Địa ngục đến pháp giới Phật đều do tập nhân tập hợp tiếp nối ở trước, tập quả thu được ở sau.

Không chỉ Tịnh độ duy tâm mà địa ngục cũng duy tâm. Còn nói rằng, Y báo Chánh báo của Địa ngục A-tỳ hoàn toàn thú hưởng nơi tự tâm của bậc Thánh, và cõi nước và Phật Tỳ-lô-giá-na chẳng ở ngoài một niệm của kẻ phàm phu. Vừa khởi kiến chấp ngộ mê liền vào đường tà, chẳng phân biệt sự khác nhau của nhiễm và tịnh mới trở về chánh đạo. Núi đao rừng kiếm đều là hoa đốm giữa hư không, ao báu sen vàng đều thành việc trong mộng. Thọ dụng như thế mới rõ chân tu, nếu chưa được vậy, nên y theo giáo lý quyền biến lần lần ra công tu tiến. Tin sâu Phật A-di-đà là bản tánh của ta, quý ở lúc lễ tụng sám niệm; đi, đứng, nằm, ngồi thường quán chiếu về ba pháp quán khế hợp nhất tâm; toàn trí biểu hiện cảnh, toàn cảnh tức là tâm. Nên biết Y báo và Chánh báo của Phật đều do tâm tạo, vốn đầy đủ nơi tâm, tin sâu Tịnh độ Di-đà ảnh hiện sáng ngời nơi tâm mắt.

9. Báo như vậy: báo là quả báo, nghĩa là từ Địa ngục đến pháp giới Phật, đều do tập nhân tập quả mà cảm nên quả báo.

10. Góc ngọn như vậy: nghĩa là tướng ban đầu là góc, quả báo ở sau là ngọn, đều đồng thật tướng, một lý bình đẳng không hai.

¹¹³ **Ba loại thế gian:**

1. Thế gian ngũ ấm: sắc thân do năm ấm hợp thành.

2. Thế gian chúng sinh: tất cả chúng sinh có sinh mạng ở ngoài thân thể chúng ta.

3. Thế gian quốc độ: núi sông, quả đất mà chúng ta nương ở.

Ví như chùi đồng thành gương, ắt phải nhờ ra công làm cho trần cấu sạch hết không còn, bản thể tròn sáng tự nhiên hiển hiện, tất cả hình sắc đều không ẩn dấu. Nên biết, nếu bảo hình bóng trong gương thật có nhưng lại chẳng thể nắm bắt được; nếu bảo là không thì hình sắc rõ ràng có thể thấy. Gọi là: có mà không nhất định thật có, không mà chẳng nhất định là không; đẹp cả có lẫn không lặng lẽ hồn nhiên ấy là Trung đạo. Ý nghĩa này quả thật rộng lớn, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Muốn chứng ngộ đạo quán chiếu nhiệm mầu duy tâm này, cần phải thấu rõ nơi nhân. Nên biết, nhân trùm biến quả, quả suốt nguồn nhân, xuyên suốt trước sau chẳng rời một niệm. Từ nhân đến quả chỉ ở nơi tâm ban đầu. Nếu có thể nơi đây khéo tu nhân như thế, thì lúc lâm chung quyết định được quả như thế. Do vậy, chuyên tâm niệm Phật là nhân, vãng sinh Tịnh độ là quả. Ban đầu, từ nơi nghe mà phát khởi lòng tin, tin rồi tu trì, tích lũy công phu Tịnh nghiệp, tất được thành tựu trọn vẹn công phu. Khi thời tiết đến, nghĩa lý huyền diệu tỏ bày, xem cái chết chỉ là sự trở về. Như thế, lẽ nào lại không vui thích?

Vì vậy, ở đây nói thẳng về lời quyết định chân chánh vãng sinh (chánh quyết vãng sinh), chỉ rõ con

đường đến nhà. Bây giờ tự tin không nghi ngờ, về sau ra cửa không lầm lạc. Như thế, lo gì chẳng được sinh về cõi An Dưỡng, chắc chắn được thấy tự tánh Di-đà, cùng với các bậc Thánh Hiền đồng thành tựu tịnh hạnh, trải qua các địa vị đạt đến bậc cùng tột. Thật chỉ có đạo này thôi!

*

Chương 1

CHA MẸ LÂM CHUNG VẮNG SINH TỊNH ĐỘ

Người tin chắc Tịnh độ, phát tâm niệm Phật là lúc gieo giống trong ao sen, người nhất tâm niệm Phật dùng mọi điều lành mà trang nghiêm, đó là lúc hoa sen ra khỏi nước. Công phu niệm Phật thành tựu, nhân duyên Tịnh độ chín muồi, đó là lúc hoa nở thấy Phật.

Phật tử thờ Phật, trước hết phải tôn thờ song thân, tận tâm hiếu thảo, không lãng quên ý niệm báo hiếu dù trong khoảnh khắc, luôn thuận theo tính tình của cha mẹ, xem xét sắc diện song thân trong khi phụng dưỡng, vừa thấy trái ý cha mẹ thì liền cố gắng điều hòa.

Lại nên nghĩ, mạng sống cha mẹ như đèn treo trước gió, phải đề phòng đến lúc vãng sinh. Đem tất cả duyên lành, việc tốt của cha mẹ tu hành cả đời và công đức trợ tu của mọi người tập hợp lại thành một lá sớ, thường thường đọc cho cha mẹ nghe để làm cho lòng hoan hỷ. Lại nên khuyên song thân khi ngồi, lúc nằm thường hướng về phương Tây, không quên Tịnh độ. An trí tượng Phật A-di-đà ở phía Đông, khuyên bảo nhất tâm niệm Phật. Dâng hương, đánh khánh dẫn dắt mọi người đồng thanh hòa niệm, thường khiến cho câu niệm Phật tiếp nối không dứt, chớ để tình đời bi luyến làm mất chánh niệm. Đến lúc xả bỏ báo thân cũng cần phải chú ý. Nếu như vậy, tự nhiên được các bậc Thánh đến đón rước vãng sinh Tịnh độ, trong hoa sen báu quyết định thành Phật.

Con hiếu thảo, hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ chính là lúc này, không nên lười biếng. Đây là việc lớn của người con hiếu phụng sự song thân lúc sắp mạng chung. Lấy việc này làm hiếu thảo mới thật là chí hiếu.

Vả lại, từ xưa đến nay, người niệm Phật vãng sinh Tây Phương rất nhiều, lược nêu vài điều để làm gương cho người niệm Phật: Quốc vương Ô Trường thấy Phật đến đón rước, Hoàng hậu Tùy Văn nương

hương lạ về Tây, bà Diêu Hạnh xin Phật đợi chờ, Tống Thái tử hầu mẹ cùng vãng sinh.

Như thế, thật đáng gọi là: “*Một nhảy vào thẳng đất Như Lai*”.

*

Chương 2

BA ĐIỀU NGHI LÚC LÂM CHUNG

Trong *Tịnh Độ Thập Môn*, Tông chủ Từ Chiếu dạy rằng: “*Người niệm Phật lúc sắp lâm chung, nếu có nghi ngờ ba điều thì không được vãng sinh Tịnh độ:*

- *Nghi từ lúc tôi sinh ra đến giờ tạo nghiệp rất nặng, còn việc tu hành lại rất ít, e không được vãng sinh.*

- *Nghi tôi còn thiếu nợ người, hoặc có tâm nguyện chưa làm xong; tham, sân, si chưa dứt, e không được vãng sinh.*

- *Nghi tôi tuy niệm Phật Di-đà, nhưng lúc lâm chung e Phật không đến tiếp dẫn.*

Có ba điều nghi này, do vì nghi ngờ nên tạo

thành chướng ngại, làm mất chánh niệm không được vãng sinh. Thế nên, người niệm Phật cần phải tin chắc ý chỉ rõ ràng trong kinh Phật, chớ sinh tâm nghi ngờ. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Niệm một câu A-di-đà thì diệt trừ tội nặng của sự sinh tử trong tám mươi ức kiếp”. Trên đạt được nhất tâm không loạn, dưới chỉ cần mười niệm được thành công. Phật A-di-đà tiếp dẫn về chín phẩm sen, liả bỏ cõi đời ngũ trược. Nếu có thể tâm tâm không mờ tối, niệm niệm chẳng sai lầm thì nghi ngờ dứt hẳn, quyết định vãng sinh”.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Lộ trình mười vạn khảy tay đến
Mấy may nghĩ ngợi cách ngàn non.*

*

Chương 3

BỐN CỬA ẨM LÚC LÂM CHUNG

Trong *Tịnh Độ Thập Môn*, Tông chủ Từ Chiếu chỉ dạy về bốn cửa ẨM LÚC LÂM CHUNG rằng:

- *Một: phàm phu tuy có lòng tin niệm Phật, nhưng do nghiệp chướng xưa nặng nề, đáng lẽ phải*

đọa vào địa ngục; nay nhờ nương sức mạnh của Phật nên chuyển quả báo nặng thành nhẹ, chỉ nằm trên giường bệnh. Nếu nhân bệnh khổ tử ngộ thân tâm vô thường giả dối sẽ được vãng sinh Tịnh độ. Người vô trí không hiểu rõ việc này, lại nói nay ta niệm Phật mà mang bệnh khổ, trở lại phủ bóng Phật A-di-đà. Do một tâm niệm ác này nên vào thẳng nơi địa ngục. Đây là cửa ải thứ nhất.

- Hai: tuy giữ giới niệm Phật, song miệng tuy bàn Tịnh độ nhưng ý lại lưu luyến chốn Ta-bà, không cầu căn lành xuất thế. Vì yêu mến gia đình, mong mãi thịnh vượng, đến khi sắp lâm chung mắc bệnh, tham sống sợ chết, tin theo thầy tà, kêu thần gọi quỷ, đốt giấy tiền vàng mã, sát hại chúng sinh. Do tâm tà này nên Phật không nhiếp thọ bảo hộ, nhân đó trôi nổi rơi vào ba đường ác. Đó là cửa ải thứ hai.

- Ba: hoặc nhân uống thuốc phải dùng rượu thịt, hoặc bị thân tình nhiều lần khuyên bảo ép buộc. Người này không có lòng tin vững chắc, đánh mất căn lành, lúc lâm chung đi đến âm ty, mặc cho Diêm vương phán định. Đây là cửa ải thứ ba.

- Bốn: lúc lâm chung suy nghĩ về sự nghiệp, bị trói buộc bởi tài sản, ái luyến quyến thuộc, tâm không buông bỏ được. Vì mất chánh niệm nên đọa vào đường quỷ, nương ở trong nhà, thường gây tai họa: hoặc làm

Thích Minh Thành dịch

chó giữ nhà, hoặc làm thân rắn để giữ gìn bảo hộ gia đình. Điều này rõ ràng như ban ngày. Đó là cửa ải thứ tư.

Thế nên, Dương Vô Vi nói: “Ái không nặng không sinh Ta-bà, niệm không thiết không sinh Tịnh độ”. Lời nói ấy thật đúng thay! Người tu Tịnh độ cần phải xét nét, chân thật tu hành, dẹp trừ điều giả dối. Tâm tư chuyên nhất lặng lẽ thì mỗi niệm đều là Di-đà; buông bỏ toàn thân, chỉ hay giữ chặt một niệm này liền có thể phá tan bốn cửa ải. Được vậy, dài sen Tịnh độ quả thật chẳng xa xôi!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một câu Di-đà không niệm khác
Chẳng nhọc khảy tay đến Tây Phương.*

*

Chương 4 **LÂM CHUNG QUYẾT NGHI TOÁT YẾU**

Người tu niệm Phật muốn sinh về Tịnh độ, phải thường suy nghĩ thế gian tất cả đều vô thường, có thành tất có hoại,

có sinh ắt có tử.

Nếu không tận tai nghe pháp Phật thì bỏ thân nhận thân xoay vần trong ba cõi, bốn loài, sáu đường, không biết bao giờ được giải thoát. Nay ta có nhân duyên được nghe chánh pháp, được tu Tịnh nghiệp, nếu chỉ chuyên niệm Phật thì lúc xả bỏ báo thân này sẽ được vãng sinh Tịnh độ, vào trong thai sen cảm nhận sự vui thích, thoát hẳn sinh tử, chẳng còn thối chuyển nơi đạo Bồ-đề. Đó là việc mà bậc đại trượng phu có thể làm trong một đời.

Lúc vừa có bệnh tật, cần phải hướng về phía trước, thân tâm thả nhiên chớ nghi ngờ lo lắng, nên ngồi ngay ngắn hướng về phương Tây, chuyên tâm tưởng Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và vô số vị hóa Phật hiện đang ở trước mặt, nhất tâm xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật, niệm mãi không ngừng. Đối với tất cả việc ở thế gian không nên nghĩ nhớ, không được tham luyến. Nếu tâm niệm ấy sinh khởi, chỉ cần gấp rút xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm mỗi niệm diệt trừ tội lỗi nghiệp chướng.

Nếu người bệnh hôn mê không thể tự niệm thì người săn sóc bệnh nhân nên dùng phương tiện khéo léo khuyên bảo nhắc nhở. Dụng tâm trợ giúp như thế thì đến khi người ấy qua đời, chỉ một niệm này quyết

định vãng sinh Tịnh độ. Nếu mạng chưa hết tự nhiên sẽ được an lành, cẩn thận chớ vọng khởi tâm lưu luyến thế gian. Nếu phải sống tự nhiên được sống, nếu phải chết tự nhiên sẽ chết, chỉ cần được vãng sinh, nghi ngờ lo lắng mà chi! Nếu hiểu lý này, cũng như cởi bỏ áo xấu để mặc áo tốt, vừa bỏ thân phàm liền lên đất Phật. Thật là kỳ lạ thay! Vĩ đại thay! Cùng tốt thay! Hoặc nghe thiên nhạc, hương mầu, hoặc thấy sen vàng, tòa báu. Đó chính là cảnh Thánh hiện tiền, thận trọng chớ nghi ngờ là ma sự!

Trong kinh nói: “Người tu Tịnh nghiệp nương nguyện lực của Phật, lấy việc quán tưởng tướng hảo của Phật làm cảnh, giống như người ở gần Đế vương thì ai dám xâm phạm. Huống chi Phật A-di-đà có sức mạnh đại từ bi, có sức mạnh đại thế nguyện, có sức mạnh đại trí tuệ, có sức mạnh đại Tam-muội, có sức mạnh đại oai thần, có sức mạnh lớn phá dẹp tà vạy, có sức mạnh lớn hàng phục quân ma, có sức mạnh thiên nhãn thấy xa, có sức mạnh thiên nhĩ nghe xa, có sức mạnh tha tâm thông soi thấu suốt, có sức mạnh ánh sáng chiếu khắp thấu nhận chúng sinh, có sức mạnh vô lượng công đức tối thắng chẳng thể nghĩ bàn. Như thế, lẽ nào chẳng thể hộ trì người tu niệm Phật, đến lúc lâm chung khiến không có ma chướng vãng sinh Tịnh độ hay sao?”.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Xương tan thịt nát chưa đến xong
Một câu thấu suốt siêu ngàn ức.*

*

Chương 5
**NGÀI TĂNG TẾ LÂM CHUNG
CHUYÊN TÂM QUẢN TƯỚNG TÂY PHƯƠNG**

Đệ tử Ngài Huệ Viễn là Tăng Tế. Lúc sắp lâm chung, được Ngài trao cho ngọn đuốc, nói rằng:

- Ông nên quán tưởng Tây Phương.

Tăng Tế cầm đuốc chuyên tâm quán tưởng tướng hảo Phật A-di-đà, nhiếp tâm không loạn động. Lại thỉnh chúng tăng tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ*. Đến canh năm, Tăng Tế trao đuốc cho Nguyên Bạc, rồi nằm nghỉ. Khi tỉnh dậy, bảo rằng:

- Tôi nằm mộng thấy Phật A-di-đà đưa tay tiếp dẫn. Tôi phải đi đây!

Nói xong, nằm nghiêng bên phải mà vãng sinh.

Thích Minh Thành dịch

Việc ấy nếu chẳng phải do sự huân tu Giới, Định, Tuệ thì làm sao có thể thân nhiên tự tại nơi bờ mé sinh tử?

Như thế, thật đáng gọi là:

*Được lối liền đi không ngăn ngại
Thông dong qua khỏi ải tử sinh.*

*

Chương 6

VĂN LÂM CHUNG CHÁNH NIỆM VÃNG SINH CỦA HÒA THƯỢNG THIỆN ĐẠO

Tri Quy Tử hỏi Hòa thượng Thiện Đạo:

- Việc quan trọng ở đời không gì hơn sinh tử, một hơi thở ra mà không trở lại liền qua đời sau, một niệm sai lầm liền rơi vào luân hồi. Trước con đã được nghe dạy bảo pháp niệm Phật vãng sinh, nghĩa lý rất rõ ràng, nhưng lại e khi bệnh chết đến, tâm thức tán loạn, đồng thời cũng lo người khác làm loạn động chánh niệm mà quên mất nhân duyên Tịnh độ. Cúi mong thầy chỉ dạy phương pháp thẳng tắt để thoát khỏi nỗi khổ trầm luân!

Sư đáp:

- Hỏi rất hay! Tất cả người mạng chung muốn vãng sinh Tịnh độ, cần phải không được sợ chết. Thường nghĩ thân này nhiều đau khổ, bất tịnh, nghiệp ác trùng trùng xen tạp. Nếu được bỏ thân hình nhơ nhớp này, siêu sinh Tịnh độ thì thọ hưởng vô lượng niềm vui, giải thoát con đường khổ đau sinh tử. Như vậy mới vừa ý, ví tựa cởi bỏ chiếc áo nhơ xấu thay vào y phục quý đẹp. Chỉ nên buông bỏ thân tâm, đừng sinh lòng lưu luyến.

Hễ gặp lúc có bệnh thì nghĩ nhớ về vô thường, một lòng đợi cái chết đến. Dặn dò người nhà, người lo bệnh và người tới lui thăm viếng rằng: “Khi đến chỗ tôi, nên niệm Phật cho tôi, không được nói chuyện tạp nhạp hàng ngày; việc tốt xấu trong nhà, cũng không nên dùng lời an ủi chúc lành. Đó đều là những lời vô ích giả dối”.

Nếu bệnh nặng sắp chết, quỵn thuộc không được khóc lóc rơi lệ và phát ra lời than thở áo não, hoặc loạn tâm thần mất đi chánh niệm; chỉ nên đồng thanh niệm Phật trợ giúp vãng sinh, đợi khi hơi ấm hết rồi mới có thể bi ai than khóc. Vừa có mảy may tâm luyến tiếc thế gian, liền trở thành chướng ngại chẳng được giải thoát. Nếu được người hiểu rõ Tịnh

độ, thường đến nhắc nhở thì rất là may mắn. Người y theo đây chắc chắn siêu sinh không nghi.

Lại hỏi:

- Tìm thầy uống thuốc có được không?

Đáp:

- Tìm thầy uống thuốc ban đầu không ngại, nhưng thuốc chỉ có thể trị bệnh, không trị mệnh. Mệnh nếu hết thuốc làm được gì? Nếu giết hại sinh vật làm thuốc để cầu thân thể an ổn thì quyết định không được. Phần nhiều tôi thấy người đời nhân lúc bệnh nên trì trệ mới được thuyên giảm. Còn vì trị bệnh mà làm rượu thịt, máu huyết để dùng thuốc, bệnh ấy sẽ càng thêm nặng. Thế nên biết, tin rằng Phật lực có thể cứu, rượu thịt chẳng ích gì.

Hỏi:

- Việc tế thần cầu phước thì thế nào?

Đáp:

- Mạng người lâu dài hay ngắn ngủi đều do nghiệp định, sao lại nhờ quỷ thần kéo dài được? Nếu mê hoặc tin theo tà, sát hại chúng sinh, cúng tế quỷ thần, chỉ tăng thêm tội lỗi nghiệp chướng, trở lại làm tổn thọ mà thôi. Sinh mạng nếu hết, ma quỷ làm

được gì? Tự sợ hãi vô ích, đều không giúp được chi cả. Phải rất cẩn thận. Nên chép văn này dán phía trước người bệnh cho họ thường thấy, để đến khi lâm nguy khỏi quên mất chánh niệm.

Hỏi:

- Người bình thường chưa từng niệm Phật có dùng pháp này được không?

Đáp:

- Pháp này tăng tục, nam nữ, người chưa niệm Phật sử dụng đều được vãng sinh, quyết định không nghi. Tôi thấy người đời trong lúc bình thường, phần nhiều thường niệm Phật, lễ bái phát nguyện cầu sinh Tây Phương rất chuyên cần, nhưng đến khi bệnh lại sợ chết, hoàn toàn chẳng nói gì về việc vãng sinh giải thoát, mãi đến khi hơi dứt mạng hết, thần thức đi vào cõi U minh mới đánh chuông niệm Phật. Như vậy, cũng giống như kẻ cướp ra khỏi nhà rồi mọi người mới hô to lên thì làm được việc gì?

Chết là việc trọng đại, tự mình cần phải gắng sức mới được. Nếu một niệm sai lầm, muôn kiếp chịu khổ, ai thay thế cho mình?

Nên xét kỹ điều đó! Nếu lúc rảnh rang phải dùng pháp này tinh tấn niệm Phật, dốc sức thọ trì. Đó

Thích Minh Thành dịch

là việc lớn lúc lâm chung, có thể gọi là:

*Một đường Tây Phương rộng thênh thang
Thẳng tắt về nhà không cần hỏi.*

*

Chương 7

HÓA PHẬT ĐẾN ĐÓN RƯỚC

Trong *Tông Cảnh Lục*, có người hỏi rằng:

- Ngoài tâm không Phật, thấy Phật tức là tâm. Tại sao trong giáo lý nói có Hóa Phật đến đón rước sinh về Tịnh độ?

Đáp:

- Phật pháp chân thật vốn không sinh diệt. Từ Phật chân thật phát khởi ra Hóa Phật để tiếp dẫn người mê. Vì Hóa Phật tức là Chân Phật nên Chân Phật và Hóa Phật vốn đồng nhất. Như thế thì không đến không đi, chỉ tùy theo tâm tưởng của chúng sinh mà ứng hóa. Vả lại, bản thể của Hóa Phật tức là Chân Phật nên nói không đến không đi. Từ Chân Phật lưu xuất Hóa Phật, do đó thị hiện có sự đi lại. Ở nơi tướng không đến mà đến, nơi tướng không thấy

mà thấy. Không đến mà đến giống như bóng trăng chợt hiện, không thấy mà thấy dường như mây bỗng nổi lên.

Hỏi:

- Như trên nói Thể Chân Phật lặng yên chẳng động, tướng Hóa Phật không đến mà đến. Vậy tức là ngoài tâm có Hóa Phật đến đón rước, như thế làm sao chứng tỏ tự tâm là Phật?

Đáp:

- Đó chính là sức mạnh công đức bản nguyện của Như Lai, nên làm cho những chúng sinh có duyên chuyên tâm tưởng niệm có thể khiến tự tâm thấy Phật đến đón, chẳng phải chờ Phật thật sự sai Hóa thân đến tiếp dẫn. Chỉ là do có duyên, thời cơ thích hợp nên hay khiến tự tâm thấy Phật đến đón. Thế thì, thân Phật lặng yên thường lặng lẽ, không đến không đi; tâm thức của chúng sinh nương vào sức bản nguyện của Phật, một niệm biến hóa có đến có đi. Ví như bóng trong gương, tự việc trong mộng. Bóng trong gương chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; việc trong mộng chẳng phải có, chẳng phải không. Chỉ là tâm sinh, chẳng phải do Phật biến hóa.

Người tu hành có lòng tin chân thật chắc chắn,

muốn vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chuyên nhất ý niệm nắm chặt một câu A-di-đà Phật.

- Chỉ có một niệm này là Bản sư của ta.

- Chỉ một niệm này tức là Hóa Phật.

- Chỉ một niệm này tức là dừng tướng phá tan địa ngục.

- Chỉ một niệm này là bảo kiếm chém bầy tà.

- Chỉ một niệm này là đèn sáng xua tan tăm tối.

- Chỉ một niệm này là thuyền lớn vượt qua biển khổ.

- Chỉ một niệm này là phương pháp hay thoát khỏi sinh tử.

- Chỉ một niệm này là đường tắt ra khỏi ba cõi.

- Chỉ một niệm này là bản tánh Di-đà.

- Chỉ một niệm này thấu suốt Tịnh độ duy tâm.

Chỉ cần nhớ một câu A-di-đà Phật này, ở nơi tâm niệm đừng bỏ mất. Niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm không rời tâm, rảnh rang cũng niệm như thế, bận rộn cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bệnh khổ cũng niệm như thế, lúc sống cũng niệm như thế, khi chết cũng niệm như thế. Được vậy

thì một niệm rõ ràng không mờ tối, cần gì hỏi người tìm lối về?

Như thế, thật đáng gọi là:

*Đi thuyền đều do người cầm lái
Thấu đạt đồng đạo đường Niết-bàn.*

*

Chương 8

BÀI KỆ TÁN THÁN NIỆM PHẬT LÚC LÂM CHUNG CỦA BỒ-TÁT HIỆN THỦ

*Phóng ánh sáng tên là Thấy Phật
Ánh sáng giác ngộ người sắp mất
Khiến họ nghĩ nhớ, thấy Như Lai
Khi mạng chung được sinh cõi Tịnh.
Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật
Dạy tạo tượng Phật, bảo chiêm ngưỡng
Khiến họ tin sâu nơi đức Phật
Thế nên thành tựu ánh sáng này.*

Sám chủ Từ Vân Thức ở chùa Thiên Trúc nói rằng: “Bốn câu trước khen ngợi đức Phật phóng ánh sáng. Người thấy ánh sáng ấy gọi là thấy Phật, có thể

khiến họ lúc lâm chung vãng sinh Tịnh độ. Bốn câu sau tán thán đức Phật tu nhân về ánh sáng này. Nhân ấy chỉ là khuyên bảo người sắp lâm chung niệm Phật, dạy họ an trí tượng Phật, khiến họ thấy rồi sinh khởi lòng tin, cho nên khi thành Phật được ánh sáng này và bảo dùng bài kệ khuyên khắp mọi người tin nhận”.

Hễ gặp quyển thuộc và tất cả mọi người lúc sắp lâm chung, trước hết nên an trí tượng Phật ở trước giường, bảo họ nhìn và khuyên niệm Phật. Nếu như người bị đau khổ bức bách, hoặc trước kia không có lòng tin, chẳng chịu niệm Phật thì phải dùng đủ mọi phương tiện khuyên bảo họ xưng danh hiệu Phật cho đến mười niệm, ắt được diệt trừ trọng tội, sinh về Tịnh độ của Phật. Một việc lợi ích này chẳng thể nghĩ bàn. Nếu khuyên một người vãng sinh Tịnh độ thì dù tự mình không tu hành rốt cuộc cũng sẽ được sinh về Tịnh độ. Hướng chi, sau này thành Phật, có thể phóng ánh sáng chiếu soi tất cả chúng sinh lúc lâm chung được thấy Phật.

Phần nhiều, người đời vì ân ái nên tụ họp lại khóc lóc, chẳng suy tư đến việc cứu độ, đó là ác tri thức. Khổ thay! Khổ thay! Vì ân ái buộc ràng mà rơi vào đường ác, không biết bao giờ giải thoát? Dù là cha mẹ hiền lành, con cháu hiếu thảo cũng chẳng

biết làm sao? Lấy đó mà xét, mọi người cần phải cố gắng lên!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm
Mau qua cõi Phật Vô Lượng Quang.*

*

Chương 9
**TÌNH TƯỚNG NHIỀU ÍT,
BÀN VỀ QUẢ BÁO CAO THẤP**

Kinh Thủ Lăng-nghiêm nói:
Phật bảo A-nan:

- Tất cả thế gian sống chết nối nhau, sống thuận theo thói quen, chết thì đổi sang dòng khác. Khi gần mạng chung, chưa hết hơi nóng, nghiệp thiện ác một đời đồng thời hiện ra.

- Thuần là tướng thì liền bay lên, nhất định sinh về các cõi Trời; nếu bay lên, trong tâm gồm có phước đức, trí tuệ cùng với tịnh nguyện, tự nhiên tâm được khai ngộ, thấy tất cả Tịnh độ của chư Phật trong mười

phương, theo nguyên mà vắng sinh.

- Tình ít, tưởng nhiều, cất lên không xa thì làm phi tiên.

- Tình và tưởng bằng nhau, không bay lên, không rơi xuống, sinh nơi nhân gian. Tưởng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn. Tình nhiều, tưởng ít, đi vào các loài bàng sinh, nặng làm giống có lông, nhẹ làm loài có cánh.

- Bảy phần tình, ba phần tưởng, chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi hỏa tể, chịu khí phần của lửa dữ, thân làm ngạ quỷ, thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, nên trải trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

- Chín phần tình, một phần tưởng, xuống thấu qua hỏa luân, nhẹ thì sinh vào địa ngục Hữu gián, nặng thì sinh vào địa ngục Vô gián.

- Thuần là tình thì chìm sâu vào địa ngục A-tỳ; nếu trong tâm chìm sâu nơi đó, lại có lỗi hủy báng Đại thừa, phá giới cấm của Phật, nói pháp lừa dối để tham cầu tín thí, lạm nhận cung kính, hoặc phạm ngũ nghịch, thập ác thì lại còn sinh vào địa ngục A-tỳ ở mười phương”.

Chương 10

LÂM CHUNG TƯỚNG THIÊN ÁC CHIÊU CẢM QUẢ BÁO

Trong kinh *Thủ Hộ Quốc Giới Chủ*, đức Phật bảo:

- Nếu người sắp lâm chung, dự biết thời khắc, chánh niệm rõ ràng, tắm gội mặc áo, an lành qua đời, ánh sáng chiếu thân, thấy tướng hảo Phật, các điềm lành đều hiện ra, biết chắc người này quyết định vãng sinh Tịnh độ.

- Nếu người niệm Phật trì giới không có tâm tinh tấn, lúc sắp mạng chung cũng không có tướng lành, không có tướng ác, Địa phủ không thấu, An Dưỡng chẳng nhận, như ngủ mà đi. Người này lòng nghi ngờ chưa đoạn dứt nên sinh về Nghi Thành¹¹⁴, thọ hưởng vui vẻ trong năm trăm năm, tu Tín, Nguyện thêm mới được về Tịnh độ.

¹¹⁴ **Nghi Thành:** nơi sinh về của các hành giả tu các công đức bằng tâm nghi hoặc trong cõi Tịnh độ của đức Phật A-di-đà. Hành giả dù được vãng sinh Tịnh độ Cực Lạc, nhưng vẫn chưa hiểu thật tướng, nên đức Phật mới đáp ứng căn cơ của họ mà thị hiện cõi hóa sinh, đó là Nghi Thành.

- Nếu người khởi tâm thương xót, chánh niệm hiện tiền, đối với tài sản vợ con tâm không luyến ái, đôi mắt trong sáng, ngẩng mặt mỉm cười, nghĩ tưởng thiên cung sẽ đến rước ta, tai nghe thiên nhạc, mắt thấy đồng tử cõi Trời. Lúc bỏ báo thân này, nhất định sinh về Thiên giới.

- Nếu người sinh tâm nhu nhuyễn, khởi tâm phước đức, thân không bệnh hoạn, nghĩ nhớ cha mẹ, vợ con, đối với việc thiện ác tâm không lầm lẩn, tâm tư ngay thẳng, di chúc gia tài từ biệt mà đi. Người này nhất định sinh về cõi Người.

- Nếu người giận dữ mà nhìn quyến thuộc, đưa tay nắm bắt hư không, tiểu tiện không hay, thân thường hôi thối, hai mắt đỏ hoe, thường nằm úp mặt, co về bên trái, toàn thân đau nhức. Hoặc thấy tướng ác, miệng không nói được, rên rĩ kêu gào, oan trái hiện ra, tâm thức tán loạn, mê hoặc điên đảo, toàn thân lạnh buốt, bàn tay nắm chặt, thân cứng như đá. Người này lúc mạng chung, nhất định sẽ vào Địa ngục.

- Nếu người hay liếm môi, thân nóng như lửa, thường lo đói khát, ưa nói về ăn uống, miệng há không ngậm lại, tham luyến tài sản, mạng sống dây dưa khó dứt, chết không nhắm mắt. Người này nhất định vào đường Ngạ quỷ.

- Nếu người thân mang bệnh nặng như ở trong mây mù, tâm thần hôn mê tán loạn, sợ nghe danh hiệu Phật, ưa thích ăn mùi vị máu thịt, không chịu nghe lời khuyên bảo, ái luyến vợ con, tay chân co quắp, toàn thân xuất mồ hôi, nói lời thô ác, thường nuốt nước miếng. Tướng ấy hiện ra, nhất định đi vào đường Súc sinh.

*

Chương 11

KHUYÊN BẢO DỰ BỊ TU HÀNH MƯỜI ĐIỀU LÚC LÂM CHUNG KHÔNG THỂ NIỆM PHẬT

Phàm phu nghiệp nặng, ai nấy cũng đều tham sống sợ chết. Nếu không dự bị công phu thì lúc lâm chung không thể khắc phục được để niệm Phật. Trong *Thập Nghi Luận* của Đại sư Trí Giả nói: “*Lúc sắp lâm chung, niệm Phật gọi là tâm sau cùng. Tâm này mạnh mẽ thì vừa niệm danh hiệu Phật, liền được vãng sinh Tịnh độ*”.

Bởi lẽ, lúc sắp chết, tâm ấy mạnh mẽ quyết định, cho nên hơn cả trăm năm gắng sức thực hành.

Có người hỏi rằng:

- Lúc sắp lâm chung, niệm Phật liền được vãng sinh, cần gì phải dự bị tu hành nghiệp thù thắng?

Đáp:

- Đời người thọ yếu, khó lường được mạng sống ngắn hay dài, hoặc ngay khi bệnh hoạn mà hôn mê, hoặc là đột ngột qua đời. Lúc còn sống chẳng làm việc lành ắt khó tránh khỏi tai ương ở đời sau. Vì thế, cần phải dự bị tu hành mọi việc lành, đó là biết phòng ngừa lo sợ lỗi lầm này.

Mười điều lúc sắp mạng chung không thể khắc phục để niệm Phật:

1. Chưa hẵn gặp bạn lành, nên chẳng ai khuyên niệm.
2. Bệnh khổ bức bách thân thể, tâm thần hôn mê tán loạn.
3. Trúng phong cứng họng, không thể xưng danh Phật.
4. Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng niệm.
5. Thoạt gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tỉnh chí thành.

6. Bỗng gặp cọp sói làm kinh hoàng hoảng hốt.
7. Khi lâm chung bị bạn ác phá hoại đạo tâm.
8. Ăn uống quá nhiều hôn mê đến chết.
9. Bị trúng thương thoát chết giữa quân trận.
10. Từ trên cao té xuống mà mạng vong.

Vì thế nên biết, lúc lâm chung khó bảo đảm được tốt hay xấu, nên cần phải dự bị tu tập trước!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Lúc rảnh ra công, lúc gấp dùng
Gặp việc tay chân khỏi phải loạn.*

*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỀN CHÍN

Thiên thứ chín
CHÁNH BÁO NIỆM PHẬT

Nhân tu bạch nghiệp, quả cảm Tịnh bang, Hóa Phật dẫn lên đài vàng, Thánh Hiền đón về Cực Lạc; vượt qua ba cõi, ra khỏi bốn dòng¹¹⁵. Nghiệp hết trần tiêu, tình quên nghĩ dứt, chất gởi trong thai sen, thần dạo nơi

¹¹⁵ **Bốn dòng**: nguyên văn là Tứ lưu. Chúng sinh bị bốn dòng này khiến trôi nổi chẳng dừng nên gọi là lưu (dòng).

1. Kiến lưu: tức Kiến hoặc trong ba cõi. Nghĩa là ý căn đối với pháp trần sinh khởi kiến chấp phân biệt, do kiến hoặc này nên trôi nổi trong ba cõi không thể thoát ra.

cõi báu. Phụng thờ Phật Di-đà làm Bốn sư, được cùng Quán Âm, Thế Chí làm bạn lành, biến chúng thanh tịnh đồng dự đại hội Liên trì, chín phẩm thượng lưu đều nói về bản hạnh (hạnh tu của mình).

Năm phần hương thoang thoảng nơi người¹¹⁶, ba đức¹¹⁷ trang nghiêm thân tướng hảo. Gió nhẹ vi vu,

2. Dục lưu: Dục là Tư hoặc trong cõi Dục. Năm căn do tham ái năm trần nên gọi là Tư hoặc, tức tham, sân, mạn. Do Tư hoặc này nên trôi nổi trong cõi Dục không thể thoát ra.

3. Hữu lưu: Hữu là nhân quả chẳng mất. Tư hoặc trong cõi Sắc và Vô sắc là tham lam, ngã mạn. Do Tư hoặc này nên trôi nổi trong cõi Sắc và Vô sắc không thể thoát ra.

4. Vô minh lưu: không hiểu rõ nên gọi vô minh, tức là si hoặc trong Tư hoặc của ba cõi. Do vô minh này nên trôi nổi trong ba cõi không thể thoát ra.

¹¹⁶ **Năm phần hương**: năm phần hương ví dụ với 5 phần pháp thân.

Bậc Thánh Vô học tự mình thành tựu 5 pháp công đức, gọi là 5 phần pháp thân. Đó là: Giới thân, định thân, huệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân. Năm thân này được ví dụ như hương thơm, nên gọi là 5 phần hương, tức giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương và giải thoát tri kiến hương.

¹¹⁷ **Ba đức**:

I. Tam Đức: chỉ cho 3 đức tướng của Đại Niết-bàn: Pháp thân, Bát-nhã, và Giải thoát.

Cứ theo *Đại Thừa Nghĩa Chương* q. 18 thì:

1. Pháp thân: chỉ cho chân như vốn có sẵn của tất cả hiện tượng tồn tại, hoặc chỉ cho thân được hoàn thành bằng pháp công đức.

2. Giải thoát: tức cởi bỏ tất cả sự trói buộc của phiền não.

3. Bát-nhã: chỉ cho trí tuệ giác ngộ.

Thích Minh Thành dịch

Sự quan hệ giữa 3 đức này là 3 tức 1, 1 tức 3. Khi còn ở Nhân vị thì gọi là Tam Phật tánh, khi đến Quả vị thì gọi là Tam đức.

Đại Bát-niết-bàn Kinh Huyền Nghĩa quyển thượng, phiên dịch từ “Ma-ha Bát Niết-bàn-na” là “Đại diệt độ”, cho rằng “Đại” là Pháp thân, “Diệt” là Giải thoát và “Độ” là Bát-nhã.

Ngoài ra, do nhân và quả đối nhau, nên Tam đức cũng có 2 thứ thuận và nghịch khác nhau. Tam đức thuận là: Quả của Chánh nhân Phật tánh thành tựu đức của Pháp thân, quả của Liễu nhân Phật tánh thành tựu đức của Bát-nhã, còn quả của Duyên nhân Phật tánh thì thành tựu đức của Giải thoát. Trái lại, nếu do chuyển “Khổ” mà thành tựu đức Pháp thân, do chuyển “Hoặc” mà thành tựu đức Bát-nhã và do chuyển “Nghiệp” mà hoàn thành đức Giải thoát thì gọi là Nghịch tam đức.

Theo tông Thiên Thai thì thuyết Tam đức đã xuất hiện trong các kinh trước kinh *Pháp Hoa*, nhưng Tam đức của *Pháp Hoa Viên Giáo* là Phi tung phi hoành, Phi tam phi nhất, có thể nói khác hẳn với các thuyết trước. Đồng thời, Tam đức của *Pháp Hoa Viên Giáo* cũng có thể phối hợp với Tam Bồ-đề, Tam Phật tánh, Tam Bảo, Tam đạo, Tam thức, Tam Bát-nhã, Tam Đại thừa, Tam thân, Tam Niết-bàn...

Ngoài ra, theo luận *Nhiếp Đại Thừa* thì có thể chuyển 5 uẩn thành 3 đức, tức có thể chuyển Sắc uẩn thành đức Pháp thân, chuyển 3 uẩn Thọ, Tưởng, Hành, thành đức Giải thoát, và chuyển Thức uẩn thành đức Bát-nhã.

II. Tam Đức: chỉ cho 3 thứ đức tướng của quả vị Phật là Trí đức, Đoạn đức và Ân đức.

Luận *Phật Tánh* quyển 2 giải thích Tam đức này như sau:

1. Trí đức: chỉ cho trí tuệ của Phật quán xét tất cả các pháp.
2. Đoạn đức: chỉ cho đức diệt trừ hết tất cả phiền não hoặc nghiệp.
3. Ân đức: đức do nguyện lực cứu độ chúng sinh mà ban ân huệ cho tất cả chúng sinh.

Ba đức trên đây phối với Pháp thân, Báo thân và Ứng thân, đồng thời, Trí đức và Đoạn đức có nội dung tự lợi, tự hành, và tự giác, còn Ân đức thì mang nội dung lợi tha, hóa tha và giác tha.

nghe mọi âm thanh diễn pháp; mưa hoa rơi nhẹ, thấy ánh sáng tợ lưới giăng. Thăm thăm trời mây mà chẳng cách xa do có thần túc, y tơ áo lụa hứng đầy hoa đẹp cúng dường chư Phật khắp mười phương. Sớm yết kiến Từ dung, được pháp ấn mà trở về cõi nước; chiều dạo thế giới vàng kim, nghe kệ ngọc mà tiêu diêu tự tại. Sen lành vừa nở trừ diệt tai ương, tân học hóa sinh thành tựu bậc Bất thối, dứt hẳn nỗi khổ thô phù, Phật quả cũng chẳng còn xa xăm. Dạo chơi nơi rừng ngọc, tắm gội trong nước công đức. Lầu các bách thảo hoa lệ, bảy hàng cây báu trang nghiêm, phong cảnh đẹp tươi miên viễn. Đất bằng như lòng bàn tay, ẩm thực y phục tùy niệm mà đến; nhạc trời không tấu tự vang, thọ dụng tự nhiên xuất hiện. Vui vẻ khác xa nhân thế, gấp muôn ức lần chư Thiên, không sao sánh kịp.

Hằng hà sa chư Phật thấy đều khen ngợi. Thân đầy đủ tướng hảo ánh sáng, bước trên đường Thánh thêm hương, sống lâu vô lượng, bi nguyện vô cùng. Xả bỏ hai loại sinh tử¹¹⁸, đã chẳng phải là thân quả

Hoa Nghiêm Kinh Sở quyển 12 (Đại 35, 589 hạ) nói: “Hạt giống Phật không dứt mất có tướng như thế nào? Là thành tựu Tam đức: cứu độ chúng sinh, thành tựu Ân đức; đoạn hẳn phiền não, thành tựu Đoạn đức; rõ biết các hạnh, thành tựu Trí đức”.

¹¹⁸ **Hai loại sinh tử**: Phần đoạn sinh tử và Biến dịch sinh tử.

1. Phần đoạn sinh tử:

Cũng gọi Phần đoạn tử, Hữu vi sinh tử, chỉ cho sự sinh tử của chúng sinh trong 3 cõi, 1 trong 2 loại sinh tử. Do tạo nghiệp khác nhau nên chúng sinh chiêu cảm quả báo sinh tử trong 3 cõi có thân tướng đẹp, xấu, tuổi thọ dài, ngắn không giống nhau, vì thế gọi là Phần đoạn sinh tử.

Theo thuyết của các nhà Duy thức thì Phần đoạn sinh tử lấy nghiệp thiện ác hữu lậu làm nhân trực tiếp và lấy Phiền não chướng làm nhân gián tiếp mà chiêu cảm quả dị thực thô trọng trong 3 cõi. Vì thân mạng có dài ngắn, tùy theo năng lực của nhân duyên mà quyết định hạn lượng, cho nên gọi là Phần đoạn, cũng tức là sinh tử trong 3 cõi, 6 đường.

Đại Thừa Nghĩa Chương quyển 8 chia Phần đoạn sinh tử làm 2 loại: Ác đạo phần đoạn và Thiện đạo phần đoạn.

1. Ác đạo phần đoạn: chỉ cho quả báo trong 3 đường, gồm 3 bậc:

- a. Sinh tử của phàm phu phải chịu, lấy ác nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm duyên.
- b. Sinh tử do Bồ-tát Thập trụ phải chịu, lấy ác nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm chánh duyên, bi nguyện làm trợ duyên.
- c. Sinh tử mà Bồ-tát Sơ địa từ hàng chúng tánh trở lên phải chịu, lấy ác nghiệp làm nhân, bi nguyện làm chánh duyên, Tứ trụ địa làm trợ duyên.

2. Thiện đạo phần đoạn: cũng có 3 bậc là:

- a. Sinh tử của phàm phu, Nhị thừa, cho đến Bồ-tát Thập trụ phải chịu, lấy thiện nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm duyên.
- b. Sinh tử do Bồ-tát chúng tánh giải hành phải chịu, lấy thiện nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm chánh duyên, bi nguyện làm trợ duyên.
- c. Sinh tử mà hàng Bồ-tát Địa thượng phải chịu, lấy thiện nghiệp làm nhân, bi nguyện làm chánh duyên, Tứ trụ địa làm trợ duyên. Ngoài ra còn nói rõ về thứ bậc của quả báo lúc hết.

2. Biến dịch sinh tử:

Sống chết thay đổi. Cũng gọi Vô vi sinh tử, Bất tư nghị biến dịch sinh tử, Bất tư nghị biến dịch tử, Biến dịch tử. Một trong hai thứ sinh tử. Đối lại với “Phần đoạn sinh tử”, tức là các bậc A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát đại lực, lấy “hữu phân biệt nghiệp” vô lậu làm nhân, lấy Vô minh trụ địa

báo nên được Bản tế¹¹⁹ thường tỏ sáng, rời hẳn tướng đến đi.

Duyên mạnh mẽ, đức thù thắng, đều do tâm niệm Phật phát sinh; phước đầy đủ, thọ miên trường, hoàn toàn nhờ tịnh nhân cảm thành quả báo. Nên biết, Phật có nguyện nhiếp thọ chúng sinh, chúng sinh có nhân cảm ứng với Phật. Duyên thù thắng như thế được phát khởi từ Tín, Nguyện. Do quả mầu nhiệm này mà thành tựu Y báo¹²⁰ Chánh báo¹²¹

làm duyên mà cảm nhận được thân quả báo nhiệm mầu vượt ngoài ba cõi. Thân quả báo này là do sức bi nguyện vô lậu chuyển đổi thân Phần đoạn sinh tử thô nặng vốn có trước kia biến thành thân nhỏ nhiệm, không sắc không hình, không hạn định tuổi thọ... nên gọi là thân Biến dịch. Thân này do sức định, sức nguyện giúp thành, diệu dụng của nó khó lường được nên cũng gọi là thân Bất tư nghị (thân không nghĩ bàn được). Lại nữa, vì thân này do ý nguyện đại bi mà thành, nên cũng gọi là thân ý thành, thân Vô lậu, thân vượt ra ngoài ba cõi. Lại vì thân này đã do sức định vô lậu chuyển thành, hoàn toàn khác với thân phận trước kia, giống như biến hóa mà được nên cũng được gọi là thân biến hóa.

Vì các bậc A-la-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát đại lực đã dứt bỏ hết phiền não hoặc chướng của bốn trụ địa, không còn thọ sinh thân Phần đoạn trong ba cõi nữa mà thọ sinh thân Biến dịch ở ngoài ba cõi. Tuy nhiên, sau đó, các vị ấy lại dùng thân Biến dịch này trở lại trong ba cõi mà tu các hạnh Bồ-tát trong thời gian dài để mong đạt đến Vô Thượng Bồ-đề.

¹¹⁹ **Bản tế:** lý thuyết tuyệt đối bình đẳng, còn gọi là Niết-bàn chân như.

¹²⁰ **Y báo:** quả báo tuy theo quả báo chính, là sự vật ngoài thân, tức những vật nương theo thân mạng của mình. Như nhà cửa, của cải, làng xóm, đất nước của mình. Như y báo của Phật Thích-ca là toàn cõi Ta-bà

trang nghiêm. Hoặc tọa thiền, tụng niệm bên ao thất bảo, hoặc kinh hành từng bước trên đất vàng ròng, được no lòng bởi vị ngon thiền duyệt pháp hỷ, mặc thiên y từ bi hỷ xả, công đức bồi đắp tinh thần, tăng thêm từ bi trí tuệ, ung dung hành, đạo trưởng dưỡng Thánh thai, vào cửa Vô sinh, liền lên ngôi vị Bồ-tát, được A-bệ-bạt-trí, tâm Bồ-đề Bất thối.

Ở trong nhà đấng Pháp vương, đều nhận lời thọ ký của Như Lai, nghe pháp Đại thừa, đồng được khen ngợi là bậc Nhất Sinh Bỏ Xứ. Mỗi niệm mỗi niệm rỗng lặng, mỗi tâm mỗi tâm an tĩnh, được Tam-muội chánh định, đủ sáu thứ thần thông, hiến cúng mười phương, qua lại vô ngại. Phân thân trong muôn ức cõi mà chẳng mất định tâm; rải nước pháp khắp ba ngàn Đại thiên thế giới; dắt chúng sinh ra khỏi ngôi nhà rục lửa, mình và người đều lợi ích, hạnh nguyện tất vẹn toàn.

Như thế, thật đáng gọi là:

với mọi vật trên cõi ấy. Còn y báo của Phật Di-đà là Cực Lạc thế giới với mọi thứ trân bảo.

¹²¹ **Chánh báo:** thân tâm của mình, do những duyên nghiệp từ trước nên sinh ra với tâm làm người, làm Tiên, làm Phật, làm Thần, làm quỷ, làm súc sinh. Như làm người thì có đủ thân thể, tay chân, mắt, mũi... Làm Phật thì có đủ 32 tướng chính, 80 tướng tốt phụ. Đó là chánh báo.

*Sinh trăm ngàn Tam-muội đều duy tâm
Công đức trang nghiêm về ta vậy.*

*

Chương 1

GÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM

Cương Công Đức Bồ-tát trong kinh Vô Lượng Thọ nói: “Người sinh về cõi nước kia, dung mạo thấy đều nhu hòa, tướng hảo đầy đủ, thiên định trí tuệ thông đạt vô ngại, thần thông oai đức thấy đều viên mãn, vào sâu trong pháp môn, đầy đủ Vô sinh Pháp nhẫn, cứu xét thấu suốt rốt ráo kho tàng bí mật của chư Phật, điều phục các căn, thân tâm nhẹ nhàng, an nhiên tịch tĩnh vào nơi Niết-bàn, thâm nhập trí tuệ chân chánh, không còn những tập khí dư thừa. Nương theo Phật tu hành Thất Giác Chi¹²² và Bát Chánh Đạo¹²³. Tu tập Ngũ

¹²² **Thất giác chi** (zh. qījǔzhī 七覺支, ja. shichikakushi, sa. saptabodhyangāni, bo. byang chub yan lag bdun): bảy Bồ-đề phần, là nhóm thứ sáu trong ba mươi bảy Bồ-đề phần (sa. bodhipāksikadharma), gồm có:

1. Trạch pháp (zh. 擇法, sa. dharmapracicaya): phân tích, biết phân biệt đúng sai.

2. Tinh tấn (zh. 精進, sa. vīrya).
3. Hỉ (zh. 喜, sa. prīti): tâm hoan hỉ.
4. Khinh an (zh. 輕安, sa. praśabdhi): tâm thức khinh an, sáng khoái.
5. Niệm (zh. 念, sa. smṛti): tỉnh giác.
6. Định (zh. 定, sa. samādhi): sự tập trung lắng đọng.
7. Xả (zh. 捨, sa. upekṣā): lộng buông xả, không cầu chấp.

¹²³ **Bát chánh đạo** (zh. bāzhèngdào 八正道, ja. haṣṣhōdō, sa. aṣṭāṅgika-mārga, pi. atthāṅgika-magga, bo. `phags lam yan lag bṛgyad) là con đường tám nhánh để giải thoát khỏi khổ (sa. dukkha), là chân lý cuối cùng của Tứ diệu đế. Bát chánh đạo là một trong 37 Bồ-đề phần (zh. 三十七菩提分) hay 37 giác chi (sa. bodhipāksika-dharma).

Bát chánh đạo bao gồm:

1. Chánh kiến (zh. 正見, pi. sammā-ditthi, sa. samyag-drsti, bo. yang dag pa'i lta ba): gìn giữ một quan niệm xác đáng về Tứ diệu đế và giáo lý vô ngã.
2. Chánh tư duy (zh. 正思唯, pi. sammā-sankappa, sa. samyak-samkalpa, bo. yang dag pa'i rtog pa): suy nghĩ hay có một mục đích đúng đắn, suy xét về ý nghĩa của bốn chân lý một cách không sai lầm.
3. Chánh ngữ (zh. 正語, pi. sammā-vācā, sa. samyag-vāk, bo. yang dag pa'i ngag): không nói dối hay không nói phù phiếm.
4. Chánh nghiệp (zh. 正業, pi. sammā-kammanta, sa. samyak-karmānta, bo. yang dag pa'i las kyi mtha): tránh phạm giới luật.
5. Chánh mạng (zh. 正命, pi. sammā-ājīva, sa. samyag-ājīva, bo. yang dag pa'i `tsho ba): tránh các nghề nghiệp liên quan đến sát sinh (giết hại sinh vật) như đồ tể, thợ săn, buôn vũ khí, buôn thuốc phiện.
6. Chánh tinh tấn (zh. 正精進, pi. sammā-vāyāma, sa. samyag-vyāyāma, bo. yang dag pa'i rtsal ba): phát triển nghiệp tốt, diệt trừ nghiệp xấu.
7. Chánh niệm (zh. 正念, pi. sammā-sati, sa. samyag-smṛti, bo. yang dag pa'i dran pa): tỉnh giác trên ba phương diện thân, khẩu, ý.
8. Chánh định (zh. 正定, pi. sammā-samādhi, sa. samyak-samādhi, bo. yang dag pa'i ting nge `dzin): tập trung tâm ý, đạt bốn định xuất thế gian (sa. arūpa-samādhi).

*nhãn¹²⁴, chiếu soi Chân đế¹²⁵, thông đạt Tục đế¹²⁶.
Biện tài tổng trì tự tại vô ngại, khéo hiểu vô biên
phương tiện trong thế gian. Lời nói thành thật chắc
chắn, thấu rõ nghĩa lý sâu xa, diễn thuyết chánh pháp
hóa độ các loài hữu tình, quán xét khắp ba cõi đều
rõng không chẳng có gì, biết tất cả các pháp vô tướng*

¹²⁴ **Ngũ nhãn** (P: Pañca cakwûđiwi, P: Pañca cakkhûni): chỉ cho 5 loại mắt. Tức là:

1. Nhục nhãn (P: Mâôsa-cakwus): mắt của người phàm tục.
2. Thiên nhãn (P: Divya-cakwus): mắt của người trời ở cõi Sắc nhờ tu Thiền định mà đạt được. Mắt này có khả năng thấy hết mọi thứ xa gần, trước sau, trong ngoài, ngày đêm, trên dưới...
3. Tuệ nhãn (P: Prajñā-cakwus): mắt này có thể thấy rõ chân không vô tướng, tức là thấu suốt hết thấy hiện tượng đều là không tướng, định tướng.
4. Pháp nhãn (P: Dharma-cakwus): mắt của Bồ-tát. Mắt này thấy được tất cả các pháp môn.
5. Phật nhãn (P: Buddha-cakwus): mắt Phật. Mắt này có đủ công năng của cả 4 loại mắt trên, thấu suốt hết thấy mọi pháp, không có gì mà chẳng thấy biết.

Tông Thiên Thai cho rằng Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn và Pháp nhãn thuộc nhân vị, Phật nhãn thuộc quả vị. Lại tùy theo 4 giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên mà nghĩa của Ngũ nhãn đều khác. Mật giáo thì cho rằng Ngũ nhãn không có hơn kém khác nhau, nhưng đặc biệt coi trọng Phật nhãn và Phật cách hóa Phật nhãn, gọi là Phật nhãn tôn.

¹²⁵ **Chân đế** (P: Paramārtha-satya, P: Paramattha-sacca): cũng gọi Thắng nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa đế. Chỉ cho chân lý xuất thế gian.

¹²⁶ **Tục đế** (P: Saôvfti-satya, P: Sammuti-sacca): cũng gọi Thế tục đế, Thế đế, chỉ cho chân lý thế gian.

vô vi không lấy không bỏ, xa rời điên đảo, vững chắc không động như núi Tu-di.

Trí tuệ sáng suốt như mặt trời, rộng lớn như biển cả, phát sinh ra những bảo vật công đức. Trí tuệ mạnh mẽ như ngọn lửa hừng hực đốt cháy củi phiền não. Nhân nhục như đất, bình đẳng với tất cả. Thanh tịnh như nước, rửa sạch mọi bụi nhơ; như hư không vô biên vì tất cả chẳng chướng ngại, như hoa sen ra khỏi nước vì rời tất cả ô nhiễm, như tiếng sấm sét vì diễn nói pháp âm, như mây kéo mù mịt vì tuôn mưa pháp, như gió lay động cành cây vì nảy mầm Bồ-đề, như tiếng trâu chúa vì khác hẳn với tiếng của các loài trâu khác, như uy thế của voi chúa vì khó lường xét được, như ngựa giỏi chạy vì những vật được chuyên chở chẳng mất, như sư tử chúa vì không sợ sệt, như cây Ni-câu-luật¹²⁷ vì tàng che rộng lớn, như hoa Ưu-bát-la¹²⁸ vì khó được gặp, như chày kim cương phá

¹²⁷ **Ni-câu-luật:** Tên khoa học: Jicus indica.

Một loại cây thuộc họ dâu, hình dạng giống cây dong, thường mọc ở Ấn Độ, Tích Lan, cao từ 10 m đến 15 m, lá hình tròn đầu dài mà nhọn. Nhánh của nó rũ xuống tận gốc thành rễ phụ, cành lá sum xuê nhưng hạt lại rất nhỏ, nên kinh điển Phật giáo thường dùng nó để dụ cho “Nhân” tuy nhỏ nhưng “Quả” lại rất lớn.

¹²⁸ **Hoa Ưu- bát-la:** Còn gọi Ô-đàm-bát-la hoa, Ưu-đàm-ba hoa, Ô-đàm-bát-la hoa, Ưu-đàm hoa, Uất-đàm hoa.

võ núi tà, như thân Phạm vương vì sinh ra Phạm chúng, như chim Cánh vàng vì thắng Độc long, như chim muông trong hư không chẳng có dấu vết, như núi Tuyết vì chói sáng công đức thanh tịnh, như ngài Từ Thị¹²⁹ vì quán xét pháp giới bình đẳng.

Thực vật ẩn hoa thuộc họ cây dâu, sống dưới chân núi Hymalaya, cao nguyên Deccan và Sri Lanca. Thân cây cao hơn 3 m, lá có hai loại. Loại thứ nhất trơn và phẳng, loại thứ hai thô nhám, đều dài từ 10 đến 18 cm, đầu nhọn hơi dài. Có hoa đực hoa cái khác nhau. Loại có đài hoa lớn thì như nắm tay, còn loại nhỏ bằng ngón tay cái, kết thành chùm hơn 10 hoa, mọc trên thân cây, tuy ăn được nhưng vị không ngon.

Theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa* 8, loại hoa này do điểm lành linh dị chiêu cảm, là loại thiên hoa, thế gian không có. Nếu Như Lai hạ sinh thì nhờ năng lực đại phước đức của Ngài mà chiêu cảm loại hoa này xuất hiện. Vì loại hoa này ít có, khó gặp, nên trong các kinh Phật giáo có rất nhiều chỗ dùng hoa này dụ cho việc khó gặp Phật ra đời. Như *kinh Vô Lượng Thọ*, thượng (Đại 12, 266 hạ) ghi: “Vô lượng ức kiếp khó gặp khó thấy, giống như hoa linh thoại đúng thời mới xuất hiện”. Vì loại hoa này ẩn trong đài hoa lõm hình cái bình, cho nên thường bị nhận lầm loại thực vật không hoa, do đó mà sinh ra các truyền thuyết.

Ở Ấn Độ từ thời đại Phệ-đà đến nay, người ta thường dùng lá thô của cây này để làm mộ-ha mộc, tức là làm củi đốt khi cúng tế. Trong Phật giáo, cội Bồ-đề thành đạo của bảy đức Phật quá khứ đều khác nhau. Ưu-đàm-bạt-la thụ là cây Bồ-đề thành đạo của đức Phật năm Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai.

¹²⁹ **Từ Thị** (慈氏, “người có lòng từ”): hay Di-lặc (zh.彌勒, sa. maitreya, pi. metteyya là cách phiên âm, cũng có tên khác là Vô Năng Thắng (zh. 無能勝, sa. ajita), phiên âm Hán Việt là A-dật-đa, là một vị Bồ-tát và cũng là vị Phật cuối cùng sẽ xuất hiện trên trái đất. Trong Phật giáo Tây Tạng, Bồ-tát Di-lặc được thờ cúng rất rộng rãi. Cội giáo hóa của Bồ-tát

Các vị ấy chuyên ưa thích cầu pháp, tâm không thấy đầy đủ và chán nản, thường muốn thuyết pháp rộng rãi, tâm chí không mỏi mệt, đánh trống pháp, dựng cờ pháp, chiếu soi mặt trời trí tuệ, xua tan ngu si tăm tối.

Các vị ấy tu sáu pháp hòa kính¹³⁰, thường làm vị thầy dẫn đường, làm ngọn đèn sáng cho thế gian, làm ruộng phước tối thắng an ổn quần sinh, thành tựu công đức thù thắng, ai cũng tôn trọng, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường được chư Phật cùng

hiện nay là trời Đâu-suất (sa. tusita). Theo kinh điển, Bồ-tát Di-lặc sẽ dẫn sinh trong khoảng 30.000 năm nữa.

¹³⁰ **Sáu pháp hòa kính:** (the six points of harmony or unity in a monastery or convent), nếu viết đầy đủ là Lục hòa kính, bao gồm:

1. Thân hòa đồng trụ (bodily unity in form of worship): cùng là người tu hành, cùng thờ Phật nên tương kính nhau.
2. Khẩu hòa vô tranh (oral unity in chanting): cùng học và thi hành giáo pháp của đức Phật nên nói hòa kính nhau.
3. Ý hòa đồng duyệt (mental unity in faith): chung một tôn chỉ là giải thoát nên ý là một.
4. Giới hòa đồng tu (moral unity in observing the commandments): cùng tu chung với nhau theo giới luật.
5. Kiến hòa đồng giải (doctrinal unity in views and explanations): cùng một cách nhìn về thế giới và con người.
6. Lợi hòa đồng quân (economic unity in community of goods, deeds, studies or charity): được cúng dường mọi thực phẩm và vật dụng, cùng nhau thọ nhận.

chung khen ngợi, tu tập rốt ráo các pháp Ba-la-mật của Bồ-tát, xa rời địa vị của Thanh văn, Duyên giác”.

Đức Phật bảo A-nan:

- Các vị Bồ-tát do niệm Phật nên thành tựu vô lượng công đức như thế. Ta chỉ nói sơ lược với ông, nếu nói rộng ra, dù trải qua ức kiếp cũng không cùng tận.

*

Chương 2

TIẾN TU THÁNH QUẢ Ở TỊNH ĐỘ

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Những người niệm Phật sinh về Tịnh độ rồi, liền vào trong ao thất bảo, tắm gội thân thể trong sạch, gột rửa tình lự, ai nấy cũng đều ngồi trên hoa sen, tự nhiên gió nhẹ thổi đến, các hàng cây báu phát ra âm thanh vi diệu, rải các loại hoa quý báu, hương lạ ngạt ngào, đều làm Phật sự. Người nghe vui thích vô lượng, tự nhiên tâm khai mở, tiến bước trên con đường tu hành.

Có những người ở dưới đất giảng kinh, tụng kinh,

thuyết kinh, truyền kinh, nghe kinh, đọc kinh, suy xét đạo lý, nhất tâm tọa thiền, đi kinh hành. Có người ở trên hư không giảng kinh, tụng kinh, thuyết kinh, truyền kinh, đọc kinh, suy xét đạo lý, nhất tâm tọa thiền, đi kinh hành.

Trong cõi Cực Lạc, các vị đệ tử Thanh văn đều phát tâm rộng lớn. Có vị chưa đắc quả Thánh, nhân đó mà đắc quả Thánh. Có vị chưa được bậc Bất thối chuyển, nhân đó bước lên bậc Bồ-tát Bất thối chuyển. Tùy theo tư chất của mình mà ai nấy đều có sở đắc, đều rất vui vẻ thích ý, được du hí Tam-muội, làm lợi ích cho các loài hữu tình. Do tâm niệm Phật kiên cố, xưng tán bản nguyện của Phật Di-đà, nên những Phật tử vãng sinh đều được xếp vào hạng này. Trí tuệ biện tài vô ngại, thần thông như ý, tự đi thuyền thuận buồm xuôi gió, mau chóng Bồ-đề, vượt qua muôn kiếp luân hồi, chư Thiên đều kính trọng”.

Tịnh nghiệp thù thắng, quả báo rộng lớn rõ ràng. Thế nên, nay tôi nhắn nhủ cùng những người đồng tu không nên quên việc này. Bò, bay, máy, cựa cũng đều có phần, bậc Đại trượng phu phải nên gắng sức!

*

Chương 3

BA MƯƠI SỰ LỢI ÍCH CỦA TỊNH ĐỘ

Tịnh Độ Quán Nghi Luận của Đại sư Hoài Cảm nói: “Người sinh về Tây Phương có 30 điều lợi ích.

1. Vãng sinh cõi Phật.
2. Được niềm vui pháp lớn.
3. Thân cận chư Phật.
4. Trải qua mười phương cúng dường chư Phật.
5. Tận tai nghe Phật thuyết pháp.
6. Tư lương phước tuệ nhanh chóng tròn đầy.
7. Mau chứng đạo Bồ-đề.
8. Các Trời, Người cùng hội tụ một nơi.
9. Không thối chuyển.
10. Vô lượng hạnh nguyện tăng tiến.
11. Chim Anh vũ, Xá-lợi tuyên dương pháp âm.
12. Gió thổi hàng cây tấu diễn thiên nhạc.
13. Nước xoáy châu Ma-ni diễn thuyết pháp khổ, không.

14. Tiếng nhạc tấu diễn âm thanh vi diệu.
15. Bốn mươi tám nguyện của Phật nhiếp thọ.
16. Thân sắc vàng ròng.
17. Thân không xấu xa thấp hèn.
18. Đầy đủ sáu thứ thân thông.
19. Thường ở nơi chánh định tụ.
20. Không có các điều bất thiện.
21. Thọ mạng lâu dài.
22. Y phục và ẩm thực tự nhiên hóa hiện.
23. Chỉ thọ hưởng những điều vui.
24. Được ba mươi hai tướng tốt¹³¹.

¹³¹ **Ba mươi hai tướng tốt:** 32 tướng tốt, gồm: 1. Bàn chân bằng phẳng; 2. Chỉ dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm; 3. Ngón tay dài, trước đầu ngón tay nhỏ và nhọn; 4. Tay, chân đều mềm mịn; 5. Trong kẽ tay, kẽ chân có da mỏng như giăng lưới; 6. Gót chân đầy đặn; 7. Tròn bàn chân nổi cao đầy đặn; 8. Bắp vế tròn như bắp chuối; 9. Khi đứng hai tay dài quá đầu gối; 10. Nam căn ẩn kín; 11. Thân hình cao lớn và cân phân; 12. Những lỗ chân lông thường ánh ra sắc xanh; 13. Những lông trên mình uốn về bên phải; 14. Thân thể sáng chói như vàng thắm; 15. Quanh mình thường có hào quang chiếu ra; 16. Da mỏng và mịn; 17. Lòng bàn chân, bàn tay, hai vai và trên đỉnh, bảy chỗ ấy đầy đặn; 18. Hai nách đầy đặn; 19. Thân thể oai nghiêm như sư tử; 20. Thân thể vuông vắn ngay thẳng; 21. Hai vai tròn tựa cân phân; 22. Bốn mươi cái răng; 23. Răng trắng,

25. Thật không có người nữ.
26. Không có Tiểu thừa.
27. Lìa khỏi tám nạn.
28. Được ba pháp nhãn¹³².

trong, đều nhau và khít; 24. Bốn cái răng nanh lớn hơn; 25. Gò má nổi cao như hai mép của sư tử; 26. Nước miếng đủ chất thơm ngon; 27. Cái lưỡi rộng, dài, mềm mỏng, khi le ra đến chân tóc; 28. Giọng nói thanh nhã nghe xa, như giọng nói của đức Phạm thiên; 29. Con mắt xanh biếc; 30. Lông mi dài đẹp; 31. Có chòm lông trắng thường chiếu sáng, mọc giữa hai chạng mày; 32. Trên đỉnh đầu thịt nổi cao lên như một búi tóc.

¹³² **Tam pháp nhãn** (S: Tisrah ksantayah): cũng gọi Tam nhãn.

I. Tam Pháp Nhãn: ba loại nhãn.

Nhãn nghĩa là thể ngộ, nhận thức sự lý mà tâm được an.

1. Âm hưởng nhãn (S: Ghosànugama-dharma-ksanti), cũng gọi Tùy thuận âm thanh nhãn, Sinh nhãn: lắng nghe giáo pháp mà tâm được an. Đây là giai vị Thập tín, nhờ nghe pháp âm mà liễu ngộ nên gọi là Âm hưởng nhãn.

2. Nhu thuận nhãn (S: Anulomikì-dharma-kwanti), cũng gọi Tư duy nhu thuận nhãn, Nhu thuận pháp nhãn: nhờ sự tư duy của chính mình mà được liễu ngộ và tùy thuận chân lý. Đây là giai vị Tam Hiền, hàng phục các hoặc nghiệp, khiến 6 trần vô tánh không sinh ra được, cho nên gọi là Nhu thuận nhãn.

3. Vô sinh pháp nhãn (S: Anutpattika-dharma-kwanti), cũng gọi Tu tập vô sinh nhãn, Vô sinh nhãn: khế hợp chân lý, tức Thất địa trở lên, lìa tất cả tướng mà chứng ngộ thực tướng.

Trong *Vô Lượng Thọ Kinh* Ký quyển thượng, ngài Huyền Nhất đời Đường đem Tam nhãn phối với Tam tuệ: nhờ được nghe âm giáo mà có Âm hưởng nhãn là Văn tuệ; nhờ tùy phần điều phục tâm mà có Nhu thuận nhãn là Tư tuệ; nhờ quán xét chứng lý Vô sinh mà có Vô sinh nhãn là Tu tuệ.

29. Thân thường có ánh sáng.

30. Thân được sức mạnh kiên cố như kim cương.

Như thế, thật đáng gọi là:

Khắp nơi đường Bồ-đề

Sáng ngời rừng công đức.

*

Lại trong *Vô Lượng Thọ Kinh Sao* quyển 5, vị tăng người Nhật Bản là Liễu Huệ, có dẫn lời giải thích của ngài Nghĩa Tịch, người nước Tân-la, về Tam nhẫn như sau:

1. Âm hưởng nhẫn: nếu nghe pháp chân thật mà không kinh nghi sợ hãi, lại tin hiểu thọ trì, ưa thích thuận theo, tu tập an trụ, thì đó là Tùy thuận âm hưởng nhẫn bậc nhất. Đây là lời giải thích trong phẩm *Thập Nhẫn*.
2. Tùy thuận nhẫn: Bồ-tát tùy thuận tịch tĩnh quán xét tất cả pháp, bình đẳng chánh niệm, không trái nghịch các pháp, dùng tùy thuận vào sâu tất cả các pháp, dùng trực tâm thanh tịnh phân biệt các pháp, tu bình đẳng quán và thâm nhập đầy đủ, đó là thuận nhẫn thứ 2, gọi là Tùy thuận nhẫn.
3. Vô sinh pháp nhẫn: Bồ-tát không thấy có pháp sinh, không thấy có pháp diệt; nếu không sinh thì không diệt, không diệt thì không hết, không hết thì lìa cấu, lìa cấu thì không hoại, không hoại thì chẳng động, chẳng động thì vắng lặng, đó là Vô sinh pháp nhẫn.

Chương 4

THÀNH PHẬT NƠI TỊNH ĐỘ

Từ định Kim Cang trở về sau thì nhân của Bồ-tát được viên mãn. Trong đạo giải thoát, quả vị Như Lai tròn đầy, đầy đủ bốn vô lượng tâm, bốn biện tài vô ngại¹³³, mười tám pháp bất cộng¹³⁴, mười lực¹³⁵ của Nhị thừa hiện tiền,

¹³³ **Bốn biện tài vô ngại** (Paṭisambhidā): sự thông suốt, không có ngăn ngại trong việc giảng giải. Bốn pháp vô ngại giải ấy là:

1. Pháp vô ngại giải (Dhammapaṭisambhidā): là sự diễn đạt thông suốt các pháp.
2. Nghĩa vô ngại giải (Atthapaṭisambhidā): là các ý nghĩa được trình bày, giải thích một cách rộng rãi, không sai lầm.
3. Từ vô ngại giải (Niruttipaṭisambhidā): là sự dùng từ để diễn đạt pháp rất thông suốt, không lẫn lộn.
4. Biện vô ngại giải (Paṭibhānapaṭisambhidā): là sự thông suốt, lưu loát trong sự biện bác.

¹³⁴ **Mười tám pháp bất cộng** (十八不共法): Bồ-tát cùng Thanh văn, Duyên giác đều không có, riêng Phật là có 18 pháp này:

1. Thân không lỗi.
2. Miệng không lỗi.
3. Niệm không lỗi.
4. Không có tâm tưởng khác.
5. Không có tâm bất định.
6. Không có tâm không biết.
7. Sự muốn không giảm.
8. Tinh tấn không giảm.

thuyết pháp không sợ sệt, dứt hết trần sa hoặc¹³⁶, thành tựu công đức vạn hạnh, đầy đủ mười hiệu¹³⁷, ba

-
9. Niệm không giảm.
 10. Huệ không giảm.
 11. Giải thoát không giảm.
 12. Giải thoát trí kiến không giảm.
 13. Tất cả thân nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
 14. Tất cả khẩu nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
 15. Tất cả ý nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
 16. Trí tuệ biết đời vị lai không ngại.
 17. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại.
 18. Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại.

¹³⁵ Chỉ cho mười trí lực của Như Lai.

¹³⁶ **Trần sa hoặc**: lấy bụi cát để ví dụ cho sự mê lầm trong tâm của phàm phu nhiều vô số. Cho nên Bồ-tát phải học các pháp Phật nhiều như số cát sông Hằng mới phá trừ được những mê lầm (hoặc) này.

¹³⁷ **Mười hiệu** (zh. 十號): mười danh hiệu của một vị Phật, thường được nhắc đến trong những bài kinh, luận:

1. Như Lai (zh. 如來, sa., pi. tathāgata): Người đã “đến như thế” hoặc “người đã đến từ cõi Chân như”.
2. A-la-hán (zh. 阿羅漢, sa. arhat, pi. arahant), dịch nghĩa là Ứng Cúng (zh. 應供): người đáng được cúng dường, đáng được tôn kính.
3. Chánh Biến Tri (zh. 正遍知, sa. samyaksambuddha), dịch theo âm là Tam-miêu-tam-phật-đà (zh. 三藐三佛陀): người hiểu biết đúng tất cả các pháp.
4. Minh Hạnh Túc (zh. 明行足, sa. vidyācaranasampanna): người có đủ trí huệ và đức hạnh.
5. Thiện Thệ (zh. 善逝, sa. sugata): người đã đi một cách tốt đẹp.
6. Thế Gian Giải (zh. 世間解, sa. lokavid): người đã thấu hiểu thế giới.
7. Vô Thượng Sĩ (zh. 無上士, sa. anuttarapurusa): đáng tối cao, không ai vượt qua.

thân hiển bày trọn vẹn, viên mãn chín mươi bảy tướng đại nhân, phóng ra tám vạn bốn ngàn ánh sáng, bi trí dung thông, phước tuệ đầy đủ, thị hiện nơi mười cõi Báo độ¹³⁸, hay tùy muôn loài mà hóa thân, bủa mây từ bi rộng lớn, rưới mưa pháp khắp cùng, chan hòa pháp giới chúng sinh đều tỏ ngộ bản tâm, đồng thành tựu đạo giác ngộ chân chánh.

Tuyển Phật nếu không có mất như thế, tông phong sao được đến ngày nay!

*

8. Điều Ngự Đại Trưởng Phu (zh. 調御大丈夫, sa. purusadamyasârathi): người đã điều chế được mình và nhân loại.

9. Thiên Nhân Sư (zh. 天人師, sa. devamanusyânâm ústr): bậc thầy của cõi người và cõi trời.

10. Phật Thế Tôn (zh. 佛世尊, sa. buddhalokanâtha, buddhalokajyestha, bhagavân): bậc giác ngộ được thế gian tôn kính.

¹³⁸ **Mười cõi báo độ**: năm báo độ cộng với năm ứng độ thành mười độ. Báo độ là cõi nước (đất nước) do tự nghiệp của chúng sinh chiêu cảm, có 5 loại khác nhau là Tịnh độ, Bất tịnh độ, Bất tịnh tịnh độ, Tịnh bất tịnh độ và Tạp độ. Vì Phật đã sạch hết hoặc nghiệp cả trong lẫn ngoài ba cõi, nên không có cõi nước, nhưng Phật vào cõi nước quả báo của chúng sinh để hóa độ, cho nên gọi là ứng độ. Lại vì báo độ có 5 loại nên ứng độ cũng theo đó mà có 5 loại, cộng thành mười độ.

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỀN MƯỜI

Thiên thứ mười
CHÁNH LUẬN NIỆM PHẬT

Người vâng theo giáo pháp niệm Phật, tức đã được nhờ ân đức của bậc Pháp vương. Làm sứ giả của Như Lai phải lấy việc phá tà hiển chánh, bài xích điều ác, khen ngợi việc lành, làm gương mẫu cho hậu học, làm mất sáng cho muôn loài, đó là trách nhiệm của chính mình. Nếu chẳng thể lặn lẽ tự giữ gìn thì chỉ là người ngồi không hưởng lộc trong cửa Phật. Như thế, tuy có giảng thuyết, truyền trao nhưng cũng chẳng làm được gì. Đầu chẳng nghe, nhân lỡ mới được cá, thể hội giáo lý rồi sau mới tu hành. Danh tướng và

giáo lý chưa được chân chánh thì làm sao thực hành? Cho nên không thể không bàn luận. Do vậy, Khổng Tử làm chính trị tức là làm ngay thẳng những điều không ngay thẳng; lời di giáo của Phật lúc nhập Niết-bàn, cấp thiết ở chỗ sửa đổi sai lầm.

Tôi từng xét, đức Thế Tôn diễn tả chỗ không hình tướng, nói bàn về chỗ không ngôn ngữ, để giúp chúng sinh trở về bản tánh. Do đó, Đốn giáo, Tiệm giáo, Đại thừa, Tiểu thừa tràn đầy nơi Hải tạng ở Long cung, đều là ý chỉ phá tà hiển chánh, bài xích điều ác, khen ngợi việc lành. Tất cả chúng sinh khắp nơi vâng theo sự giáo hóa của Ngài mà trở về bản tánh, nhiều không thể tính kể.

Trong đó chỉ riêng khen ngợi Tây Phương, bảo rằng con đường tu hành thẳng tắt. Bởi lẽ, Phật A-di-đà có nguyện lực rộng lớn, thâm nhiếp chúng sinh nơi Ta-bà dẫn về cõi Tịnh, khiến họ bỏ giả dối mà chứng nhập chỗ chân thật. Do đó, chư Phật cùng khen ngợi, Bồ-tát đồng tuân theo; Tổ Huệ Viễn sáng lập Liên Xã cùng tu hành, vẻ đẹp nghìn xưa không phai mờ; ngài Từ Chiếu thì biên tập *Sám Văn*, vì thế sự giáo hóa chân chánh được lưu thông khắp mười phương. Con đường Tịnh độ thật là rộng lớn thay! Lấy Phật Di-đà tức là bản tánh làm thể, lấy Tịnh độ

tức là duy tâm làm tông, lấy nhân từ tức là bỏ ác tu thiện làm dụng. Ba điều ấy vốn hiển bày sự báo ứng trong ba đời mà chế định ra. Nhất tâm rộng lắng thấu suốt tột cùng đạo lý này, khiến cho người thấu rõ đạo lý, bỏ vọng tin việc này để trở về điều lành, lấy đây làm lợi ích cho người trên kẻ dưới. Như thế, thật là trợ giúp cho giáo lý của Chu công¹³⁹ và Khổng Tử, hỗ trợ cho việc giáo hóa của nhà vua, công ấy rất là to lớn. Nếu khiến cho một người có thể thực hành đạo này, rồi dạy bảo cả nhà, nhà lại dẫn dắt làng xóm, làng xóm lại truyền bá cả nước cho đến vô cùng thì mọi người dân trong thiên hạ đều thấm nhuần đạo đức, dung hội tinh thần nơi thật tướng, không bao lâu sẽ tiến đến cảnh giới Phật, đâu chỉ trở thành thiện nhân quân tử thôi sao! Như thế, còn lo gì trung hiếu không tu tập, lễ nghĩa chẳng sáng tỏ? Lấy

¹³⁹ **Chu Công:** tên thật là Cơ Đán, thực chất là tước phong của Chu Vũ Vương (Cơ Phát) cho em trai mình là Cơ Đán sau khi giúp nhà Chu (1122 - 256 trước Công nguyên) giành quyền thống trị Trung Hoa từ tay nhà Thương. Sau khi Chu Vũ Vương chết (sau một thời gian trị vì ngắn ngủi), Cơ Đán đã giúp con của Chu Vũ Vương là Chu Thành Vương xây dựng và phát triển nhà Chu thành một nước mạnh mẽ và có công xây dựng nền nền văn hóa Trung Hoa rực rỡ trong quá khứ. Công lao to lớn của Cơ Đán với sự phát triển của văn hóa Trung Hoa khiến người ta gọi ông bằng chức vụ là Chu Công (quên đi cái tên Cơ Đán), khiến cho nhiều người lầm tưởng Chu Công là tên thật của ông.

đó mà xét, há chẳng phải đạo của bậc Năng Nhân và đạo của Khổng Tử cùng làm trong ngoài hỗ trợ nhau để giáo hóa mọi người hay sao? Đến như các triều đại cũng vì tôn kính mà mở rộng giáo lý này. Thời tượng pháp phụng sự chẳng đúng người, mở rộng giáo lý thì tệ hại đối trá phát sinh; phụng sự chẳng đúng người thì sự thuần phát tiêu mất. Họ bèn lấy chùa to Phật lớn để khoe khoang xa xỉ, lấy tiếng tăm danh lợi no ấm để làm tài năng. Chỉ lấy số nhiều làm quý thì những kẻ khiến đạo này bại hoại cũng không ít. Cho lời nói quá lạ là hay thì ắt làm mê lầm những người nghe rất nhiều; lần lượt họ noi theo, bèn trở thành thấp hèn. Ngày lại qua ngày, đổ tía lẫn lộn, khiến cho vẻ đẹp thanh tịnh của nhân từ rộng lượng tiêu tan hết cả, do vậy mới có nhiều lời chê bai nhạo báng, những hạng người này như tầm ăn một khoét. Đó là lỗi lầm của những người tôn kính và phụng sự một cách sai trái, chẳng phải lỗi của giáo pháp. Người nay phần nhiều không xét nguyên do, thấy các đồ đệ không ra gì thì phần nộ đối với giáo pháp của bậc Thiện nhân. Cũng nào có lạ gì, như vì Đan Chu mà trách tội vua Nghiêu, do Thương Quân mà trách lỗi vua Thuấn¹⁴⁰, uống thuốc quá độ rồi quy lỗi cho

¹⁴⁰ Trong *Duy-ma Kinh Lược Sơ Thùy Dụ Ký* nói: “Bậc Thánh như vua

Thần Nông, bỏ lửa cháy lan trở lại trách người trao đuốc.

Kẻ ngu này là người chẳng xu nịnh, có học tập Phật đạo đôi phần, đã lãnh hội sơ lược ý chỉ, có tâm nâng đỡ sự suy tàn, chẳng dám riêng tư cho mình, chỉ vì lợi ích chung cho mọi người để cứu điều tệ hại.

Từng bảo rằng, sự lợi hại của giáo môn có bốn điều:

1. Sự truyền thọ của thầy không rõ ràng, tà pháp mạnh mẽ làm mất chỗ chân thật.

2. Không thực hành giới pháp, cương thường rối loạn mà phạm cấm giới.

3. Giáo lý chưa rõ, luận bàn sai lầm trái nghĩa làm mê hoặc mọi người.

4. Không tu hạnh nguyện, mê muội đi vào lối tà, rơi trong đường ma.

Do đó, sửa đổi tên gọi rối loạn, làm mù điếc kẻ hậu học, gây ra rất nhiều mối hại, thật đáng thương tâm! Từ đó, những kẻ lạm dụng, một truyền mười,

Nghiêu, vua Thuấn, Chu Công mà có con thấp hèn như Đan Chu, Thương Quân; bất nhân như Quần Thúc, Thái Thúc. Lẽ nào Nghiêu, Thuấn, Chu Công lại dạy dỗ không đến nơi đến chốn hay sao?"

mười truyền trăm, trăm truyền ngàn vạn, lưu bố chất độc khắp cả đất nước, nhanh chóng như dùng ngựa truyền tin tức. Tại sao biết như thế? Vì thuyết chân chánh khó thực hành, thói tà vạy dễ tiêm nhiễm, đó là lẽ tất nhiên.

Than ôi! Đạo của Tổ sư đã không truyền từ lâu mà muốn mọi người không mê lầm rất khó. Tôi tuy không minh mẫn, nhưng thật có tâm thương xót. Suy tư muốn phân tích nghĩa lý, chia chẽ rõ ràng, trình bày đầy đủ rộng rãi những điều đã nghe thuở trước, cắt đứt tà ngụy, nối tiếp chánh chân, khai mở cho hàng hậu học. Nhưng hận vì không có trí tuệ biện tài, chỉ theo cái nhìn nhỏ hẹp. Do đó, nhất tâm trai giới, thành kính Tam Bảo, thưa hỏi tìm cầu đại giáo, tham khảo lời lẽ diệu huyền, theo khuôn phép để xác định chánh tông phá trừ các dị thuyết, gom lại viết thành chánh luận của pháp niệm Phật, chia chẽ chứng minh lời nói mẫu mực của Phật Tổ, tuyên cáo khắp các nơi đều bước lên con đường giác ngộ. Mong làm cho Thánh giáo bị ẩn lấp nay được sáng tỏ, chúng sinh tội lỗi trở lại được phước.

Có người khách đến hỏi:

- Tu hành để thấu rõ sự sinh tử của chính mình, cần gì luận bàn sự hay dở của người khác?

Tôi đáp:

- Lý không phải như thế! Đâu chẳng nghe Như Lai ra đời dùng pháp nào cũng vì lợi ích chúng sinh; Bồ-tát phát nguyện tu hành, mảy may đâu vì chính mình. Phật tử biểu hiện đồng như ngoại đạo là vì phương tiện chuyển hóa tâm tà của người khác. Mười loại dân ma trong kinh *Lăng-nghiêm* đều do sự hiểu biết sai lầm. Mười loại nghiệp ma trong kinh *Hoa Nghiêm* là để chỉ rõ con đường chân chánh.

Than ôi! Sự tu hành tà vạy đều từ cái thấy sai lầm, nên tự cam tâm nơi con đường nguy hiểm. Gặp cảnh giới này lẽ nào ngậm miệng không lời, nghĩ họ ngu si đâu nên ngồi nhìn sa đọa. Huống chi Thế Tôn từ bi phó chúc, lưu lại đại nguyện cứu tế khắp cả người mê; Bồ-tát y theo chánh pháp tu hành, thị hiện đồng sự giáo hóa khiến họ thành Phật. Đó là hạnh căn bản, lại còn nghi ngờ gì nữa!

Nếu như thấy người lạc lối mà không chỉ dẫn con đường chân chánh thì lòng từ bi đặt để nơi nào? Gặp kẻ đắm chìm mà không lo nghĩ cứu vớt thì phương tiện ở nơi đâu? Thuận theo chánh pháp, phá dẹp tà ma, đó là việc làm của bậc Đại trí Vô thượng; điều phục chúng sinh vào nơi chánh đạo, đó là chỗ chư Phật giữ gìn. Thệ nguyện xả bỏ thân mạng, dựng

lập tông chỉ chân chánh, quyết chẳng vì mình mà lãng quên lời di chúc của Phật. Chúng sinh tuy hết mà lòng từ bi càng thêm kiên cố, hư không dấu tan nát, nguyện tôi vẫn không cùng. Nếu gặp bậc Hiền có tri thức, tất có thể trợ giúp hoằng truyền đạo này.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Dem tâm tâm phụng sự thế giới
Đó mới là đáp đền ân Phật.*

*

Chương 1

HỎI VỀ BẢN TÁNH CHÂN NHƯ

Bản tánh chân như là tâm thể chân thật không giả dối trước khi cha mẹ sinh ta, gọi là gương mặt xưa nay. Thiên tông gọi là chánh pháp nhãn tạng, Liên tông gọi là bản tánh Di-đà, Khổng Tử gọi là Thiên lý, *Kinh Dịch* gọi là Thái cực. Tên tuy có khác nhưng thật ra đồng một bản tánh chân như. Tánh này rỗng rang mà sáng suốt, lặng lẽ mà nhiệm mầu, cùng chung cội gốc với trời đất vạn vật, trải qua muôn kiếp vẫn không tan hoại,

thế giới vỡ nát nhưng bản tánh chẳng đổi dời.

Con người không thể nhận lấy bản tánh chân như này, lại bị buộc ràng nơi thể chất hòa hợp của đất nước gió lửa, nên thọ nhận thân hình. Đã là máu thịt trước khí thì mờ mịt nơi tâm thể thanh tịnh bản nhiên, đến khi sinh ra lại bị ngũ dục lục trần làm si mê điên đảo, mê muội nơi tánh thiên chân¹⁴¹ sẵn có. Do đó, đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là dẫn dắt mọi người bỏ vọng về chân. Song, pháp thẳng tắt dễ thực hành chỉ có một môn niệm Phật. Người tu pháp này, tâm không tán loạn, chánh định hiện tiền, đó là trở về bản tánh.

Nay, có một hạng người không cứu xét đạo lý, lại đem pháp tu dưỡng của đạo môn mạo danh lạm xưng là Liên tông. Nói bữa khí là chủ nhân, dạy người chuyển tinh vận khí, lao nhọc gân cốt, dụng thân tâm một cách uổng phí, cam chịu đau khổ mà rốt cuộc chẳng được gì.

Tôi từng xem Trương Tử Dương nói về tinh, khí, thần của đạo môn, vốn là nguyên tinh, nguyên khí, nguyên thần có trước trời đất. Nguyên tinh chẳng

¹⁴¹ **Thiên chân:** chân lý tự nhiên không do tạo tác.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết quyển 1 (Đại 46, 143 hạ) nói: “Lý chẳng phải tạo tác cho nên gọi là Thiên chân”.

phải là tinh của dâm dật, nguyên khí chẳng phải là khí từ nơi hô hấp, nguyên thần chẳng phải là thần nơi suy nghĩ. Kẻ ngu không hiểu rõ ý này gọi là chạu là chuông. Mắt đã không sáng thì lý chẳng thấu đạt, dù dẫu những người có lòng tin, một mực tạo tác ở trên đây da hôi thối, mê muội đối với tánh Phật chân thật, nói càn đó là tu hành. Thật đáng buồn thay!

Nay tôi tuyên cáo với tất cả những người đồng tu, cần phải nên chính chắn cứu xét mà niệm Phật để tỏ ngộ nguồn chân. Nếu như tự mình thấy tỏ tường thì mỗi pháp mỗi pháp hiện tiền, đó gọi là thấy tánh thành Phật. Một niệm sai lầm, cách xa như trời với đất.

*

Chương 2

PHÂN BIỆT RÕ THÂN TÂM CHÂN VỌNG

Nói về thân thì có Pháp thân, có Sắc thân. Truyền Đại sĩ nói rằng: “*Trí tỏ rõ cảnh chân thật, cùng tận pháp làm thân nên gọi là Pháp thân. Thân do cha mẹ sinh ra, hư huyền không thật nên gọi là Sắc thân*”.

Nói về tâm thì có chân tâm, vọng tâm. Chân thật sáng suốt nhiệm mầu, rỗng rang linh thông, nên gọi là chân tâm. Theo cảnh sinh diệt, chợt có chợt không nên gọi là vọng tâm. Tổ sư khuyên tu Niệm Phật Tam-muội, ở trong chân tâm của chính mình lưu xuất một câu A-di-đà, mỗi niệm mỗi niệm quán chiếu, mỗi pháp mỗi pháp dung thông, như thế gọi là: *“Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, ở trong một niệm thành tựu Phổ Hiện Sắc Thân Tam-muội”*.

Thời nay, có một hạng người chẳng biết chân vọng, nhận lầm sắc thân là ta, lấy vọng niệm làm cứu cánh. Phần nhiều là hít thở xoa bóp, làm dáng làm vẻ mà hy vọng thành đạo, không phải là sai lầm lắm sao! Thật đáng gọi là: bỏ vàng ròng, lượm ngói gạch.

Nói chung, người học đạo cần phải phân biệt rõ thật giả, cho nên, trong Tông Cảnh Lục nói: “Tu đạo lấy tâm làm tông, cần phải xét nét chính chắn đạo lý cứu cánh. Từ mặt hữu tình giới, chân vọng dường như phân chia, không thể cho là đồng nhau. Có người lạm dụng Viên giác, vàng và khoáng đều đốt thì mới phân biệt thật giả, cát và gạo đều nấu thì sống chín khác nhau. Tam thừa mộ đạo, cái thấy có khác, lầm nhận vọng tâm làm chân thật. Ví như nhận giặc làm con, bị cướp hết tài sản; cho mắt cá là ly châu, làm

mê mờ mắt trí tuệ. Bèn khiến cho những kẻ ngu si rơi vào trùng quan khó thoát; những người tà hiểm chìm đắm trong dòng sông kiến chấp, đùa giỡn trong căn nhà cũ mục rục lửa, quên khổ đau quên mỗi mạt; nằm mộng lớn trong đêm dài mà chẳng biết lúc tỉnh. Mê tâm mê tánh đều do chấp vào suy nghĩ phan duyên làm tâm mình, bỏ quên chân tâm mà dính mắc vào nơi thính sắc. Đó là lỗi lầm của phàm phu và ngoại đạo.

Hoặc có những người học giáo pháp, học Thiền tông, chấp vào phương tiện của Phật, như mắc vào lưới không thể thoát ra được. Năm thừa¹⁴² đối với Bốn cơ¹⁴³, vượt qua một niệm hiện giờ mà chạy xa ba

¹⁴² **Năm thừa:**

1. Nhân thừa: tức lợi ích thiết thực ngay trong đời này và cả đời sau.
2. Thiên thừa: tức giáo pháp dạy chúng ta tu để được sinh về cõi trời.
3. Thanh văn thừa, 4. Duyên giác thừa: hai giáo pháp này đều dạy chúng ta tu để giải thoát sanh tử.
5. Bồ tát thừa: tức giáo pháp dạy chúng ta tu vừa lợi mình vừa lợi người, cuối cùng đều đi đến giác ngộ giải thoát.

¹⁴³ **Bốn cơ:** bốn căn cơ.

1. Cơ Trời, Người: không làm các điều ác, thực hành các việc lành.
2. Cơ Nhị thừa: chán ghét sinh tử, ưa cầu Niết-bàn
3. Cơ Bồ-tát: trước làm lợi ích mọi người, từ bi nhân ái.
4. Cơ Phật: đối với tất cả các pháp quán xét lý Trung đạo thật tướng, chấm dứt mọi mê lầm, vượt khỏi sinh tử.

Thích Minh Thành dịch

A-tăng-kỳ, luống công nhọc nhằn trong Đại kiếp¹⁴⁴.
Rời Bảo sở ngưng trệ mãi nơi Hóa thành, mệt mỏi
trên con đường dài xa. Đó là lỗi lầm mê muội đi theo
vọng tâm, không thấu suốt chân tâm.

Bài Phú về tâm của Thiền sư Vĩnh Minh nói:

Tánh chẳng tạo tác, Lý thật dung thông.

Người thấu rõ, ngay nơi động mà tĩnh

Kẻ mê muội cho Tây là Đông

Mặt biển cạn non dời, cũng chưa phải sức lực vô

vi.

Dẫu đi mây đạp nước, đều là thân thông hữu lậu.

Phân biệt ngọc, cần phải rõ chân

Tìm kiếm châu, nước nên lóng lặng

Nếu hướng ngoại cảnh để tìm tâm,

Nào biết hoa đốm là do mắt nhắm

Thuận Pháp giới tánh, hợp chân như tâm.

Như thế thì nhanh chóng vào biển đại từ bi của
Như Lai. So với những kẻ dính mắc hình tướng và tu
hành trên đây da hôi thối này, lẽ nào có thể cùng bàn
luận được?

¹⁴⁴ **Đại kiếp:** vốn là đơn vị thời gian rất dài của Bà-la-môn giáo ở Ấn Độ đời xưa. Về sau, Phật giáo dùng theo và coi đó là thời gian không thể tính toán được bằng năm tháng.

Chương 3

BIỆN MINH TAM BẢO

Trong giáo lý nói:

*Các đức Phật mười phương
Những kinh điển viên mãn
Tăng Đại thừa Bồ-tát*

Công đức khó nghĩ bàn!

Tam Bảo có ba loại:

1. Đồng Thể Tam Bảo: nghĩa là lý chân như tự tánh bản giác, gọi là Phật bảo; đức dụng khuôn phép tự tánh chân chánh, gọi là pháp bảo; hòa hợp không tranh cãi, tự tánh thanh tịnh, gọi là tăng bảo.

2. Xuất Thế Gian Tam Bảo: nghĩa là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân, tùy loại ứng hiện đó là Phật bảo; giáo nghĩa Lục độ, Tứ đế, Duyên sinh đó là pháp bảo; Bồ-tát Thập địa¹⁴⁵, Tứ hướng¹⁴⁶, Ngũ quả¹⁴⁷ gọi là tăng bảo.

¹⁴⁵ **Thập địa**: mười giai vị Bồ-tát được nói trong kinh *Hoa Nghiêm*: 1. Hoan hỷ địa: giai vị mới lên bậc Thánh, liền sinh tâm hoan hỷ; 2. Ly cấu địa: giai vị lìa bỏ tâm sai lầm, phá giới, phiền não cấu; 3. Minh địa: Giai vị nhờ Thiền định mà được ánh sáng trí tuệ, tu Tam huệ văn, tư, tu khiến cho chân lý dần sáng tỏ; 4. Diệm địa: giai vị đã lìa bỏ kiến giải phân biệt của

ba địa trước, dùng lửa trí tuệ thiêu đốt củi phiền não, nhờ đó mà giác ngộ được bản thể trí tuệ; 5. Nan thắng địa: giai vị đã được chánh trí nên khó có thể siêu xuất được nữa; 6. Hiện tiền địa: giai vị nghe Bát-nhã Ba-la-mật, hiện tiền sinh khởi đại trí; 7. Viển hành địa: giai vị tu hạnh Vô tướng, tâm tác dụng xa lìa thế gian. Giai vị này tròn không còn Bồ-đề để cầu, dưới không cầu chúng sinh để cứu độ, do đó mà chìm đắm trong lý Vô tướng tịch diệt, có cái lo không thể tu hành. Đây gọi là nạn Thất địa trầm không; 8. Bất động địa: giai vị không ngừng sinh khởi trí tuệ Vô tướng tuyệt đối không bị phiền não làm lay động; 9. Thiện huệ địa: Bồ-tát dùng năng lực vô ngại để thuyết pháp, hoàn thành hạnh lợi tha, là giai vị mà tác dụng trí huệ được tự tại; 10. Pháp vân địa: giai vị được đại Pháp thân, có năng lực tự tại.

¹⁴⁶ **Tứ hương:** Hương nghĩa là đang tiến lên hưởng tới quả vị, gồm: Tu-đà-hoàn hương, Tư-đà-hàm hương, A-na-hàm hương và A-la-hán hương.

¹⁴⁷ **Ngũ quả** (P: Pañca phalàni): năm quả vị. Chỉ cho 4 quả hữu vi do 6 nhân sinh ra và 1 quả vô vi nhờ đạo lực mà chứng được. Đó là:

1. Quả Đẳng lưu (P: Niwyandaphala): cũng gọi quả Y, quả Tập.
2. Quả Dị thực (P: Vipàka-phala): cũng gọi quả Báo.
3. Quả Ly hệ (P: Saôyoga-phala): cũng gọi quả Giải thoát.
4. Quả Sĩ dụng (P: Puruwakàraphala): cũng gọi quả Sĩ phu, quả Công dụng.
5. Quả Tăng thượng (P: Adhipatiphala).

Trong 5 quả trên, quả Ly hệ thuộc về quả vô vi, 4 quả còn lại thuộc quả hữu vi.

Theo luận *Câu-xá*, trong 4 quả hữu vi thì quả Đẳng lưu là từ 2 nhân Đồng loại và Biến hành trong 6 nhân mà ra, quả Dị thực thì từ nhân Dị thực mà ra, quả Sĩ dụng từ 2 nhân Câu hữu và Tướng ứng mà ra, quả Tăng thượng thì từ nhân Năng tác mà ra, còn quả Ly hệ thì không do 6 nhân sinh ra, chỉ nhờ đạo lực mà chứng được Trạch diệt vô vi.

Nhưng luận *Thành Duy Thức* thì cho rằng 5 quả là do 10 nhân và 4 duyên sinh ra. Trong đó, quả Dị thực là do nhân dất dẫn, nhân sinh khởi,

3. Thế Gian Trụ Trì Tam Bảo: nghĩa là tranh vẽ, hình tượng Phật, gọi là Phật bảo; kinh sách giáo lý, gọi là pháp bảo; những người cạo tóc, mặc áo nhuộm, gọi là tăng bảo.

Người trở về nương tựa Tam Bảo thì chư Thiên hộ trì; người cúng dường Tam Bảo, được phước điền vô lượng.

Nay có những kẻ tà ngu không hiểu, ngụy soạn kinh *Chân Tông Diệu Nghĩa*, nói càn: tinh là Phật bảo, khí là pháp bảo, thần là tăng bảo. Lăn lượt truyền trao học tập, đến nỗi khiến cho những người lành tin theo tà thuyết này chẳng còn tôn kính Tam Bảo. Thật đáng thương xót!

Nếu như không tôn kính Thế Gian Tam Bảo ắt tự mê muội tâm mình, đã tự mê muội tâm mình thì quên mất bản tánh, làm sao đạt được Đồng Thể và Xuất Thế Tam Bảo? Tự dối gạt mình còn có thể, lại

nhân định dị, nhân đồng sự và nhân không trái nhau sinh ra; quả Đẳng lưu thì từ nhân dẫn dắt, nhân sinh khởi, nhân nhiếp thọ, nhân dẫn phát, nhân định dị, nhân đồng sự và nhân không trái nhau sinh ra; quả Ly hệ thì từ các nhân: Nhiếp thọ, dẫn phát, định dị, đồng sự và không trái nhau sinh ra; riêng quả Tăng thượng thì do cả 10 nhân sinh ra, còn quả Sĩ dụng thì hoặc từ các nhân: Quan đãi, nhiếp thọ, đồng sự, không trái nhau sinh ra hoặc do các nhân: Quan đãi, dắt dẫn, sinh khởi, nhiếp thọ, dẫn phát, định dị, đồng sự và không trái nhau sinh ra.

đi dối gạt người khác, đó gọi là: làm lầm lạc con đường chân chánh của Người và Trời, làm mù tối đôi mắt của nhân thiên, mê muội đối với giáo lý nhân quả chân thật, khiến lu mờ nếp tinh thuần Định Tuệ. Sự tai hại lỗi lầm không gì hơn điều này!

Đức Phật nói: *“Tất cả chúng sinh nếu không trở về nương tựa Tam Bảo thì muôn kiếp rơi vào đường ác”*. Huống chi, ngài Từ Chiếu biên tập từ nơi kinh điển soạn thành sám nghi, khiến cho người học y theo nghĩa lý vi diệu sâu xa trong kinh điển Đại thừa. Từ thân này cho đến lúc thành Phật, vì chúng sinh trong pháp giới trở về nương tựa Phật thường trụ, trở về nương tựa pháp thường trụ, trở về nương tựa tăng thường trụ. Người tốt có lòng tin chân chánh đã được nghe, nghe rồi đọc tụng lễ bái, cố nhiên tự tôn kính, tự tin tưởng. Ngay nơi tâm kính tin này, bắt đầu có thể gần gũi nơi Phật đạo.

Nếu thấy tất cả tượng Phật nên khởi ý tưởng là Như Lai, thấy tất cả kinh giáo nên sinh ý tưởng khó gặp gỡ, thấy tất cả Tỷ-kheo nên khởi ý tưởng là Tổ sư. Phải nên lễ bái cúng dường không được xem thường, dùng sự trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm mình, như thế thì Nhất thể Tam bảo duy tâm đầy đủ.

Nếu như chấp vào cái thấy thấp kém, chẳng rõ cội gốc, vọng tin theo tà giáo, làm nghi ngờ lầm lạc người sau, tất tự chuốc lấy trầm luân chìm mãi trong nẻo ác. Đó là lỗi của ai?

*

Chương 4

BIỆN BIỆT THẤY NGHE HIỂU BIẾT

Bậc Cao đức ngày xưa nói: “Ở nơi thai gọi là thân, ở nơi đời gọi là người, ở nơi mắt gọi là thấy, ở nơi tai gọi là nghe, ở nơi mũi thì ngửi mùi, ở nơi lưỡi thì bàn luận, ở nơi tay thì nắm bắt, ở nơi chân thì đi chạy. Hiện khắp cả bao trùm pháp giới, thấu nhiếp lại ở một vi trần. Người tỏ rõ thì biết là Phật tánh, kẻ không hiểu gọi là linh hồn”.

Gần đây, có một hạng người ngu không biết nghĩa lý của Phật, ngằm ở trong giáo pháp của ta chuyên lấy việc truyền thọ làm tông, nói càn nơi sáu căn thấy tánh, chỉ tứ đại sắc thân là thể Phật, tự lập 36 quan, 72 tín, ghép vào những việc quái dị, lừa dối làm mê hoặc người lành. Nói càn rằng: thịt bên này máy động thì ai đó sẽ đến, chỗ bên kia đau đớn thì

việc gì đó đã xảy ra, nói rằng biết trước kiết hung, họa phước. Người ngu nghe được cho là Phật pháp linh cảm, hết lòng tin tưởng, bố thí cúng dường, truyền bá lời nói tà mị này, ghi nhớ trong lòng chưa từng tạm bỏ.

Đâu biết rằng, tánh Phật chân thật thanh tịnh lặng yên, vì có thân hư vọng nên có vọng thức, che lấp bản tánh, chẳng thấy ánh sáng trí tuệ. Một niệm tâm rỗng không gọi là ngộ đạo, kinh *Lãng-nghiêm* nói: “*Thấy biết mà lập thấy biết là cội gốc vô minh; thấy biết mà không lập thấy biết, đó là Niết-bàn*”. Vì thế, Tổ sư lập giáo chỉ lấy Niệm Phật Tam-muội làm chánh tông, chưa từng có mảy may pháp thật để ràng buộc người. Đâu ngờ, kẻ thế tục ngu mê chẳng rõ tông chỉ, bỏ trung hiếu không thực hành, trái nhân nghĩa không tu tập, giả danh Liên tông, thực hành những pháp khác biệt, tham cầu âm thầm cảm ứng, lấy việc kỳ quái để mê hoặc người. Thế nên, tạo thành những việc tà ma yêu mị, dựa vào thân người nhiều loạn chánh tín, do đó đều bị ma nhiếp phục. Thật đáng buồn thay!

Người tu Tịnh nghiệp nên khéo léo suy xét chánh tà, lấy việc cứu xét tâm tánh làm bốn phận, phân biệt xác đáng, tin tưởng thành thật, nhớ Phật

niệm Phật, nguyện sinh về Tịnh độ, cẩn thận chớ mong cầu điều gì khác. Thiền sư Vĩnh Minh nói:

*Chớ chọn lá cành nên tìm cội gốc,
Bỗng nhiên vô minh chợt tan,
Lặng lẽ tình trần tự dứt.*

Như thế, thật đáng gọi là:

*Thẳng tận đầu nguồn tìm dấu Phật
Chọn lá tìm cành ta chẳng kham.*

*

Chương 5

PHÁ TRỪ VỌNG THUYẾT HỌA PHƯỚC

Chánh pháp của Phật Tổ lấy bản tánh Di-đà làm thể, lấy Tín, Nguyện niệm Phật làm tông, lấy việc tự mình tu hành và giáo hóa mọi người làm dụng. Đó chính là lời nói khôn phép của Phật Tổ, làm mẫu mực cho người sau.

Thường bảo rằng âm thanh là Phật sự, đốt đèn là đạo tràng, việc ấy vốn chỉ là pháp môn phương tiện để đưa Quyền trở về Thật. Gần đây, người học mê mờ bỏ mất tông chỉ, tham chấp sự tướng, chẳng

tuân theo giáo lý, hướng ngoại làm càn, mất tâm không sáng, cạnh tranh nhau xưng làm sư trưởng. Đây thật là việc tệ hại trong pháp môn, hoặc tìm quý khiếu giống như đồng bóng, hoặc xưng là Di-lặc hạ sinh, hoặc nói chư Thiên dựa xác, hoặc trên ánh sáng của ngọn đuốc thấy thần thấy quỷ, hoặc ở trên khói hương đoán kiết đoán hung, làm mịt mờ ba ánh sáng, lừa dối Thánh Hiền, lường gạt xóm làng, mong cầu lợi dưỡng. Đến khi hỏi họ về hạnh nguyện chân thật thì ngậm miệng không lời, chẳng rõ cội gốc bản tánh Di-đà, cuồng loạn cả đời đều là đối trá, đã tự làm mê lầm chính mình lại còn làm mê người khác. Thật đáng buồn thay! Thế nên, kinh *Lăng-nghiêm* nói: “*Này thiện nam tử! Do ứng theo tâm ái, khi ấy thiên ma được tiện lợi, phi tinh dựa vào người, miệng nói kinh pháp, bới móc lỗi người, không sợ lời chê bai, ưa nói trước việc họa phúc, đến lúc xảy ra không sai tơ hào. Những người ngu mê lầm cho là Bồ-tát, gần gũi cúng dường. Những người này phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục, đó gọi là tinh mị đã sống lâu nhiều kiếp. Quỷ thần có sức mạnh lớn lâu năm thành ma, nã loạn người này. Người ấy chẳng biết ma dựa lại cho rằng chứng Thánh, đến khi loài ma kia sinh tâm chán nản, bỏ thân thể họ đi, bấy giờ thầy và đệ tử đều bị luật pháp trừng trị. Ông nên cảnh giác*

trước để khỏi đọa vào luân hồi, mê hoặc không biết gì thì rơi vào địa ngục Vô gián”.

Than ôi! Những người tốt mới phát tâm chẳng phân biệt thật giả, tin theo tà thuyết kia, chẳng lo gìn tâm tích đức, vọng tưởng cầu phước mà bị họ làm lầm lẫn. Tôi nghe rằng: “*Gia đình tích lũy điều lành ắt có dư niềm vui, gia đình tích lũy điều ác thì có thừa tai họa*”. Thế nên, kiết hung họa phước do nơi lòng người, sao có thể xu nịnh để mong cầu giàu sang, cầu thả tránh bữa tai họa? Thiền sư Vĩnh Minh nói:

Ác từ tâm khởi, tợ sắt rỉ tự hủy hoại mình.

Thiện từ tâm sinh, như châu phát sáng mà soi lại châu thể.

Do đó, tôi khuyên những người lành khởi tâm làm việc phải nên chọn đạo thực hành, chọn lễ để theo, chọn bạn giao du, chọn nơi mà ở, chọn thầy tôn thờ, thận trọng giữ tâm, nơm nớp gìn tiết tháo, niệm niệm không mê mờ, chẳng sơ thất đối với lẽ tự nhiên để thực hành giáo pháp Tây Phương, còn những việc xem đuốc bàn họa phước chớ nên tham dự!

*

Chương 6

BIỆN MINH VỀ CHẤP KHÔNG

Nói không là để phá trừ sự chấp trước vào những cái có. Bạc Đại Giác Thế Tôn khai thị chánh pháp, muốn khiến cho tất cả mọi người biết rõ vạn pháp trong thế gian đều rỗng không, tự tỏ ngộ Chân không của bản tánh.

Chân không là pháp giới của Như Lai, là bản tâm của chúng sinh. Không mà chẳng không, có mà chẳng có. Người ngộ được chỗ này, ở trong chỗ chẳng có mà vận dụng kho báu của nhà mình. Nếu dò xét thì vô cùng, sử dụng thì vô tận, gọi đó là đạo vi diệu Nhất thừa, chớ chẳng phải là không ngộ.

Nay, có một hạng người ngu khăng khăng nói không, bác không nhân quả. Mỗi bước thực hành đều ở nơi có, nhưng trên môi nói toàn là không. Lại bảo, uống rượu ăn thịt chẳng ngại Bồ-đề; trộm cắp, hành dâm không chướng Bát-nhã. Dọc ngang phóng túng, rong ruổi điên cuồng, chê bai Phật, hủy báng kinh, xem thường tất cả, bữa bãi không còn phép tắc. Lấy đó cho là tông thừa, khinh lờn Thánh Hiền, tự xưng đắc đạo. Những người như thế đâu đâu cũng thấy, đó

là điều mà ngài Huyền Giác gọi là:

*Đắm ngoạn không, bác nhân quả
Mờ mịt rồi ren chuốc ương họa.*

Kinh Lăng-nghiêm nói: “Nếu tâm dính mắc vào không thì có ma Đại Lực Không nhập vào tâm. Người ấy không biết đó là do ma dựa, miệng nói kinh pháp mà ngấm ngấm thực hành tham dục, hủy báng kinh điển hình tượng, làm mê lầm rối loạn mọi người, khiến ai nấy đều bị rơi vào đường tà. Khi loài ma sinh tâm chán nản thì bỏ thân thể người ấy, bấy giờ thầy và đệ tử đều bị luật pháp trừng trị. Lúc mạng chung, làm quyến thuộc của ma, khi nghiệp ma hết, đọa vào địa ngục Vô gián”.

Than ôi! Cách Phật đã xa, diệu pháp không còn, dị đoan sinh khởi, trái ngược đại nghĩa, không vướng vào có thì mắc nơi không. Vướng vào có thì chấp danh tướng, dính hữu vi, bám chặt vật ngã, câu nệ kẻ oán người thân, bó buộc nơi giáo lý cạn cợt, đánh mất nghĩa cao sâu; mắc vào không thì mê muội nhân quả, lẫn lộn thiện ác, dứt bỏ giới luật, trái ngược lễ nghĩa. Bởi vì chẳng rõ Trung đạo mới là điều thiện tốt cùng.

Có người hỏi rằng:

- Sao gọi là Trung đạo?

Đáp:

- Có cũng chẳng vướng, không cũng chẳng không. Không chẳng rời có, có chẳng rời không, oán thân bình đẳng, vật ngã ngang bằng, nhân quả rõ ràng, thiện ác minh bạch, giới luật được ứng dụng, lễ nghĩa được thực hành, thấu suốt giáo lý cạn cợt, tận cùng nghĩa lý cao sâu.

Trung đạo rộng lớn thay! Là tên gọi khiến vạn vật nhiệm mầu, là danh từ xứng hợp với bản tánh. Nếu thấu suốt lý này thì không rơi vào chỗ thiên lệch. Như thế, gọi là được Chánh định Niệm Phật.

*

Chương 7

BIỆN MINH TƯỚNG HỢP NHẤT

Kinh Kim Cang nói: “Như Lai nói tướng hợp nhất tức chẳng phải tướng hợp nhất, đó gọi là tướng hợp nhất”.

Bởi người đời mê mờ tánh nhất chân, chạy theo trần cảnh, tức chẳng phải tướng hợp nhất. Người trí

thấy rõ chân tâm chính mình, dứt bỏ trần lao, trở về tánh giác. Một tâm niệm giác cùng với pháp giới Chân không của mười phương chư Phật hợp nhau, đó tức là nghĩa lý tướng hợp nhất. Thiền sư Huyền Giác nói: *“Tánh ta cùng hợp với Như Lai”*. Phàm phu không rõ lý này, tham chấp sự tướng, tự mình vọng chấp chặt tình tâm ý thức cùng hợp với sơn hà đại địa, tường vách ngói gạch, mê mờ đối với Chân không lý tánh, như thế là sai lầm. Lục Tổ nói: *“Tâm thấy được điều gì thì chẳng phải là tướng hợp nhất, tâm thấy không có được gì cả tức là tướng hợp nhất”*, chính là nói về lý này.

Nay, có những người ngu chẳng hiểu rõ Phật pháp, ở trong giáo pháp của ta nói càn: *“Vợ chồng là tướng hợp nhất”*, thật là quá sai lầm! Bởi lẽ, tình cảm vừa sinh, trí tuệ bị ngăn cách; tư tưởng vừa biến hiện, bản thể đã sai khác, bị nghiệp chướng làm lụy, ương họa sâu dày, trái ngược nhân, mê muội quả, hiểu sai lầm Thánh điển, hủy báng làm ô nhục giáo môn. Tịnh nghiệp chánh tông đâu dung thuyết ấy! Người chân thật tu hành cần phải giữ vững lòng tin chân chánh, chuyên niệm Phật A-di-đà, ở trong một niệm chẳng vướng vào tướng, nội tâm ngoại cảnh tỏ sáng nhất như, tự nhiên thâm phù hợp với chân lý. Cho nên, Thiền sư Phật Quả Khắc Cần dạy chúng rằng:

“Mọi người các ông chỉ trong 24 giờ, trên chẳng thấy có chư Phật, dưới chẳng thấy có chúng sinh, bên ngoài chẳng thấy có sơn hà đại địa, bên trong chẳng có sự thấy nghe hiểu biết thiện ác tốt xấu, nhồi thành một khối, mỗi mỗi nêu ra, không còn cái thấy khác”. Đó tức là nghĩa lý tương hợp nhất rõ ràng phân minh.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Nguyệt dù thành lửa, nhật thành băng
Ma nào phá được chân giáo thuyết.*

Đó chính là con đường lớn dẫn đến đạo, yếu quyết chân chánh để tỏ ngộ tông chỉ.

*

Chương 8

BIỆN MINH SONG TU

Song tu là tu phước và tu tuệ. Trong giáo lý nói: “*Tu phước không tu tuệ thì mang thân voi được trang sức anh lạc; tu tuệ không tu phước thì La-hán chẳng có đầy đủ vật cúng dường. Trang nghiêm cả hai phước và tuệ mới có thể thành tựu Chánh Giác*”. Bậc Cao đức ngày xưa nói: “*Phước*

không thể không làm, tuệ không thể không học”.

Long Thơ Tịnh Độ nói: “Người tu Tịnh độ tuy chuyên lấy niệm Phật làm sự thực hành, nhưng cũng cần phải gồm tu phước tuệ mới mong được Sự, Lý dung thông”.

Bên trong thì tu tuệ hàm dưỡng rất ráo, thấu suốt cội nguồn, khiến cho trí tuệ tăng trưởng, rộng lớn trùm khắp hư không, không việc gì mà chẳng biết, không vật gì mà chẳng chiếu soi. Bên ngoài thì tu phước, từ bi phương tiện, nhu hòa khéo tùy thuận, làm lợi ích giúp đời, thấy tất cả mọi người đều cung kính như nhau, tùy căn cơ thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, làm tất cả việc lành. Đó là phước tuệ song tu.

Nay, có một hạng người ngu, thường thực hành giáo lý khác lạ, đối xứng là đệ tử của Liên tông. Họ chỉ dạy song tu sai trái, âm thầm làm việc dâm dục, tạo nghiệp địa ngục, làm cho người tốt bị mê lầm, chìm đắm trong dục lạc, cam chịu rơi vào vực sâu hiểm ác. Như thế, thật quá sai lầm! Chúng đích thực là loài hồ mị yêu tinh, nào khác gì súc sinh! Kinh *Lãng-nghiêm* nói: “*Nếu các chúng sinh không có tâm dâm thì không theo dòng sinh tử. Ông tu chánh định vốn muốn ra khỏi trần lao mà không trừ bỏ tâm dâm thì*

trần lao không thể ra khỏi. Dù có nhiều trí tuệ nhưng tất phải rơi vào đường ma, thượng phẩm thì làm ma vương, trung phẩm làm ma dân, hạ phẩm làm ma nữ.

Các người tu hành, trước phải đoạn dứt tâm dâm. Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định bậc nhất của Thế Tôn và chư Phật thuở trước. Nếu không đoạn dứt dâm dục mà tu về Bồ-đề, cũng như nấu cát muốn thành cơm, dầu trải qua trăm ngàn kiếp rốt cuộc vẫn chẳng được gọi là cơm. Ông lấy thân dâm dục để cầu quả Phật nhiệm mầu, cho dù được diệu ngộ nhưng đều là cội gốc của dâm dục. Cội gốc đã là dâm dục thì xoay vần trong ba đường, rốt cuộc không thể thoát ra được. Vậy thì Niết-bàn của Như Lai từ con đường nào tu chứng? Thế nên, phải khiến cho sự dâm dục của thân và tâm đều dứt, tánh đoạn dứt cũng không thì đối với quả Bồ-đề của Phật mới có thể mong đợi. Như những điều ta nói, đó gọi là lời Phật nói, trái lại tức là lời của ma Ba Tuần¹⁴⁸”.

Nay, khuyên Bồ-tát tại gia nên y theo giới luật tu hành, đừng phạm vào tà vạy sai quấy, tâm thanh

¹⁴⁸ **Ma Ba Tuần:** Ba Tuần Du, Ba-tỳ - Pàpiyàn, Māra Pāpimān - The evil one, the murderer who wants to kill all goodness.

Ma Ba Tuần, Trung Hoa dịch là Ác giả, là người ác; Sát giả, là kẻ giết hại pháp thân huệ mạng của người thiện, kẻ lúc nào cũng theo phá những người thực hành điều lành, tu tập chánh pháp.

tịnh ít dục, phước tuệ song tu, hồi hướng về Tây Phương. *Long Thơ Tịnh Độ* nói:

*Tu phước lại tu tuệ
Tin sâu, niệm Di-đà
Sẽ sinh Thượng Thượng phẩm
Chắc chắn chẳng còn nghi.*

Nếu không như thế thì muốn được cơm mà lại nấu cát là phí sức, gánh củi vào lửa nhất định rước họa về thân!

*

Chương 9

BIỆN MINH BA XE

Phẩm *Thí Dụ* trong kinh *Pháp Hoa* nói: “Nếu có chúng sinh từ nơi Phật nghe pháp tin nhận, ân cần tinh tấn cầu Nhất thiết trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, giống như những người con kia vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa”.

Nên biết, các người con là chỉ cho chúng sinh, nhà lửa dụ cho ba cõi, ba xe dụ cho ba thừa. Như Lai thấy chúng sinh ở trong ba cõi không thoát ra được

nên nói pháp ba thừa, dẫn dắt khiến họ thoát khỏi khổ não. Ví như các người con đùa giỡn trong nhà lửa, Trưởng giả dùng ba thứ xe để dẫn dụ họ thoát ra.

Có hạng người ngu mê giả đặt nói rằng: Văn-thù hỏi Phật, vọng bảo: tánh là xe trâu, tâm là xe dê, còn ý là xe hươu. Lại nói xe trâu chở diệu pháp, xe dê chở liên hoa, xe hươu chở kinh. Thật là thượng vị đề hồ quý hiếm trên đời, gặp bọn người này trở thành độc dược.

Kinh *Pháp Hoa* là vua của các pháp, được chư Phật hộ niệm, đâu thể bàn luận bừa bãi như thế! Chẳng ngờ tà sư hiểu lầm, lấy quấy làm phải, lấy phải làm quấy, pháp lại nói là phi pháp, phi pháp lại nói là pháp, lừa dối mọi người, hủy báng Phật pháp. Như thế, há chẳng phải là mang tội lớn ngũ nghịch hay sao? Kinh *Pháp Hoa* nói: *“Nếu có người hủy báng kinh này, nên biết người ấy sẽ đọa địa ngục A-tỳ đầy đủ một kiếp, hết kiếp lại thọ sinh, lần lượt như thế cho đến vô số kiếp. Từ địa ngục ra sẽ rơi vào loài súc sinh, do hủy báng kinh này nên mắc tội như thế”*.

Xét kỹ những điều này thật đáng xót xa. Vì thế mà tôi dám dùng lời chân thật tuyên cáo thống thiết với các đạo hữu. Nay ở trong tâm của chính mình mà khai thị ngộ nhập Tri kiến Phật thì tâm này thanh tịnh

như hoa sen nở, đó gọi là Pháp Hoa Tam-muội. Người tỏ ngộ lý này tức là ngồi xe trâu trắng ra khỏi nhà lửa Tam giới. Đâu không thấy Thiền sư Pháp Đạt tham kiến Lục Tổ trình kệ:

*Tụng kinh ba ngàn bộ
Tào Khê một câu quên
Chưa rõ ý xuất thế
Nào dứt sự điên cuồng.
Dê, hươu, trâu tam đặt
Đầu, giữa, sau khéo bày
Ai biết trong nhà lửa,
Nguyên là bậc Pháp vương.*

Lúc ấy, Lục Tổ bèn nói kệ để chứng minh:

*Tâm mê Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa
Tụng lâu không thấu suốt
Nơi nghĩa thành oán thù.
Vô niệm, niệm là chánh
Hữu niệm, niệm thành tà
Nếu hiểu được như thế
Ngồi mãi Bạch ngư xa.*

Nếu như người mê muội chấp chặt không phản tỉnh tất tự chuốc lấy trầm luân. Tôi cũng chẳng biết làm thế nào nữa!

Chương 10

BIỆN MINH BA QUAN ẨM

Ba quan ẨM là lời dạy chúng của Thiền sư Đâu-suất Duyệt:

Nhọc nhìn tìm cầu thiện tri thức chỉ mong thấy tánh. Hiện nay, bản tánh của Thượng tọa ở đâu?

Rõ được bản tánh phải thoát sinh tử. Lúc sinh tử đến làm sao thoát được?

Thoát được sinh tử phải biết chỗ đi. Khi tứ đại phân ly thì đi đâu?

Thế nên, người thấu suốt ba quan ẨM, chẳng còn bị ràng buộc bởi sinh tử, người tỏ rõ đạo lý này ắt không trở ngại việc đến đi. Do vậy, những tông lâm trong thiên hạ, các bậc Đại sư Tôn túc đều xét thấu cội nguồn nên có thể hoàn toàn minh bạch, ý chỉ rõ ràng, quyết không có những thuyết khác lạ.

Nay, có hạng người ngu mê, vọng chỉ ba đơn điền nơi thân người là ba quan ẨM ở bên trong, dạy người vận chuyển khí huyết gọi đó là thấu qua ba quan ẨM. Lại nói rằng: từ chân đến hông, ba chỗ đau

đốn là ba quan ải ở bên ngoài, vọng lấy chỗ đó mà đoán định lúc lâm chung. Thế gian phần nhiều truyền bá tập làm theo, ai nấy đều đi vào đường tà!

Xét kỹ, giáo lý niệm Phật là pháp môn thẳng tắt, chỉ dạy người tu hành ở trong 24 giờ trì niệm một câu A-di-đà Phật, tư tưởng chuyên nhất lặng lẽ, lại có thể soi sáng mình xem cái gì là bản tánh Di-đà của ta, khi tứ đại phân ly sẽ đi về đâu? Thường có mối nghi ngờ này thì một hôm bỗng nhiên rõ được, liền biết chỗ tột cùng. Ngay đó tức là con đường chân chánh tu hành, tỉnh lực trực tiếp. Ngoài chỗ này ra, vừa có dính dáng đến mảy may dị thuyết thì liền rơi vào rừng rậm tà kiến.

Than ôi! Kẻ ngu mê trái chân theo vọng, thật đáng thương xót! Nếu như tin được điều này, cắt đứt dây mơ rễ má ắt mở sáng con mắt, thấu suốt đất trời, nhìn thấu tâm tưởng là vọng.

*

Chương 11

BIỆN MINH ĐẠI THỪA, TIỂU THỪA

Bậc Đại Pháp vương kiến lập sự giáo hóa, thâm nhiếp mọi căn cơ. Mỗi mỗi giáo pháp được lập ra đều có tác dụng: luật Tiểu thừa giống như quyền hạn của lễ bộ hình bộ; Đại thừa giống như đảm trách việc cầm cân nảy mực để được quân bình; làm những việc phước giống như vị quan trông coi việc vận chuyển lương thực; soạn thuật giống như người nắm giữ lời nói của nhà vua; trăm quan lại trong quốc gia đều thực hành đầu vào đây, giống như các tông phái trong Phật giáo cùng nhau truyền bá. Nếu hiểu rõ ý nghĩa này, đâu còn chấp vào dị đoan. Cần phải lường xét tài năng của mình, tùy sức truyền bá rộng rãi. Gặp thời làm lành cứu giúp mọi người, lúc khốn cùng chuyên lo tu tập. Tuy ai nấy truyền bá tông phong nhưng đều phát xuất từ lòng từ bi tế độ, đồng trở về biển cả hòa hợp, chung nhau ngồi trên giường giải thoát. Nếu như thế tức là kim chỉ nam trên đường mê, là bậc tuyên dương chánh pháp trong giáo môn.

Biết làm thế nào! Nguồn xa dòng khác nên đại đạo lu mờ. Người thích màu đỏ thì ghét màu tím, kẻ

ưa ngọt lại ghét đắng, chưa thấu suốt chỗ viên dung, ai nấy đều ở nơi chỗ y cứ của mình mà lưỡng xét. Đâu biết chúng sinh và Phật vốn đồng nhất, bản tánh phàm Thánh bình đẳng, nhưng họ không thể trở về tự tánh bởi do mê muội đối với thân tâm, bị ràng buộc trong sinh tử.

Thế nên biết, sự xấu ác và lỗi lầm của thân nếu không có giới luật không thể kiểm xét; sự hôn trầm và tán loạn nơi tâm, nếu không có thiền định và trí tuệ thì chẳng thể tiêu trừ. Kiểm xét lỗi lầm xấu ác của thân, tiêu trừ hôn trầm tán loạn nơi tâm mà vẫn còn lo đạo không sáng tỏ, chưa thể trở về tự tánh được, hướng chi chôn vùi trong đường tà ma, phải quấy lẫn nhau!

Hoặc nói rằng: tôi học Tiểu thừa nhưng họ lại chẳng biết trì giới, bố thí, lễ bái, tụng niệm là pháp Tiệm tu. Hoặc nói rằng: tôi học Thượng thừa mà họ chẳng rõ yếu chỉ Di-đà tự tánh, Tịnh độ duy tâm. Không vương vào sự tướng thì lại rơi vào không ngộ, giống như kẻ bị mù bẩm sinh, ở vùng sâu xa, ngồi một góc chẳng biết Đông, Tây, Nam, Bắc; vọng sinh phân biệt kia sai đây đúng, kia đúng đây sai. Đó gọi là người nắm chặt đầu rắn chết, sai lầm nơi đường lối tu hành, ở nơi điều xấu ác không chừa việc gì, đối với

Thích Minh Thành dịch

sự hiểu biết và thực hành lại chẳng thấy gì đáng sợ, cho đến tích tập trở thành tánh, tự hủy diệt thân mình. Lúc mới học thì ngưỡng mộ Thánh Hiền, nhưng rốt cuộc lại chìm trong xấu ác. Những kẻ như thế, thật đáng thương xót!

Thiền sư Vĩnh Minh nói:

Ví như chim sẻ, nào biết được tâm tư của thiên nga

Tựa hồ ếch ngồi đáy giếng, đâu lường nổi bể khơi rộng lớn

Hoặc theo người khác mong cầu, giống như dùi bãng tìm lửa.

Chỉ trở về chính mình mà hiểu rõ, cũng như từ sữa được tô.

Cẩn thận chớ dựng cờ ngã mạn, giăng lưới tà kiến.

Khinh lờn bậc Tiên giác, làm mê hoặc người sau.

Lời nói ấy thật chí lý, tỏ sáng tự vằng nhật giữa trời trong. Rộng lớn thay Phật Tổ uy linh! Người thực hành giáo pháp đâu không lo sợ, chỉ cần tin niệm A-di-đà thì có thể tránh khỏi lỗi lầm ấy.

Chương 12

BIỆN MINH KHÔNG SINH KHÔNG DIỆT

Bát-nhã Tâm Kinh nói: “*Tướng không của các pháp không sinh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt. Cho nên, ở trong tánh không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức...*”.

Kinh *Duy-ma* còn nói: “*Các pháp bất thiện không sinh, pháp thiện không diệt*”.

Nên biết, sắc tướng có đến có đi, Phật tánh không sinh không diệt. Nay, có những người ngu mê vọng cho rằng: không sinh con nối dòng đó là chẳng sinh, không đoạn dứt tâm dục đó là chẳng diệt. Họ quý nhiều thế gian bằng những lời quái dị, mê hoặc mọi người bằng việc yêu ma, thâm tà dâm với nhau làm việc bất tịnh, đoạn dứt chủng tánh Phật, rối loạn luân thường. Vì thế, kinh *Lăng-nghiêm* nói: “*Thiện nam tử! Tâm ái dục cùng cực thì phát cuồng. Tham dục mạnh mẽ thì có ma dục nhập vào tâm, một mực nói dục là đạo Bồ-đề, dạy mọi người cư sĩ hành dâm không phân biệt, làm cho chúng sinh nghi ngờ lầm lạc, đọa vào địa ngục Vô gián*”. Bởi vì ngu mê chẳng biết phân biệt tịnh uế, bất giác gặp ma nên mới sinh ra nỗi khổ này. Xét khi trời đất vừa phân chia, có âm

dương thì có nam nữ, có nam nữ thì có vợ chồng, có vợ chồng thì có cha con, có cha con thì có vua tôi, có vua tôi thì có đạo Tam tạng Ngũ thường¹⁴⁹. Tam tạng là bao quát nhân luân đạo đức, Ngũ thường làm chân chánh sự giáo hóa. Đó là pháp kiến lập thế gian của Thánh nhân.

Tổ Huệ Viễn có nói: “Người tại gia xem trọng thân thể, chăm lo cuộc sống, chưa quên chấp ngã, lấy tình dục làm vườn tược, lấy tình sắc làm chỗ dạo chơi, say đắm niềm vui ở thế gian không thể thoát ra được. Đức Phật giáo hóa họ trở về cội gốc để tìm câu tông chỉ, ở tại nhà mà thực hành giáo pháp. Đó tức là người dân thuận theo sự giáo hóa, chẳng bỏ sót lễ nghĩa, phụng thờ song thân, tôn kính vua chúa. Vì thế, trước dẫn dắt bằng năm giới; không giết hại giữ gìn nhân, không trộm cắp giữ gìn nghĩa, không tà dâm giữ

¹⁴⁹ **Tam tạng Ngũ thường:** Tam tạng hay Tam cương là ba giếng hay ba mối, gồm: Quân thần tạng, Phụ tử tạng, Phu thê tạng.

1. Quân thần tạng: giếng mối vua tôi.

2. Phụ tử tạng: giếng mối cha con.

3. Phu thê tạng: giếng mối chồng vợ.

Ngũ thường là 5 hằng, gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

1. Nhân: lòng thương người mến vật.

2. Nghĩa: cư xử theo lẽ phải (đạo lý).

3. Lễ: phép tắc tốt đẹp trong xử thế.

4. Trí: năng lực hiểu biết.

5. Tín: tin tưởng.

gìn lễ, không nói dối giữ gìn tín, không uống rượu giữ gìn trí. Thân tâm đã vâng theo giới luật, sau đó mới dạy giáo pháp xuất thế, bảo tu Niệm Phật Tam-muội, lấy đó làm đường về Tây Phương, đạt đến đạo chẳng sinh chẳng diệt”. Do đó, vương thần ngoại hộ, giáo pháp lưu bố khắp cả thiên hạ, ngàn năm cũng như một ngày. Tại sao hiện nay, kẻ tiểu nhân và bậc quân tử lẫn lộn, đậu lúa cùng chung thửa ruộng? Thật không dễ dàng phân biệt!

Vì thế, nay tôi dám đem lòng chân thành khuyên bảo khắp tất cả những người có lòng tin. Ngoài việc nhất tâm không loạn chuyên niệm Phật Di-đà ra, hễ có hình tướng đều là sự hiểu biết tà vạy. Cần phải chính chắn chân thật tu hành, thiện thì theo, ác thì tránh; tà thì dẹp trừ, chánh thì vâng giữ. Còn như việc lập thân hành đạo và ý chỉ dừng tâm thấu suốt cội nguồn, phần trước đã trình bày đầy đủ. Nếu rõ được thì khuôn phép cũng đã nhiều rồi, tuân theo thực hành những điều này tức là quyến thuộc của pháp môn, làm trái ngược tức là đồng bọn với ma; khi sống bị sa vào vương pháp, lúc chết đọa xuống A-tỳ, tai họa đến nhiều đời, đừng bảo là tôi không nói trước. Tại sao? Vì: *“Nếu muốn không vương nghiệp Vô gián, đừng phỉ báng chánh pháp Như Lai”*.

Chương 13

BIỆN MINH TÀO KHÊ LỘ

Thuở xưa, Đại sư Huyền Giác đến Tào Khê lễ bái Lục Tổ được ấn chứng tâm địa. Về sau, Ngài sáng tác *Chứng Đạo Ca*, nói rằng:

*Từ khi rõ được Tào Khê lộ
Mới hay sống chết chẳng tương quan.*

Đó là nói Thiên tông trong thiên hạ xuất phát từ nguồn Tào Khê, gọi là Tào Khê lộ. Tại sao kẻ ngu mê lại chỉ bừa thân người có cặp xương sống là song quan, cho đó là một phái Tào Khê? Lại nói càn Lục Tổ bảo rằng:

*Thà độ cư sĩ ngàn ngàn vạn
Chẳng độ cửa không nửa ông tăng.*

Những kẻ như thế không chỉ làm mê lầm người sau, mà còn vu khống cho bậc Thánh thuở trước. Đâu chẳng nghe ngài Huyền Giác nói:

*Đầu tiên Ca-diếp đèn tâm truyền
Hai tám đời Tổ sư Tây Thiên
Pháp sang Đông độ vào Trung Thổ*

*Bồ-đề-đạt-ma làm sơ Tổ
Sáu đời truyền y, thiên hạ nghe
Người sau được đạo nhiều vô số.*

Như thế, lẽ nào lại có việc chỉ độ cư sĩ mà không độ người xuất gia hay sao?

Than ôi! Bọn tà vọng không biết lai lịch, trộm danh của Tổ sư làm thành kiến giải tà ma yêu mị, khiến cho người tốt mê lầm, đúng là kẻ mù dẫn bọn đui kéo nhau vào hầm lửa!

Tôi biết đức hạnh chân thật của Tổ sư, vì thế xưng tán truyền bá. Tôi biết tội Xiển-đề bạc phước, phỉ báng tông ta, vì thế mà lo sợ. Tôi nay còn biết rất lo sợ, huống chi những kẻ phỉ báng đạo của bậc Thánh sư, lừa dối hậu học, sao lại có thể không lo sợ?

Các ông nên nhanh chóng diệt trừ tà ngụy, sửa đổi thành chân chánh. Chớ để tôi phải thêm xấu hổ!

*

Chương 14

BIỆN MINH PHẬT PHÁP ẨN DẤU

Phật pháp là đạo xuất thế, là pháp vô vi. Kinh Niết-bàn nói: *“Như Lai khai phát hiển bày thanh tịnh không khuấy lấp. Người mê không hiểu bảo là dấu kín, người trí thấu suốt thì chẳng gọi là ẩn dấu”*.

Có một hạng người ngu mê nói bừa rằng: “Pháp quan thì rõ ràng, pháp Phật thì ẩn dấu”. Ngụy soạn một loạt lời tà, đóng cửa truyền trao, gọi đó là quyển sách huyền bí về sinh tử (sinh tử áo diễn). Họ làm mê hoặc người sau, đến chết cũng không nói cho người rõ, cho nên lúc sắp lâm chung, kéo dài dây dưa. Giống như người nghèo nhặt được miếng thiết mà gọi là vàng ròng, ở trước người sáng mắt làm sao dám đưa ra? Tự không biết sai lầm mà còn khoe khoang hiểu biết, đúng là lừa dối người khác lại còn tự lừa dối mình! Đâu biết, Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, bởi tâm thể của chúng sinh vốn đồng nhất nhưng tác dụng không giống nhau, nên đức Phật mới nói ra tất cả pháp. Tổ sư cũng nói: *“Bình, mâm, nhẫn, xuyên vốn cùng một chất vàng; danh tướng bất đồng, bản thể không hai”*.

Than ôi! Thời mạt pháp phát sinh nhiều sự gian tà, thường thường bỏ mất bản thể, trao chuốt lời nói khéo léo, làm dáng làm vẻ lừa dối người đời. Một khi sự tà ngụy đã lưu hành, mọi người không thể phân biệt rõ được những điều chân thật. Huống chi, những kẻ ưa lợi nhỏ, lúc đến cửa hàng của người, chẳng chọn tốt xấu, chỉ mong đẹp rẻ, dễ dàng bị kẻ khác lấy tro trét mắt, lôi vào chỗ tối, tráo đổi món đồ. Đến khi mở mắt ra thì trong tay chỉ là đất sét. Như thế còn không nhận ra, nói gì đến việc phân biệt vàng thau thật giả! Kẻ ngu vừa nắm được, liền âm thầm che dấu, cho là vật quý báu lạ kỳ sợ người khác biết. Bỗng nhiên gặp phải người trí thức, bị họ chỉ rõ ra, chùng đó mới hay chẳng đáng một đồng tiền. Những hạng người như thế rất nhiều. Chỉ vì ngu mê, phước mỏng, mắt không sáng nên một đời nghèo khó, tâm thô tháo lỗ mãng, bởi do không được gặp bậc thầy chân chánh nên mới như thế. Đâu biết rằng, chất vàng ròng để làm nhẫn xưa nay vốn đã có. Nếu không gặp thợ giỏi nung luyện, đập nện mạnh mẽ, rèn giũa một phen, làm sao thấy được tính chất mềm dẻo của vàng lấp lánh sáng chói một khối, toàn thể đều là nguyên chất, sau đó mới tùy ý tạo ra món đồ mình muốn. Ánh sáng lấp lánh của nó chói mắt người, mãi không đổi sắc. Còn những điều khác không cần nói, đâu chẳng

Thích Minh Thành dịch

phải là báu vật quý nhất sao! Người tu có lòng tin chân chánh cần phải lưu tâm!

*

Chương 15

BIỆN MINH ÁNH SÁNG VƯỢT HƠN NHẬT NGUYỆT

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Ánh sáng của Phật A-di-đà vô cùng rộng lớn, là vua trong tất cả ánh sáng của chư Phật. Cho nên, Ngài có hiệu là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đối Quang, Phật Diễm Vương Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Phật Trí Tuệ Quang, Phật Bất Đoạn Quang, Phật Nan Tư Quang, Phật Vô Xứng Quang, Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang”.

Ánh sáng của Ngài chiếu soi khắp cả thiên hạ, tận những nơi âm u tăm tối, làm cho đều được sáng tỏ. Chư Thiên, loài người, cầm thú, các loài bò, bay, máy, cửa thấy ánh sáng này ai nấy vui mừng phát sinh lòng từ, đều được giải thoát. Thế nên, chư Phật,

Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác ở khắp mười phương cùng chung khen ngợi. Nhân đó, Ngài có tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang (đức Phật có ánh sáng vượt hơn ánh sáng của mặt trời, mặt trăng). Bởi vì mặt trời hay chiếu sáng ban ngày, mặt trăng hay tỏ rạng lúc ban đêm, tác dụng của chúng không toàn vẹn. Ánh sáng của Phật ngày đêm thường tỏa chiếu không thiếu sót, cho nên gọi là ánh sáng vượt hơn mặt trời, mặt trăng.

Nay, có một bọn người ngu mê, chỉ dạy bậy bạ cho người, khi mặt trời, mặt trăng mới mọc, dùng miệng hớp lấy ánh sáng nuốt vào bụng, muốn ánh sáng ấy trở thành vật báu. Lấy đó làm pháp môn bí mật của sự tu hành, gọi là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Như thế, thật rất sai lầm! Ví như vượn ngu buộc chặt hai tay mà leo lên cây bên bờ vực thẳm, xuống ao nước mò bắt bóng trăng, chỉ lao công phí sức, rốt cuộc chẳng được gì. Nếu là người trí quán xét thấu suốt, nên nhanh chóng rời bỏ, sớm tìm cầu chánh pháp để khỏi rơi vào bến mê, chuyên niệm Phật A-di-đà, cứu xét rõ tâm địa.

Đâu chẳng thấy Tổ sư nói: *“Những thứ từ cửa mà vào chẳng phải vật báu nhà mình. Linh quang của chính mình chiếu soi trời đất, ở nơi mỗi người vốn đã thành tựu trọn vẹn”*. Một điểm linh quang không trong

Thích Minh Thành dịch

không ngoài, hiển bày khắp nơi, sáng tỏ ngay trong sự vật. Nếu có thể ngộ chỗ này, tức là một luồng ánh sáng vượt hơn mặt trời, mặt trăng của Như Lai.

*

Chương 16

BIỆN MINH HẠT CHÂU TRONG BÚI TÓC

Kinh Pháp Hoa có nói về hạt châu trong búi tóc: “*Như vua Chuyển Luân được cõi nước pháp, làm vua trong ba cõi mà các Tiểu vương không chịu thuận theo khuất phục. Bấy giờ, vua Chuyển Luân dấy binh sang thảo phạt. Những người chiến đấu có công thì ban thưởng cho mọi thứ, riêng có một hạt châu trên đỉnh đầu của nhà vua là không ban cho. Sau cùng, nhà vua mới giao phó. Đức Như Lai cũng như vậy, thấy quân Hiền Thánh cùng ma nữ ám, ma phiến nảo, ma chết đánh nhau, diệt ba độc để ra khỏi ba cõi, phá tan lưới ma. Khi ấy, đức Như Lai rất hoan hỷ vì họ nói các pháp nhưng không nói kinh Pháp Hoa này, đến hôm nay mới nói. Cũng như vua Chuyển Luân giữ gìn hạt minh châu đã lâu, cuối cùng mới trao cho”.*

Đó là vì sau cùng Thế Tôn mới nói về pháp bảo Đại thừa, vượt lên trên các bậc Thánh, nên lấy hạt minh châu trong búi tóc của vua Chuyển Luân làm ví dụ. Hạt châu đó tức là trí tuệ viên mãn của chư Phật, chính là lý tánh của chúng sinh. Tổ ngộ chỗ đó thì nhanh chóng vượt qua ba A-tăng-kỳ kiếp, mê lầm nơi đó thì trầm luân trong sáu nẻo.

Nay, có một hạng người ngu mê hiểu sai ý chỉ của kinh, vọng lấy việc vận khí vào đỉnh đầu làm hạt châu trong búi tóc, gọi là pháp Tối thượng thừa. Âm thầm trao truyền cho nhau, dạy người chuyển tinh vận khí đưa lên đỉnh đầu, muốn được như đức Thế Tôn trên đảnh có Châu nhục kế. Tại sao lại ngu muội đến thế? Đâu chẳng biết, nhục kế của Thế Tôn là vô kiến đánh tướng, biểu trưng cho Đại pháp Nhất thừa. Vô kiến là tự mình không thể thấy, vì lìa cái thấy về mình. Khuôn phép cùng cực hưởng thượng, các bậc Thánh đều không thấy được, vì rời cái thấy về người khác. Trong bài Phú về tâm, Thiền sư Vĩnh Minh nói: *“Pháp tòa cao lớn, Thanh văn thấp kém chẳng thể bước lên. Vàng nhật chói chang, ngoại đạo, trẻ con làm sao thấy được. Không nghiêng không lệch, chí cực chí tôn”*.

Than ôi! Kẻ ngu si chẳng biết chánh pháp, điên

Thích Minh Thành dịch

đảo sai lầm rối loạn, gieo tai họa tới người sau, lừa dối những người phàm phu hướng thiện, làm họ rơi xuống hố sâu. Thật đáng tiếc thay!

Nay, tôi khuyên những người có lòng tin, nên cứu xét giáo lý căn bản một cách chính chắn, dốc lòng niệm Phật, hối lỗi, hiểu rõ những việc sai lầm thuở trước, thấu suốt các pháp vốn không, hạt châu trong bụi tóc tự nhiên hiển hiện. Rõ ràng riêng hiển lộ, đâu nhờ tìm cầu ở nơi người khác!

*

Chương 17

BIỆN MINH QUẢ VÔ LẬU

Kinh *Pháp Hoa* nói: “*Các lậu đã hết, không còn phiền não*”. Đó là sự tu hành của bậc Thanh văn La-hán đạt đến chỗ tập khí hữu lậu đều không còn.

Vô lậu là do sáu căn của con người thường bị sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm mê hoặc. Tâm theo cảnh chuyển thành duyên hữu lậu, cho nên dòng luân hồi không ngừng nghỉ. Nếu sáu

căn hành giả tự lạng lẽ, không bị sáu trần lay chuyển, tức là vô lậu.

Nay, có một hạng người ngu mê, vọng đem ghen và nước mũi nuốt hết, gọi đó là tu vô lậu. Tại sao lại ngu xuẩn đến thế? Tôi từng thương xót hỏi họ rằng:

- Sáu căn bốn đại là bao máu mủ, là hang ổ của phân tiểu; ghen, nước mắt, nước mũi đều thuộc là nhơ nhớp, tại sao lại lấy mà ăn?

Họ đáp rằng:

- Trong thân người có bảy thứ quý báu không thể vứt bỏ. Người khéo tu tập sẽ kết thành xá-lợi, chứng quả Vô lậu.

Khổ thay! Khổ thay! Điên đảo như thế thật không chịu nổi!

Lại có một hạng người lấy việc bí tinh làm vô lậu, lẫn lộn vào trong giáo pháp của ta, lần lượt truyền trao tập theo, ngấm ngấm tham dục, làm bại hoại chánh pháp. Đó là yêu tinh quỷ quái đêm tu ngày tan, là bọn ăn rau thờ ma, chẳng phải đệ tử của Liên tông.

Những năm gần đây, có nhiều dạng như thế, làm loạn động mọi người. Kẻ nam nữ có lòng tin trong sạch chẳng hay chẳng biết bèn đi vào đường

ma. Thế nên, kinh Lăng-nghiêm nói: “Này thiện nam tử! Cội gốc của tâm ái soi xét tận cùng sự biến hóa của mọi vật. Thiên ma được tiện lợi, loài phi tinh dựa vào người, nói Niết-bàn của Phật là nhục thân hiện tại. Cha cha, con con lần lượt sinh nhau từ đời này sang đời khác thường còn chẳng dứt, không có nơi tinh sạch nào khác. Kẻ ngu tin nhận, quên mất bản tâm, mê hoặc cho người ấy là Bồ-tát. Họ thường nói mất, tai, mũi, lưỡi đều là Tịnh độ, hai căn của nam nữ tức là Bồ-đề, hoặc ăn phân tiểu, thực hành rộng rãi việc dâm dục như ướ. Những kẻ vô tri tin theo lời xằng bậy này nên dễ đi vào hiểu biết tà vạy, đó gọi là thuốc độc. Ác quỷ nào loạn những người ấy, thầy và đệ tử đều bị pháp luật trừng trị. Ông nên biết trước điều này để chẳng đi vào luân hồi. Mê hoặc không hiểu biết thì rơi vào địa ngục Vô gián, khi họ hết nghiệp trong địa ngục lại đi vào loài súc sinh, ngạ quỷ”.

Nay, xét những bọn tà sư làm bậy, giả danh là giáo pháp của Phật Tổ mà tạo nghiệp ác bất tịnh, trái với nhị nghi, ngược với tam quang, phỉ báng Phật Tổ, phá hoại luân thường, lăng xăng như loài dòi ở trong phần ướ. Hiện tại bị nhiều đau khổ, sau khi chết rơi vào trầm luân, quả báo tội lỗi ấy làm sao thoát khỏi? Điều đó chẳng có gì lạ! Không chỉ sau khi chết bị quả báo mà hiện tại, pháp luật cũng chẳng dung tha. Luận

ngũ nói: “Dùng chính trị để giáo hóa nhân dân, dùng hình phạt quản lý hân dân, làm như thế nhân dân chỉ nghĩ làm sao để tránh khỏi hình phạt mà không nghĩ đến đáng xấu hổ hay không xấu hổ. Dùng đức hạnh giáo hóa nhân dân, dùng lễ trông nom nhân dân, thì nhân dân không chỉ giữ gìn pháp luật, biết hổ thẹn, mà còn có thể sửa đổi hướng thiện”. Lời nói ấy rất đúng.

Nay, tôi khuyên những người lãnh nên xét kỹ lời dạy của bậc Thánh, tự mình phải biết hổ thẹn, lo sợ sửa đổi lỗi lầm, giảm bớt tình cảm, tuyệt dứt lo nghĩ, sửa mình chân chánh để tu hành. Nếu có thể dùng lời dạy của người xưa để soi rọi tâm tư thì tâm mình tự nhiên sáng tỏ; gương xưa chiếu yêu, yêu tinh tự hiện nguyên hình. Nếu chuyên tinh nơi tịnh hạnh ắt tiến đến Bồ-đề, quyết không lầm lẫn. Còn như không làm theo đây thì:

*Biển nghiệp Tam đồ không bờ mé
Ngàn Phạt ra đời khó cứu ông.*

*

Chương 18

BIỆN MINH TRÀ TRIỆU CHÂU

Thuở xưa, Hòa thượng Triệu Châu thấy vị tăng, bèn hỏi:

- Ông từng đến đây chưa?

Vị tăng thưa:

- Đã từng đến.

Triệu Châu bảo:

- Uống trà đi!

Lại hỏi một vị tăng:

- Đã từng đến đây chưa?

Vị tăng thưa:

- Chưa từng đến.

Triệu châu bảo:

- Uống trà đi!

Viện chủ hỏi:

- Người đã từng đến thôi không nói. Người chưa từng đến đây sao Ngài cũng bảo uống trà đi?

Triệu Châu bèn gọi:

- Viện chủ!

Viện chủ:

- Dạ!

Triệu Châu bảo:

- Uống trà đi!

Trong tông lâm, nhân đó có công án uống trà của ngài Triệu Châu. Nay có kẻ ngu mê không rõ ý chỉ của Tổ sư, vọng tự tạo tác đem nước miếng trong miệng súc ba mươi sáu lần rồi nuốt, gọi là uống trà Triệu Châu. Hoặc có người sắp lâm chung, họ vọng chỉ dạy dùng mặt châu sa pha vào một chung trà rồi uống liền có thể chết, cho đó là thể hội ý chỉ của Triệu Châu. Thật đáng thương xót!

Lại có một bọn ma, lấy nước tiểu làm trà Triệu Châu. Tại sao lại ngu mê đến thế? Họ quả thật là loài yêu quái.

Người tu tâm chân chánh chỉ y theo bốn phận mà niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, quyết không nên vọng đem những công án của Tổ sư bịa đặt gán ghép, đó là tội nhân hủy báng Đại Bát-nhã. Đâu không thấy nói:

*Dù cho tan thân ngàn muôn kiếp
Chớ đem Phật pháp loạn truyền trao.*

*

Chương 19

BIỆN MINH GIÁO NGOẠI BIỆT TRUYỀN

Thiền sư Viên Ngộ nói: “Đức Phật ra đời ở nước Ca-tỳ-la-vệ, dùng vô biên diệu dụng dẫn dắt chúng sinh, phương tiện thuận nghịch, khai mở ngăn chặn, kinh điển để lại đầy dẫy trong Đại tạng. Đến sau cùng mới lộ bày một cơ phong, gọi là truyền riêng ngoài giáo lý (giáo ngoại biệt truyền)”.

Từ khi ngài Ca-diếp mỉm cười tiếp nhận đến nay, sáng tỏ lâu dài. Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, chẳng lập thứ bậc, không sinh tri kiến. Bậc lợi căn thượng trí nhanh chóng vượt qua hang ổ vô minh, mau chóng thoát khỏi cội gốc phiền não, tức thời chứng ngộ được đại giải thoát. Hai mươi tám vị Tổ Ấn Độ¹⁵⁰, sáu vị Tổ Trung Hoa¹⁵¹ đều là bậc long

¹⁵⁰ Hai mươi tám vị Tổ Ấn Độ: hai mươi tám vị Tổ sư của Thiền tông Ấn Độ, đó là: 1. Ma-ha Ca-diếp; 2. Tôn giả A-nan; 3. Thương-na-hòa-tu;

tượng, tiếp độ hàng thượng căn. Thầy hay trò giỏi lãnh hội ở ngoài cung cách bình thường, ngay đó nghiệp chướng tiêu tan, tức thời nhận lấy. Tự nhiên có thể nhồi thành một mảnh, nhanh chóng khế hợp địa vị Phật, như thế còn chẳng chịu trằm mình trong ao tù nước đọng. Các Ngài lại hát câu thấu huyền diệu, vượt qua Phật Tổ, chặt đứt dây sấn dây bìm, như cầm kiếm Thái A lẫm liệt thần uy, ai dám tới gần! Bạc Thiên sư chứng ngộ luận bàn xác thật, mới có tác dụng luận bàn huyền diệu, hưởng thượng hưởng hạ. Vừa có mảy may liền bị quát, mà bảo rằng chẳng phải là người kế thừa, ngay đó thành tựu trọn vẹn. Rèn luyện thuần thực, thực hành chân thật mới

4. Ưu-ba-cúc-đa; 5. Đề-đa-ca; 6. Di-già-ca; 7. Bà-tu-mật; 8. Phật-đà-nan-đề; 9. Phục-đà-mật-đa; 10. Hiếp tôn giả; 11. Phú-na-da-xá; 12. Mã Minh Đại sĩ; 13. Ca-tì-ma-la; 14. Long Thọ Đại sĩ; 15. Ca-na-đề-hà; 16. La-hầu-la-đa; 17. Tăng-già-nan-đề; 18. Già-da-xá-đa; 19. Cửu-ma-la-đa; 20. Xà-dạ-đa; 21. Bà-tu-bàn-đa; 22. Ma-noa-la; 23. Hạc-lặc-na; 24. Tôn giả Sư Tử; 25. Bà-xá-tư-đa; 26. Bất-như-mật-đa; 27. Bất-nhã-đa-la; 28. Bồ-đề-đạt-ma (kiêm Sơ tổ ở Trung Quốc).

¹⁵¹ **Sáu vị Tổ Trung Hoa:**

1. Bồ-đề-đạt-ma (zh. 菩提達磨, ?-532).
2. Huệ Khả (zh. 慧可, 487-593).
3. Tăng Xán (zh. 僧璨, ?-606).
4. Đạo Tín (zh. 道信, 580-651).
5. Hoàng Nhẫn (zh. 弘忍, 601-674).
6. Huệ Năng (zh. 慧能, 638-713).

tạm tha cho, còn e sau này họ gặp cảnh duyên ép bức không vượt qua được, đôi mắt chân chánh bị mù tối.

Than ôi! Tôi thấy có một giống chồn mù, chưa từng mộng thấy Tổ sư mà nói bừa Tổ Đạt-Ma đi về không, bảo đó là “truyền pháp cứu mê tình”. Thậm chí mượn danh các bậc đại tông sư như Mã Tổ, Triệu Châu để lừa gạt người sau. Còn khoe khoang Sơ Tổ quảy dép về Tây, ngài Phổ Hóa để quan tài trống mà siêu thoát. Bảo rằng những thuật ấy đều có hiệu nghiệm, gọi là pháp bí mật của sự sinh tử, hình (thân) thân (tâm) đều mầu nhiệm, lần lượt truyền trao tập theo, mọi người đều rất ưa thích. Lo lắng lúc sắp chết hoảng sợ, tranh nhau học phương pháp trở về. Đêm giao thừa lạy bóng mình kêu chủ nhân ông, thật là đối gạt xóm làng, bày điều bịa đặt, làm cho bậc Cao nhân chê cười!

Lại có một hạng giả mượn danh kế thừa Tổ Đạt-ma, trao truyền “Thập Nhị Thời Biệt Ca” của ngài Triệu Châu, “Chuyển Hằng Sa Tụng” của cư sĩ Bàn Uẩn, thậm chí trao truyền giữ, mong được sinh lên cõi Trời, còn muốn biết trước ngày chết. Hoàn toàn chẳng hay đó là vọng tưởng, tâm tà ác kiến. Quả thật vốn là nhân lành, lại chuốc quả ác.

Thấy phần nhiều những kẻ hào kiệt bàn luận

cao xa, chẳng biết căn do của tông môn, thường thường tin theo. Đâu biết, bắt chước người khác không thành, trái lại mất đi kỹ năng của mình, vẽ cọp thành chồn! Người sáng mắt xem thấy âm thầm thương xót, lẽ nào thể chế của chư Phật và Tổ sư chỉ thế thôi sao? Rõ ràng có thể biết được, chẳng từng tự mình soi xét lại gốc ngọn. Rất nhiều người học theo đây, tập tành trở thành phong trào, thần nhiên chẳng biết đó là quái dị. Người hiểu biết sâu rộng ắt chẳng chạy theo, chỉ e rằng người hiểu biết chưa sâu, lập chí tuy chuyên, dù đã từng trải nhưng gặp kẻ tăng thượng mạn này dẫn vào rừng rậm tà kiến, một sai lầm ban đầu, mãi mãi không thể nào xoay lại. Những tai hại này lan tỏa rộng lớn chẳng thể ngăn chặn, do đó tôi mới thốt lên những lời này để nói cho mọi người thấy rõ. Mong rằng, người có chí nguyện nơi đại giải thoát, đại tổng trì, có thể phân biệt rõ ràng, cùng vào biển cả Nhất thiết chủng trí, giống thuyền từ tiếp độ muôn loài, làm cho đạo nhiệm mầu chân chánh lưu truyền đến vô cùng tận. Như thế, thật thỏa chí lắm thay!

*

Chương 20
BIỆN MINH ĐÓNG CỬA NỂO ÁC
KHAI THỊ ĐƯỜNG NIẾT-BÀN CHÂN CHÁNH

Cửa của các đường ác chính là ba nghiệp thân, miệng, ý, nghĩa là thân sát sinh, trộm cướp, tà dâm; miệng nói dối, nói lời ác, nói lời thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều; ý tham lam, sân hận, si mê. Người tu Tịnh nghiệp tâm chân chánh hướng về đạo, đoạn dứt mười hành vi bất thiện nói trên thì không còn đi vào đường ác, gọi đó là đóng cửa các nẻo ác.

Khai thị là chỉ ra, Niết-bàn là chẳng sinh chẳng diệt, chân chánh là con đường không nghiêng lệch, tức con đường Tây Phương.

Nay, có người ngu muội bảo rằng: miệng là cửa của các điều ác, mũi là con đường Niết-bàn. Dạy người sắp lâm chung đóng chặt miệng lại khiến cho khí ra nơi mũi, gọi là một bước ra cửa. Lại vọng đem chữ “À” làm công án, dạy người dốc sức dẫn khí trong miệng để thấu qua cửa ải này. Hoặc bảo rằng bốn nét bao quanh của chữ “À” là tử, sắc, tài, khí, hoặc đất, nước, gió, lửa, hoặc nói sinh, già, bệnh,

chết... tất cả đều là những lời nói suy đoán lường xét bừa bãi.

Than ôi! Một chữ “À” này lừa dối biết bao nhiêu người. Đâu biết rằng chữ này trong sách *Ngọc Thiên* ghi rõ là “hộ ngọa thiết”, tức là chữ “A khứ thính”. Chữ “À” này trong miệng của tất cả người đời đều có nói. Như kẻ bị thất lạc người hoặc đồ vật bỗng nhiên tìm thấy, bất giác phát ra một tiếng này, đó là chữ “À”. Trong tông môn, phần nhiều nói chữ này là vì người tìm thầy hỏi đạo, tham cứu hai ba mươi năm, bỗng nhiên phát hiện bản tâm, thể hội được việc này, chợt kêu lên một tiếng “À”. Như khi bị mất đồ vật mà tìm thấy được, thỏa thích cả đời, chính là ý nghĩa của chữ này.

Thế thì, người niệm Phật chỉ ở trong mỗi niệm chính chấn thể cứu bản tánh Di-đà, bỗng nhiên tự thân tỏ ngộ, tận mắt thấy. Thật sự đến chỗ “À” một tiếng thì tự nhiên thấu suốt. Thế nên, Thiền sư Vĩnh Minh nói:

*Ngoài tâm cầu pháp, mong thạch nữ sinh con
Trên ý nghĩ suy, mong hoa trong hư không kết trái
Vốn chẳng hữu tác, tánh tự vô vi
Người trí chẳng thể vận dụng ý nghĩ, thợ đắp
tượng đâu thể tác dụng nghĩ.*

*Ngôn ngữ không còn, đó là ngày được lối về
Tâm tư dứt bật, chính là lúc xả thân bỏ mạng.*

Như thế, có thể gọi là:

*Chỉ một việc này thật,
Hai thứ chẳng phải chân.*

*

Chương 21

BIỆN MINH BỐN LOÀI CHÚNG SINH

Thiền sư Đại Châu Huệ Hải nói: “*Chín loài chúng sinh trong một tâm đều đầy đủ, tùy theo sự tạo tác mà thành. Vô minh che đậy là noãn sinh, phiền não bao bọc là thai sinh, nước ái thấm nhuần là thấp sinh, chột khởi vọng niệm là hóa sinh. Ngộ thì thành Phật, mê tức chúng sinh. Bồ-tát chỉ lấy mỗi niệm trong tâm là chúng sinh, nếu rõ tâm thể rỗng lặng gọi là độ chúng sinh. Người trí hóa độ chúng sinh trong bản tâm mình lúc chưa thành hình. Khi chưa thành hình đã thấu suốt là không, biết rằng thật sự không có chúng sinh nào được diệt độ”.*

Có một hạng người ngu mê chẳng biết tự tâm,

suy xét bữa bãi, vọng nói lúc lâm chung mắt thấy xe ngựa, lâu đài, tràng phan, nao bạc là những thứ dẫn dắt đi vào bốn loài sáu nẻo. Nếu không đi theo chúng thì thoát khỏi bốn loài.

Đâu chẳng biết, những cảnh hiện ra lúc lâm chung là tướng nghiệp thiện ác đã làm nơi thường ngày, thần thức tự hiện thì chẳng phải là ở bên ngoài đến. Cho nên, bậc cao đức nói: “*Làm ác thì cảnh ác hiện ra, niệm Phật thì cõi Phật tự đến*”. Nếu trong lúc ấy nắm không chặt, không làm chủ được, thường bị vọng tưởng điên đảo sai khiến, ngay khi gió lửa tan rã thì như con cua bị rơi vào nồi nước sôi, đâu thể làm chủ được. Do đó, Thiền sư Khuê Phong nói:

*Làm việc có nghĩa
Là tâm tỉnh ngộ
Làm việc vô nghĩa
Là tâm cuồng loạn
Cuồng loạn theo tình niệm
Lâm chung bị nghiệp lôi
Tỉnh ngộ không theo tình
Lâm chung hay chuyển nghiệp.*

Nay lấy lời này nói thẳng với mọi người, nên tự nghĩ rằng: “*Tôi nay tu hành Tịnh nghiệp vốn vì sinh tử. Phật Tổ dạy bảo đâu có lừa dối chúng ta*”. Nên y

theo chánh pháp mà chân thật giữ gìn tâm ý, chuyên niệm Phật A-di-đà, trừ bỏ sự giả dối. Sớm tối nghĩ tưởng, mỗi niệm mỗi niệm nguyện sinh về Tây Phương. Như thế, trần lao nghiệp thức ngay đó tiêu tan chẳng còn sinh khởi. Xét lại sự sinh tử của chính mình còn không thật thì gọi cái gì là chúng sinh? Vì thế, trong *Văn Sám* nói: “Ở trong một niệm được Niệm Phật Tam-muội, độ khắp tất cả chúng sinh trong sáu nẻo mười phương, ai nấy đều thoát khỏi nỗi khổ luân hồi, đồng vãng sinh Tịnh độ”.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Chỗ không vọng tâm tức Bồ-đề
Sinh tử, Niết-bàn vốn bình đẳng.*

*

Chương 22

PHÁ ĐẸP VIỆC LẬP MƯỜI HIỆU SAI LÂM

Văn Tây Phương nói: “Người niệm Phật ở trong ánh sáng tướng hảo được thấy Phật A-di-đà thì nhanh chóng phá trừ vô minh, dứt hẳn phiền não, bỗng nhiên thông suốt môn pháp giới, nhanh chóng khai sáng được Nhất thừa, đầy đủ mười hiệu, trọn vẹn ba thân”.

Đó là nói rõ người tu hành chứng được quả Phật ắt đầy đủ mười hiệu. Mười hiệu này nơi kinh *Bồ-tát Giới* nói:

1. Như Lai: nghĩa là không giả dối.

2. Ứng Cúng: nghĩa là mảnh đất phước tốt lành.

3. Chánh Biến Tri: nghĩa là thấu suốt pháp giới.

4. Minh Hạnh Túc: nghĩa là đầy đủ Tam minh (Thiên nhãn trí minh, Túc mạng trí minh, Lậu tận trí minh).

5. Thiện Thệ: nghĩa là không trở lại.

6. Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ: nghĩa là biết rõ hai thế gian, một là thế gian quốc độ, hai là thế gian chúng sinh.

7. Điều Ngự Trượng Phu: nghĩa là hay điều phục chúng sinh khác.

8. Thiên Nhân Sư: nghĩa là mắt sáng cho chúng sinh.

9. Phật: nghĩa là biết rõ pháp thiện và bất thiện, pháp chẳng thiện và pháp chẳng phải chẳng thiện.

10. Thế Tôn: nghĩa là trong một cõi không có hai Phật.

Tại sao người ngu không biết Phật pháp, vọng lập ra quy trình mười hiệu, gọi là pháp bí mật về sự sinh tử của Đại sư Đạt-ma truyền sang? Lại bảo rằng: Ổ chim quán đánh, cỏ lau xuyên gối, cột ngọc hỗn tạp, rắn bò vào quần, Ba Tư dâng báu, trống trời không vang, ao sen khô nước, Nhị Tổ chặt tay, đứng ngoài trời đến khi tuyết phủ tới hông, thần quang chẳng hiện, gọi là đại sự nhân duyên. Đệ tử Liên tông thường bị bọn thầy mù này lần lượt truyền trao, lừa dối mọi người, từ nơi tối vào chỗ tối, rơi vào con đường sai lầm. Tại sao lại không suy xét cho thật kỹ? Đại sư Đạt-ma ban đầu đến đây không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Sao lại có một pháp để truyền trao? Đâu chẳng nghe, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn bảo Lục Tổ rằng: *“Phật là dùng tâm truyền tâm, pháp là dùng tâm ấn tâm. Phật Phật chỉ truyền bản thể, thầy thầy thâm trao bản tâm”*. Đây chính là nói ý này.

Trang Tử bảo: *“Giả sử Đạo có thể truyền cho người thì ai ai cũng truyền cho con cháu. Nếu Đạo có thể dâng hiến cho người thì ai ai cũng dâng hiến cho vua chúa và người thân. Đạo sử dĩ không truyền trao và dâng hiến cho người khác bởi vì ở trong không có chủ, còn bên ngoài không có người chứng nhận”*.

Lại từng nghe, Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni trải qua ngàn đời rèn luyện đức hạnh, trăm kiếp tu tâm, mới từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống vương cung, bỏ vinh hoa phú quý, lên núi Tuyết tu hành, ăn lúa ăn mè, sáu năm khổ hạnh, thấy sao sáng ngộ đạo thành Phật. Trong loài Người, trong hàng Thánh, Ngài được tôn xưng là bậc Đại Giác, đầy đủ mười hiệu, làm thầy Trời, Người. Đến như việc chim làm tổ trên đầu, cỏ lau mọc xuyên qua gối, đều là sự thật khi xưa. Ban đầu không phải pháp biểu trưng, chỉ là ngồi im không động, định lâu nên quên thân thể.

Người học sau này không gấn gũi bậc trí tuệ, chẳng thể hội sự kiến lập giáo môn của Phật, hoàn toàn chẳng phải là dễ dàng. Họ mới vừa tu học mà chẳng học tập hạnh nguyện, sự thấy biết đều không có nhưng lại muốn làm thầy tiếp độ đệ tử, làm ra dáng vẻ to lớn, khoe khoang tài năng của mình, đi vào trong bọn tà ma, học những pháp tà của họ, tạp độc nhập tâm, như quỷ rơi xuống nước, ở chỗ tối tăm kéo người xuống địa ngục. Thật khổ thay! Khổ thay!

Lại như Nhị Tổ chặt tay đứng ngoài tuyết ngang đến hông, chính là ý chí mãnh liệt vì pháp quên thân trong lúc ấy. Trong sử còn ghi chép đầy đủ rõ ràng, người học nên tự cứu xét tường tận, đâu nên làm bừa

Thích Minh Thành dịch

mà cam chịu tội lỗi hủy báng chánh pháp, mãi mãi đắm chìm trong biển khổ. Thiền sư Huyền Giác nói:

*Sai chẳng sai, đúng chẳng đúng
Lệch một đường tơ đi ngàn dặm
Đúng tức Long Nữ chóng thành Phật
Sai thì Thiện Tinh rơi địa ngục.*

Mọi người có tin hay không?

*Dốc lòng dẹp sạch vật trong nhà
Cây sắt trở hoa xuân riêng biệt.*

*

Chương 23

THỆ NGUYỆN LƯU THÔNG

Một niệm ban đầu vốn từ nơi Tịnh độ mà đến, nhiều đời chìm đắm chưa thoát khỏi thế giới Ta-bà. May gặp Liên Xã, hội ngộ Chánh tông, nhờ ân đức Tam Bảo, thấm nhuần lời giáo hóa của Đạo sư.

Trong giáo môn có nhiều người lầm lối tu hành. Than ôi! Những người có lòng tin đều trở thành dân ma, những kẻ lương thiện đều rơi vào đường tà,

chánh nhân bị tiêu diệt, huệ mạng khó bảo tồn, lại chuốc lấy tội lỗi hủy báng giáo pháp, làm sao có được công đức lớn trì tụng, thấy cảnh này thở ngắn than dài, đau xót thân tâm không chịu được.

Thế nên, tôi mới rút ra yếu chỉ trong Đại tạng dùng để chứng minh cho tông này, dẹp trừ sự phải quấy của trăm nhà, mở ra đại đạo sáng tỏ. Ở đây, hoàn toàn y theo kinh mà phân biệt nghĩa lý, hiển chánh dẹp tà, soi sáng không riêng tư, cho nên gọi là Bảo Giám (gương soi quý báu). Khiến cho kẻ hậu học chiếu soi tâm mắt, dẹp xấu tự hay biết; dẫn dắt họ trên đường mê, trở về quê nhà để tránh khỏi nổi trôi lưu lạc.

Sách này được thành, chí nguyện nhỏ hẹp của tôi phần nào được bày tỏ. Trăm lạy Tổ đình, nay trình bày đại thệ nguyện lần nữa: *“Kính bạch chư Phật, chư Đại Tổ sư trong khắp mười phương, mong phóng từ quang chứng minh thệ nguyện.*

Ưu Đàm kính cẩn tự phát tâm lập nguyện, y theo số thiên chữ trong Liên Tông Bảo Giám, mỗi chữ lạy ba lạy, mỗi lạy tụng tâm chú Lăng-nghiêm một lần, xưng tôn hiệu Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát ba lần. Mong lòng đại bi thương xót thăm gia bị, ban cho pháp lực, khiến tà ma ngoại đạo quy y. Mong chân

thừa được lưu bố rộng rãi, mở mắt cho những kẻ mù, làm lương y cho những người bệnh khổ. Nơi con đường tăm tối làm đuốc làm đèn, trong biển khổ ba đào làm thuyền làm bè, ở chỗ nguy hiểm làm chiếc cầu lớn, trong đường tà mê chỉ ra lối chân chánh.

Nay, khắp vì các bậc Thượng thiện nhân trong Liên Xã mười phương, dốc lòng sám hối thân tâm, cầu nguyện đều tiêu trừ nghiệp chướng, diệt hết những lỗi lầm phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp. Một trí tuệ hay tiêu diệt ngu si trong muôn kiếp, một ngọn đèn hay xua tan bóng tối cả ngàn năm. Vọng ý tiêu trừ, hoa đóm trong hư không tan biến; chánh tín sinh khởi, tịnh hạnh hiển bày.

Tin lễ Phật Di-đà, đồng hồi hướng khắp cả, cùng với đại chúng từ hôm nay phát tâm Bồ-đề, tận đời vị lai muôn kiếp thường thực hành đạo Bồ-tát, rời những việc trái với phạm hạnh, lìa xa thầy tà kiến. Nguyện khi hết báo thân này, đồng sinh cõi An Lạc, thường tu Lục niệm¹⁵² và Lục Ba-la-mật, vận dụng Tứ vô lượng

¹⁵² **Lục niệm:** sáu điều mà người tu Phật đạo phải luôn nhớ nghĩ.

1. Niệm Phật: nghĩ nhớ công đức vô lượng, đại từ, đại bi của chư Phật.
2. Niệm Pháp: nghĩ nhớ ba tạng, 12 thể loại kinh của Đức Phật đã dạy, để làm lợi ích cho khắp chúng sinh.
3. Niệm Tăng: nghĩ nhớ chư Tăng đầy đủ giới, định, huệ làm ruộng phước cho chúng sinh.

tâm cùng Tứ hoàng thế nguyện¹⁵³. Phát 48 nguyện như

4. Niệm Giới: nghĩ nhớ giới hạnh có năng lực lớn hay trừ các phiền não xấu của chúng sinh.

5. Niệm Thí: nghĩ nhớ bố thí có công đức lớn, hay trừ tham lam keo kiệt của chúng sinh.

6. Niệm Thiên: nghĩ nhớ chư Thiên ở ba cõi đều nhờ căn lành đời xưa đã tu tịnh giới, bố thí, vãn huệ mà được quả báo an vui này.

¹⁵³ **Tứ hoàng thế nguyện:** bốn điều nguyện rộng lớn mà tất cả Bồ-tát nên phát khởi khi còn ở Nhân vị. Nội dung và sự giải thích về tứ hoàng thế nguyện thấy rải rác trong các kinh luận, nhưng các kinh ghi chép nhiều cách khác nhau:

Tứ hoàng thế nguyện trong *Lục Tổ Đàn Kinh*, là:

1. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ: Bồ-tát thế nguyện cứu độ tất cả chúng sinh.

2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn: Bồ-tát thế nguyện đoạn trừ tất cả phiền não.

3. Pháp môn vô lượng thế nguyện học: Bồ-tát thế nguyện học hiểu tất cả Phật pháp.

4. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành: Bồ-tát thế nguyện chứng đắc quả Bồ-đề tối cao.

Tứ hoàng thế nguyện này được phối hợp với Tứ đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo; thế nguyện đầu tiên thuộc về lợi tha, ba thế nguyện còn lại thuộc về tự lợi.

Tứ hoàng thế nguyện trong phẩm *Thủ Hạnh*, kinh *Đạo Hành Bát-nhã 8* (Đại 8, 465 hạ): “*Những người chưa được độ ta sẽ độ họ, người chưa giải thoát ta đều làm cho giải thoát, người sợ hãi ta sẽ làm cho được an vui, người chưa Bát-nê-hoàn ta đều làm cho được Bát-nê-hoàn*”.

Tứ hoàng thế nguyện trong phẩm *Được Thảo Du*, kinh *Pháp Hoa 3* đại khái giống như kinh *Đạo Hành Bát-nhã*, nhưng lời văn đơn giản hơn (Đại 9, 19 trung): “*Người chưa được độ ta sẽ độ, người chưa giải thoát ta sẽ làm giải thoát, người chưa an ta sẽ làm cho được an, người chưa được Niết-bàn ta sẽ làm cho được Niết-bàn*”.

Phật A-di-đà, được Niệm Phật Tam-muội như Đại Thế Chí, tu hạnh nguyện Phổ Hiền, bằng với lòng từ bi của Quán Âm, học đại trí tuệ như Văn-thù, dần dần bước lên vị Bồ Xứ như Di-lặc, nhanh chóng thể nhập pháp giới, chứng ngộ viên mãn Thượng thừa, phân thân khắp đến mười phương, đại bi phổ độ tất cả. Dụng pháp tràng, lập tông chỉ, mặt trời trí tuệ rạng soi, xua tan tối tăm si ám, tà ma ngoại đạo đều quy hàng, khắp cùng trời đất thấm nhuần giáo hóa. Tài hùng biện vô ngại, lợi ích pháp giới rộng sâu, oai đức vô biên, cứu vớt muôn loài. Cha mẹ, sư trưởng đều vào cửa giải thoát, oán thân nhiều kiếp cùng ra khỏi biển khổ trầm luân.

Cúi mong người xem quyển sách này phát khởi tâm hộ pháp, diệt hết mê tình trong muôn kiếp, phá tan lưới nghi ngàn trùng, nhanh chóng khai mở tuệ nhãn, tỏ ngộ bản tâm, Tịnh độ đạo tràng chẳng cất bước mà đến, Đại Thánh Tây Phương như đối diện trước mắt, muôn pháp tỏ tường, sự mẫu nhiệm ở nơi đây vậy.

Tứ hoàng thế nguyện trong kinh Bồ-Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, thượng (Đại 24, 1013 thượng): “Người chưa vượt qua Khổ đế ta sẽ làm cho vượt qua được Khổ đế, người chưa giải thoát Tập đế ta sẽ làm cho giải thoát được Tập đế, người chưa tu tập Đạo đế ta sẽ làm cho tu tập được Đạo đế, và người chưa chứng đắc Niết-bàn ta sẽ làm cho chứng đắc Niết-bàn”.

Cúi mong Thiên Long hoan hỷ nghe chánh pháp mà hộ trì, phàm Thánh quy y dẹp thói tà ma bật dấu. Hoàng dương đạo Tổ, quảng bá tông phong; dung Đại thiên cùng làm cõi nước thanh thái, khiến bốn biển chung vui sự giáo hóa vô vi. Chánh kiến tà kiến đều đi vào Vô sinh; ân vua, ân Phật nhất thời đồng báo đáp.

Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sinh cùng tận, nghiệp chúng sinh cùng tận, phiền não chúng sinh cùng tận thì nguyện của tôi mới cùng tận. Nhưng vì cõi hư không cho đến cõi chúng sinh và phiền não không thể cùng tận, nên nguyện vương này của tôi cũng không có cùng tận, niệm niệm nối tiếp không gián đoạn, nghiệp thân, miệng, ý không biết mỗi một chán nản.

Bồ-tát Phổ Hiền đã phát nguyện như thế, chư Đại Tổ sư cũng phát nguyện như thế, nay tôi cũng phát nguyện như thế, vì khắp cả đại chúng trong Liên Xã cũng phát nguyện như thế, cùng tận bờ mé vị lai; tất cả loài hữu tình và vô tình cũng phát nguyện như thế. Như thế, như thế... không ai chẳng như thế.

Nguyện cùng như thế hằng sa chúng
Trộn vào trong biển nguyện Như Lai”.

*

LỜI BẠT

Quyển *Liên Tông Bảo Giám* do Hòa thượng Ưu Đàm trước tác, luận bàn sâu sắc về duy tâm. Trên thì tiếp dẫn hàng căn cơ lanh lợi, dưới đến những người xưng niệm danh hiệu Phật. Thâu nhiếp cả ba căn, thật là xiển dương rực rỡ pháp môn Tịnh nghiệp.

Về sau, ngài Vân Thê trước tác *Di-đà Sớ Sao* chuyên phát huy pháp Trì danh, song lấy Sự Lý nhất tâm mà quy kết đến chỗ nhất tâm không loạn. Lý là duy tâm, Sự là xưng danh, nhất tâm không loạn là đi đến chỗ cùng tột. Hai quyển sách này bỗng nhiên âm thầm phù hợp dù cách nhau xa. Người tu hành Tịnh nghiệp nên xem kỹ hai quyển này.

Quyển *Di-đà Sớ Sao* tôi đã khắc bản mới, còn *Liên Tông Bảo Giám* thì chưa khắc lại. Mùa thu năm Quý Mùi, cư sĩ My Sơn nghỉ ngơi ở Trúc Song, Thượng nhân Thủy Vân cũng ở đó, lúc bàn luận đến *Liên Tông Bảo Giám*, cư sĩ liền hứa chép tay lại, Thượng nhân cũng vui lòng để hiệu đính. Tôi vui vẻ nói: “Các vị đều chiếm duyên lành làm việc này, tôi đâu dám từ chối!”. Do đó, quyền tiền, bảo thợ khắc bản lại. Quyển sách này được thành, thật là ngọn đèn

sáng của Tịnh nghiệp, là chiếc bè quý báu trong thời
mạt pháp!

Mùa hạ năm thứ 5, niên hiệu Quang Tự (1879)

Đệ tử tịnh nghiệp Diệu Năng, Tánh Bản cùng
hóa duyên khắc bản.

Thích Thọ Giác giảo chính.

Dịch xong 12/04/2005 tại chùa Bửu Liên

*

MẤY LỜI TÂM HUYẾT

Thuyết pháp giảng kinh, viết sách giáo lý nhà Phật hoặc in kinh sách đem phát cho mọi người xem, để họ sớm giác ngộ, được như thế hạnh phúc không gì bằng, đó gọi là pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta thỉnh một số kinh sách chịu khó đem đến từng nhà cho mượn đọc, sau đó lần lượt cho nhà khác mượn, hoặc đọc cho kẻ khác nghe, nhất là cho người không biết chữ. Việc gọi là pháp thí.

Chính đức Phật đã dạy: "Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng".

Tưởng về lợi cũng như về danh, chúng ta đừng nên lo nghĩ, mà điều tối cần là làm sao cho rạng rỡ chánh đạo. Đó là mục đích chính, thiêng liêng và cao cả nhất của chúng ta. Nền móng đạo pháp cần nhờ sự chung lưng góp sức của chúng ta. Vậy mỗi người nên xây đắp vào đó một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một viên gạch v.v... ngõ hầu cái nền móng ấy được thêm bền vững và kiên cố đời đời.

Chúng ta không nên quan niệm về công đức, hãy nên nghĩ nhiều đến những người lầm đường lạc lối, sống trong vòng tội lỗi không lối thoát xung quanh chúng ta. Hãy mau cứu vớt họ, cảnh tỉnh họ để cùng quay về chân lý, giúp họ tìm ra nhiều lẽ sống, niềm vui. Được thế, chính ta đã làm lợi ích cho Phật pháp vậy.

Với hoài bão cuộc đời, chúng ta hãy "Tất Cả Vì Phật Pháp". Hy vọng mấy lời tâm huyết này được nhiều vị hảo tâm in kinh sách cho mọi người xem!

Được vậy, niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với chúng ta! Tha thiết mong mỗi như thế!

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình không vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Chỉ có một cách là tặng các loại sách tu hành để xây dựng cho đời sống thanh cao, thì dù một quyển sách giá chỉ vài ngàn, nhưng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu.

Quý vị nào muốn phát tâm ấn tống kinh sách, xin liên hệ: CHÙA HOÀNG PHÁP, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (08) 37130002 – (08) 37133827.

Email: chuahoangphap@gmail.com

*

MỤC LỤC

Lời ngỏ.....	5
Đại sư Ưu Đàm (? - 1330)	11
Lời tựa	15
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN MỘT	
Thiên thứ nhất	
CHÁNH NHÂN NIỆM PHẬT	27
<i>Chương 1</i>	
Nhân Địa Của Phật A-di-đà.....	31
- 48 đại nguyện của Phật A-di-đà.....	32
<i>Chương 2</i>	
Nhân Địa, Bản Nguyện Của Phật Thích-ca Và Phật A-di-đà.....	43
<i>Chương 3</i>	
Đức Phật Nói Về Chánh Nhân Tịnh Nghiệp Cho Thánh Hậu Vi-đế-hy	44
- Văn khuyên phát tâm Bồ-đề.....	65
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN HAI	
Thiên thứ hai	
CHÁNH GIÁO NIỆM PHẬT	97
<i>Chương 1</i>	
Đức Phật Nói Pháp Niệm Phật Cho Phụ Vương.....	107
<i>Chương 2</i>	
Thiện Tài Tham Vấn 53 Vị Thiện Tri Thức, Ban Đầu Gặp Tỷ-kheo Đức Văn Nói Về Môn Niệm Phật.....	108
<i>Chương 3</i>	
Bồ-tát Trí Thủ Nói Về Niệm Phật.....	110
<i>Chương 4</i>	
Đại Sĩ Long Thọ Khuyên Niệm Phật	111

<i>Chương 5</i>	
Công Đức Niệm Phật Có Bảy Điều Thủ Thắng	112
<i>Chương 6</i>	
Pháp Môn Tu Trì.....	113
<i>Chương 7</i>	
Pháp Môn Vô Trụ Lìa Tướng Niệm Phật Tam-muội	114
<i>Chương 8</i>	
Pháp Môn Vô Niệm Quán Không Niệm Phật Tam-muội	117
<i>Chương 9</i>	
Pháp Môn Chuyên Tưởng Nhật Quán Niệm Phật Tam-muội	119
<i>Chương 10</i>	
Pháp Môn Cứu Cảnh Tham Thiển Niệm Phật Tam-muội	120
<i>Chương 11</i>	
Pháp Môn Điều Hòa Hơi Thở Nhiếp Tâm Niệm Phật Tam-muội.....	122
<i>Chương 12</i>	
Pháp Môn Chuyên Niệm Nhất Tướng Niệm Phật Tam-muội.....	124
<i>Chương 13</i>	
Pháp Môn Hồi Hương Công Đức Sáu Thời Niệm Phật.....	126
<i>Chương 14</i>	
Văn Phát nguyện Hồi Hương Tây Phương Của Đại Sư Liên Trì ...	127
<i>Chương 15</i>	
Pháp Môn Buộc Niệm Sám Hồi Niệm Phật Công Đức	133
<i>Chương 16</i>	
Pháp Môn Tín, Nguyện Sớm Tối Niệm Phật Công Đức	135
<i>Chương 17</i>	
Pháp Môn Mười Niệm Giản Đơn Niệm Phật Công Đức.....	136
<i>Chương 18</i>	
Lời Tựa Biểu Đồ Tuyển Phật Bốn Cõi Viên Dung Của Tông Chủ Từ Chiếu.....	138
LIÊN TÔNG BẢO GIẢM - QUYỂN BA	
Thiên thứ ba	
CHÁNH TÔNG NIỆM PHẬT	167

<i>Chương 1</i>	
Xác Định Rõ Tông Thể.....	175
<i>Chương 2</i>	
Tông Thể Quyền Thật Về Mười Loại Tịnh Độ Trong <i>Hoa Nghiêm Hợp Luận</i> Của Trưởng Giả Lý Thông Huyền.....	176
<i>Chương 3</i>	
Nói Về Niệm Phật, Tham Thiển Cầu Tông Chỉ.....	183
<i>Chương 4</i>	
Tịnh Độ Chẳng Phải Thuyết Quyền Biến Cho Hàng Độn Căn	184
<i>Chương 5</i>	
<i>Tịnh Độ Tông Yếu</i> Của Thiển Sư Chân Yết Liễu.....	186
<i>Chương 6</i>	
Lời Khai Thị Tịnh Độ Thật Kiến Của Đại Sư Tịch Thất.....	187
<i>Chương 7</i>	
Lời Khai Thị Niệm Phật Sự Lý Không Hai Của Luật Sư Đại Trí.....	188
<i>Chương 8</i>	
<i>Niệm Phật Tông Yếu</i> Trong Lời Tựa Pháp Môn Tịnh Hạnh Của Pháp Sư Văn	189
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN BỐN	
Thiên thư tư	
CHÁNH PHÁI NIỆM PHẬT	195
<i>Chương 1</i>	
Tổ Sư Huệ Viễn.....	204
<i>Chương 2</i>	
Đại Sư Minh Giáo Ghi Lại Lời Ký Nơi Nhà Thờ Di Ảnh Tổ Sư Huệ Viễn	210
<i>Chương 3</i>	
Nói Rõ Việc Thành Đạo Của Tổ Huệ Viễn.....	216
<i>Chương 4</i>	
Đại Sư Đàm Loan.....	220
<i>Chương 5</i>	
Đại Sư Trí Giả.....	224

Chương 6	
Đại Sư Thiện Đạo	227
Chương 7	
Đại Sư Pháp Chiếu	231
Chương 8	
Đại Sư Thiếu Khang	238
Chương 9	
Đại Sư Tĩnh Thường	241
Chương 10	
Thiền Sư Từ Giác	243
Chương 11	
Thiền Sư Diên Thọ	246
Chương 12	
Sám Chủ Từ Văn	248
Chương 13	
Văn Ngạn Bác	251
Chương 14	
Pháp Sư Tông Đản	253
Chương 15	
Đại Sư Từ Chiếu	255
Chương 16	
Dương Kiệt	259
Chương 17	
Vương Nhật Hưu	261
Chương 18	
Vương Cổ	264
Đại Sư Thừa Viễn (bổ sung)	267
Đại Sư Liên Trì	269
Đại Sư Thập Hiền	289
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN NĂM	
Thiên thứ năm	
CHÁNH TÍN NIỆM PHẬT	295

<i>Chương 1</i>	
Đoạn Trừ Nghi Ngờ, Phát Sinh Lòng Tin	299
<i>Chương 2</i>	
Khuyên Phát Lòng Tin.....	307
<i>Chương 3</i>	
Kệ Chánh Tín Vãng Sinh Của Sám Chủ Từ Vân Thúc.....	312
<i>Chương 4</i>	
Lời Tựa Tịnh Độ Thập Nghi Luận Của Đại Sư Trí Giả Ở Thiên Thai	315
<i>Chương 5</i>	
Lời Tựa Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Của Dương Kiệt.....	319
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN SÁU	
Thiên thư sáu	
CHÁNH HẠNH NIỆM PHẬT	327
<i>Chương 1</i>	
Công Phu Tiến Tu.....	336
<i>Chương 2</i>	
Làm Ăn Nuôi Sống Trợ Đạo.....	341
<i>Chương 3</i>	
Làm Phước Trợ Duyên.....	342
<i>Chương 4</i>	
Bỏ Ác Làm Lành.....	344
<i>Chương 5</i>	
Cứu Tế Nẻo U Minh	346
<i>Chương 6</i>	
Phóng Sinh	349
<i>Chương 7</i>	
Lục Độ Vạn Hạnh Đồng Tu	350
<i>Chương 8</i>	
Đại Sĩ Duy-ma Dạy Tám Pháp Tịnh Độ	352
<i>Chương 9</i>	
So Sánh Sự Khó Dễ Của Việc Tu Hành	353

<i>Chương 10</i>	
Ngài Thiên Thai Khai Thị Hai Hạnh Môn: Chấn Nản Và Ưa Thích Của Pháp Môn Tịnh Độ	357
<i>Chương 11</i>	
Đạo Tràng Tịnh Nghiệp.....	359
<i>Chương 12</i>	
Tự Tu Hành Và Giáo Hóa Người	363
<i>Chương 13</i>	
Dùng Sự Việc Kiểm Xét Tâm.....	366
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN BẢY	
Thiên thứ bảy	
CHÁNH NGUYỆN NIỆM PHẬT	375
<i>Chương 1</i>	
Khuyên Phát Đại Nguyện	379
<i>Chương 2</i>	
Lời Tựa Và Kệ Niệm Phật Phát Nguyện Của Tông Chủ Từ Chiếu	383
<i>Chương 3</i>	
Cầu Sinh Tịnh Độ Chủ Yếu Ở Sự Phát Nguyện	389
<i>Chương 4</i>	
Nghi Thức Phát Nguyện Tu Hành Của H	
<i>Chương 5</i>	
Văn Phát Nguyện Cầu Sinh Tịnh Độ Của Bạch Cư Dị	393
<i>Chương 6</i>	
Văn Thí Kinh Phát Nguyện Tịnh Độ Của Phùng Tế Xuyên	397
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN TÁM	
Thiên thứ tám	
CHÁNH QUYẾT VÃNG SINH	403
<i>Chương 1</i>	
Cha Mẹ Lâm Chung Vãng Sinh Tịnh Độ.....	408
<i>Chương 2</i>	
Ba Điều Nghi Lúc Lâm Chung.....	410

<i>Chương 3</i>	
Bốn Cửa Ải Lúc Lâm Chung.....	411
<i>Chương 4</i>	
Lâm Chung Quyết Nghi Toát Yếu.....	413
<i>Chương 5</i>	
Ngài Tăng Tế Lâm Chung	
Chuyên Tâm Quán Tưởng Tây Phương.....	416
<i>Chương 6</i>	
Văn Lâm Chung Chánh Niệm Vãng Sinh Của Hòa Thượng Thiện Đạo.....	417
<i>Chương 7</i>	
Hóa Phật Đến Đón Rước.....	421
<i>Chương 8</i>	
Bài Kệ Tán Thán Niệm Phật Lúc Lâm Chung	
Của Bồ-tát Hiền Thủ.....	424
<i>Chương 9</i>	
Tình Tưởng Nhiều Ít, Bàn Về Quả Báo Cao Thấp.....	426
<i>Chương 10</i>	
Lâm Chung Tưởng Thiện Ác Chiêu Cảm Quả Báo.....	428
<i>Chương 11</i>	
Khuyên Bảo Dự Bị Tu Hành Mười Điều Lúc Lâm Chung Không Thể Niệm Phật.....	430
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN CHÍN	
Thiên thứ chín	
CHÁNH BÁO NIỆM PHẬT	435
<i>Chương 1</i>	
Công Đức Trang Nghiêm.....	442
<i>Chương 2</i>	
Tiến Tu Thánh Quả Ở Tịnh Độ.....	448
<i>Chương 3</i>	
Ba Mươi Sự Lợi Ích Của Tịnh Độ.....	450

<i>Chương 4</i>	
Thành Phật Nơi Tịnh Độ.....	454
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM - QUYỂN MƯỜI	
Thiên thứ mười	
CHÁNH LUẬN NIỆM PHẬT.....	459
<i>Chương 1</i>	
Nói Về Bản Tánh Chân Như.....	466
<i>Chương 2</i>	
Phân Biệt Rõ Thân Tâm Chân Vọng.....	468
<i>Chương 3</i>	
Biện Minh Tam Bảo.....	472
<i>Chương 4</i>	
Biện Biệt Thấy Nghe Hiểu Biết.....	476
<i>Chương 5</i>	
Phá Trừ Vọng Thuyết Hòa Phước.....	478
<i>Chương 6</i>	
Biện Minh Về Chấp Không.....	481
<i>Chương 7</i>	
Biện Minh Tương Hợp Nhất.....	483
<i>Chương 8</i>	
Biện Minh Song Tu.....	485
<i>Chương 9</i>	
Biện Minh Ba Xe.....	488
<i>Chương 10</i>	
Biện Minh Ba Quan Âm.....	491
<i>Chương 11</i>	
Biện Minh Đại Thừa, Tiểu Thừa.....	493
<i>Chương 12</i>	
Biện Minh Không Sinh Không Diệt.....	496
<i>Chương 13</i>	
Biện Minh Tào Khê Lộ.....	499

<i>Chương 14</i>	
Biện Minh Phạt Pháp Ấn Dấu	501
<i>Chương 15</i>	
Biện Minh Ánh Sáng Vượt Hơn Nhật Nguyệt	503
<i>Chương 16</i>	
Biện Minh Hạt Châu Trong Búi Tóc	505
<i>Chương 17</i>	
Biện Minh Quả Vô Lậu.....	507
<i>Chương 18</i>	
Biện Minh Trà Triệu Châu.....	511
<i>Chương 19</i>	
Biện Minh Giáo Ngoại Biệt Truyền.....	513
<i>Chương 20</i>	
Biện Minh Đóng Các Nẻo Ác, Khai Thị Đường Niết-bàn Chân Chánh.....	517
<i>Chương 21</i>	
Biện Minh Bốn Loài Chúng Sinh.....	519
<i>Chương 22</i>	
Phá Dẹp Việc Lập Mười Hiệu Sai Lầm.....	521
<i>Chương 23</i>	
Thệ Nguyện Lưu Thông.....	525
LỜI BÁT.....	531
Mấy lời tâm huyết.....	533
<i>Mục lục</i>	